

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT XÂY DỰNG QUANG ĐẠT



143 Phạm Như Xương, P. Hòa Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Tel: 0936089858 - 0973458665

Email: quangdatqdc@gmail.com



HỒ SƠ NĂNG LỰC

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT XÂY DỰNG
QUANG ĐẠT**



Đà Nẵng, năm 2025

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT XÂY DỰNG QUANG ĐẠT
143 Phạm Như Xương, P. Hòa Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
Tel: 0936089858 - 0973458665
Email: quangdatqdc@gmail.com

HỒ SƠ NĂNG LỰC

Đà Nẵng, năm 2025

MỤC LỤC

A. Giới thiệu công ty	Trang 2-7
B. Năng lực nhân sự	Trang 8-19
C. Năng lực thiết bị	Trang 20-22
D. Năng lực phòng thí nghiệm	Trang 23-25
E. Một số công trình đã thực hiện	Trang 26-30
F. Danh sách chứng chỉ hành nghề và chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ	Trang 31-42
G. Một số hợp đồng	

A. GIỚI THIỆU CÔNG TY

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên số 0401389922 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 23 tháng 11 năm 2010, thay đổi lần 3 ngày 18 tháng 08 năm 2018.

Giấy Chứng nhận số 180/GCN-BXD ngày 21 tháng 6 năm 2022 Về việc Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng(LAS-XD 1107).

Căn cứ vào trình độ chuyên môn, kinh nghiệm của đội ngũ kỹ sư, cử nhân, công nhân kỹ thuật lành nghề, các chuyên gia tư vấn và cán bộ quản lý của Công ty.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC

Công ty TNHH Tư vấn Khảo sát Xây dựng Quang Đạt là doanh nghiệp chuyên hoạt động trong lĩnh vực khảo sát xây dựng công trình, khảo sát thăm dò khoáng sản. Công ty có một đội ngũ kỹ sư, cử nhân, công nhân lành nghề và giàu kinh nghiệm, đã từng hoạt động lâu năm trong ngành Khảo sát xây dựng, Tư vấn lập thủ tục xin cấp phép mỏ khoáng sản,... Ngoài ra công ty còn có các chuyên gia đầu ngành về các lĩnh vực nói trên tham gia ở vai trò cố vấn kỹ thuật.

1. TÊN TỔ CHỨC VÀ ĐỊA ĐIỂM

- Tên : Công ty TNHH Tư vấn Khảo sát Xây dựng Quang Đạt
- Tên Quốc tế : Quang Dat Construction Survey Consultancy Co., LTD
- Địa điểm : 143 Phạm Như Xương, P. Hòa Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng
- Điện Thoại : 0936089858
- Fax : 0236.3739458

2. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

- Giám đốc Công ty:

Họ và tên : Lê Đức Đạt

Mobile : 0936 089 858 – 0973 458 665

3. LỰC LƯỢNG CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT

Tổng số cán bộ gồm có 22 người. Trong đó :

- Tiến sĩ Địa chất : 01 người
- Thạc sĩ Địa chất : 02 người
- Kỹ sư Địa chất : 08 người
- Cử nhân Kinh tế : 01 người
- Trung cấp và Công nhân kỹ thuật : 11 người

III. NĂNG LỰC VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Công ty TNHH Tư vấn Khảo sát Xây dựng Quang Đạt là doanh nghiệp chuyên hoạt động trong các lĩnh vực:

1. Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát thăm dò khoáng sản;
2. Tư vấn giám sát công tác Khảo sát xây dựng;
3. Trắc địa công trình, đo vẽ lập bản đồ các tỷ lệ;
4. Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất, đá, nước và vật liệu xây dựng;
5. Xây dựng các công trình Dân dụng - công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện.

Phạm vi hoạt động trong toàn quốc.

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 8 năm 2024



Giám đốc

Lê Đức Đạt

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0401389922

Đăng ký lần đầu: ngày 23 tháng 11 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 18 tháng 08 năm 2018

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT XÂY DỰNG QUANG ĐẠT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUANG DAT CONSTRUCTION SURVEY COUNSULTANCY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: QDCO

2. Địa chỉ trụ sở chính

143- Phạm Như Xương, Phường Hoà Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0236.3739458

Email:

Fax: 0236.3739458

Website:

3. Vốn điều lệ 2.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	LÊ ĐỨC ĐẠT	Tổ 28, Chơn Tâm 1A, Phường Hoà Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	1.300.000.000	65,000	212110835	
2	TRẦN THỊ TƯỜNG VY	Tổ 28, Chơn Tâm 1A, Phường Hoà Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	700.000.000	35,000	201316432	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Được quét bằng CamScanner

* Họ và tên: LÊ DỨC ĐẠT

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 04/06/1979 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 212110835

Ngày cấp: 23/10/2012 Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Ngãi

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 28, Chơn Tâm 1A, Phường Hoà Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 28, Chơn Tâm 1A, Phường Hoà Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Thu Nguyệt



Được quét bằng CamScanner

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: DNA-00010018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 536/QĐ-SXD ngày 27/3/2018
và Quyết định số 406/QĐ-SXD ngày 30/12/2022)

- Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT XÂY DỰNG QUANG ĐẠT
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0401389922
Ngày cấp: 23/11/2010 Nơi cấp: Sở Kế hoạch Đầu tư TP Đà Nẵng
- Tên người đại diện theo pháp luật:
Ông/Bà: Lê Đức Đạt Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ trụ sở chính: 143 Phạm Như Xương, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên
Chiểu, thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại: 0936089858 Số fax: 02363739458
- Email: quangdatqdc@gmail.com Website:

STT	Phạm vi hoạt động/Lĩnh vực hoạt động	Hạng	Thời hạn
I	Khảo sát (địa chất, địa hình) xây dựng công trình	II	Từ 30/12/2022 đến 30/12/2032

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 12 năm 2022

GIÁM ĐỐC



Phùng Phú Phong

Được quét bằng CamScanner

BỘ XÂY DỰNG
CỤC QUẢN LÝ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: BXD-00010018

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 16/QĐ-HĐXD-DN ngày 16/5/2023)

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT XÂY DỰNG QUANG ĐẠT

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập số: 0401389922

Ngày cấp: 23/11/2010.

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng.

Tên người đại diện theo pháp luật:

Ông/Bà: Lê Đức Đạt

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Địa chỉ trụ sở chính: 143 Phạm Như Xương, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Số điện thoại: 0236.3739458

Số fax:

E-mail:

Website:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

1. Khảo sát xây dựng:

- Địa chất công trình: Hạng I

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 16/5/2033.

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2023



Được quét bằng CamScanner

B. NĂNG LỰC NHÂN SỰ

I. Danh sách cán bộ và Chức vụ công tác

Stt	Họ và Tên	Trình độ chuyên môn	Thâm niên công tác	Chức danh
1	Lê Đức Đạt	Kỹ sư ĐCCT	22 năm	Giám đốc
2	Hoàng Bá Dũng	Cử nhân	16 năm	Kế toán
3	Đỗ Quang Thiên	Tiến sĩ địa kỹ thuật	28 năm	Cố vấn kỹ thuật
4	Đỗ Quốc Tuấn	Kỹ sư ĐCCT	25 năm	Cố vấn kỹ thuật
5	Đoàn Thái Bình	Kỹ sư trắc địa	18 năm	Cố vấn kỹ thuật
5	Nguyễn Thanh Tùng	Kỹ sư ĐCCT	20 năm	TP Kỹ thuật
6	Trần Quang Toàn	Kỹ sư ĐCCT	14 năm	Kỹ thuật
7	Nguyễn Huy Bảo	Kỹ sư ĐCCT	19 năm	Kỹ thuật
8	Trần Hoàng Châu	Kỹ sư ĐCCT	22 năm	TP. Thí Nghiệm
9	Phan Thị Quế Dung	Kỹ sư ĐCCT	22 năm	Thí nghiệm + Kỹ thuật
10	Trần Thị Tường Vy	Kỹ sư ĐCCT	22 năm	Thí nghiệm + Kỹ thuật
11	Nguyễn Văn Thành	Kỹ sư ĐCCT	18 năm	Thí nghiệm + Kỹ thuật
12	Nguyễn Quốc Viễn	CN bậc 7/7	25 năm	Đội trưởng đội khoan 1
13	Đỗ Minh Phòng	CN bậc 7/7	25 năm	Đội trưởng đội khoan 2
14	Nguyễn Hồng Mân	Công nhân	17 năm	Công nhân địa chất
15	Nguyễn Mạnh Thân	Công nhân	10 năm	Công nhân địa chất
16	Trần Khắc Vinh	Công nhân	12 năm	Công nhân địa chất
17	Phan Duy Tín	Công nhân	12 năm	Công nhân địa chất
18	Lê Văn Quyết	Công nhân	15 năm	Công nhân địa chất
19	Khuông Chí Hùng	Công nhân	16 năm	Công nhân địa chất
20	Trần Văn Ri	Công nhân	12 năm	Công nhân địa chất
21	Nguyễn Thanh Long	Trung cấp	12 năm	Công nhân địa hình
22	Nguyễn Hữu Tuấn	Trung cấp	12 năm	Công nhân địa hình

II. Lý lịch chuyên gia tư vấn (xem trang tiếp theo)

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA

- (1) Họ và tên : **LÊ ĐỨC ĐẠT**
- (2) Ngày sinh : 04 tháng 06 năm 1979.
- (3) Quốc tịch : Việt Nam.
- (4) Trình độ chuyên môn : Kỹ sư địa chất (2002)
- (5) Đào tạo khác : Chứng chỉ B tiếng Anh, Chứng chỉ Thí nghiệm viên, Kỹ thuật viên Tin học,
- (6) Quá trình công tác : Từ 2002- 2006: Công tác tại Công ty CP Tư vấn Xây dựng & Đầu tư Quảng Ngãi
Từ 2006- 2008: Công tác tại Công ty CP Tư vấn Xây dựng 533
Từ 2008- 2010: Công tác tại Công ty TNHH Tư vấn khảo sát Xây dựng Toàn Chính
Từ 2010- đến nay : Công tác tại Công ty TNHH Tư vấn khảo sát Xây dựng Quang Đạt
- (7) Tên công trình đã làm chủ nhiệm công trình hoặc chủ nhiệm chuyên đề. *Đã tham gia vào lãnh vực khảo sát địa chất trên 10 năm, cùng các đơn vị thực hiện trên 100 công trình lớn nhỏ thuộc các lĩnh vực Thủy lợi-thủy điện, giao thông, xây dựng dân dụng và công nghiệp tại khu vực Quảng Nam - Đà Nẵng, Khu vực Miền Trung và các tỉnh thành trên toàn quốc; Đã làm Kỹ sư - Kỹ thuật hiện trường, đội trưởng khảo sát, chủ nhiệm khảo sát và Quản lý kỹ thuật Khảo sát địa chất các dự án tiêu biểu:*

A. CÁC CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP:

1. Khu du lịch sinh thái thể thao biển Hội An
2. Nhà văn phòng Xí nghiệp xây lắp số 03
3. TT thương mại, văn phòng khách sạn cao cấp 84 Hùng Vương
4. Trường trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Việt Á
5. Trung tâm hành chính thành phố Đà Nẵng – 34 tầng
 - Giai đoạn Khảo sát sơ bộ
 - Giai đoạn Khảo sát Thiết kế
6. Nhà 43 tầng - số 8 Phan châu Trinh, Đà Nẵng
7. Căn hộ cho thuê cao cấp Thiên Kim – 18 tầng
8. Cao ốc 35 tầng thuộc Công ty CP địa ốc Vũ Châu Long, số 08 Phan Châu Trinh, ĐN
9. Cao ốc Viễn Đông Meridian tại số 84 Hùng Vương
10. Công viên công cộng và bãi đỗ xe ngầm
11. Long Phung villas resort
12. Trường Cao đẳng Du lịch Đà Nẵng
13. Kho trung chuyển hàng hoá Công ty hoá dầu Petrolimex
14. Bệnh viện Ung thư thành phố Đà Nẵng
15. Nhà thi đấu thể dục thể thao thành phố Đà Nẵng
16. Trường Đại học TDTT Đà Nẵng
17. Khu phức hợp EVN Miền Trung tại Đà Nẵng
18. Trường huấn luyện CAND khu vực Miền Trung
19. Lemeridien Da Nang Resort & Spa
20. Khu nghỉ dưỡng ven biển Non Nước
21. CN Ngân hàng phát triển Đà Nẵng
22. CN Ngân hàng Seabank tại Đà Nẵng
23. Viện NLNT Việt Nam tại Đà Nẵng
24. Nhà máy cồn Ethanol Đại Tân
25. Khu du lịch sinh thái cao cấp pegasus Fund 1 – LLC
26. Residential and comercial Building
27. DaiWa Viet Nam - Khu công nghiệp Hòa Khánh, Đà Nẵng

28. Khu thương mại dịch vụ Mega Market Việt Nam – tại Đà Nẵng – Công trình cấp 1
29.

B. CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

1. Đường Trà Bồng đi Tây Trà – Quảng Ngãi
2. Đường Trà My -:- Trà Bồng -:- Bình Long -:- Dung Quất – Quảng Nam và Quảng Ngãi
3. Quốc lộ 26
4. Quốc lộ 12A
5. Nâng cấp đường HCM đoạn qua TP Buôn Ma Thuột, đoạn qua TT Ngọc Hà tỉnh Kon Tum
6. Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình
7. Đường vào mỏ sắt thạch khê – Hà Tĩnh
8. Đường Trục chính Nam – Hà Tây
9. Đường trục chính khu CN – Liên hiệp Việt Hàn – Quảng Nam
10. Hạ Tầng kỹ thuật KDC Tam Hiệp – Núi Thành, Quảng Nam

C. CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, THỦY ĐIỆN

1. Hồ chứa nước Hồ Cả – huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi
2. Hồ chứa nước Cây Quen – huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi
3. Hồ chứa nước Trà Sơn – huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
4. Hồ chứa nước Lỗ Ổ – huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
5. Hồ chứa nước Hooc Còi – huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi
6. Thủy điện Hà Nang – huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi
7. Thủy điện Đá Đen – huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên
8. Thủy điện Iahiao – huyện Buôn hồ, tỉnh Đắk Lắk
9. Hồ chứa nước Hòa Trung, TP. Đà Nẵng
10. Hồ Chứa nước Đồng Xanh – Đồng Nghệ, TP. Đà Nẵng
11. Hồ Chứa nước Hồ Do, tỉnh Quảng Nam
12. Hồ Chứa nước Khe Tân, tỉnh Quảng Nam

(8) Cam đoan :

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

Người khai



Lê Đức Đạt

Ks. Lê Đức Đạt

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA

- (1) Họ và tên : **NGUYỄN ĐĂNG MÃNH**
- (2) Ngày sinh : 01 tháng 06 năm 1980
- (3) Quốc tịch : Việt Nam.
- (4) Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Địa chất (2003)
- (5) Đào tạo khác : Chứng chỉ thí nghiệm, kỹ thuật viên tin học, kỹ sư tư vấn giám sát chất lượng xây dựng, Chứng chỉ C Anh văn
- (6) Quá trình công tác :
- Từ 2003-2005 : Công tác tại Công ty CP Tư vấn XD & ĐT Quảng Ngãi
- Từ 2005-2007 : Công tác tại công ty Quảng Thuận
- Từ 2007-2010 : Công tác tại Công ty TNHH Tư vấn Khảo sát Xây dựng Toàn Chính
- Từ 2010- đến nay: Công tác tại Công ty TNHH Tư vấn Khảo sát Xây dựng Quang Đạt
- (7) Tên công trình đã làm chủ nhiệm công trình hoặc chủ nhiệm chuyên đề. *Đã tham gia vào lãnh vực khảo sát địa chất trên 8 năm, cùng các đơn thực hiện trên 100 công trình lớn nhỏ tại khu vực Miền Trung và các tỉnh thành trên toàn Quốc; Đã làm Kỹ sư - Kỹ thuật hiện trường và Quản lý kỹ thuật Khảo sát địa chất các dự án tiêu biểu :*

A. CÁC CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG – CÔNG NGHIỆP:

1. Khu dân cư Xí nghiệp gạch Quảng Thắng
2. Nhà máy đóng hộp - giày da cao cấp xuất khẩu
3. Trụ sở thi hành án dân sự quận Hải Châu
4. Văn phòng làm việc và cho thuê (2-9)
5. Khu điều trị ung thư - Bệnh nhiệt đới - Bệnh viện Đà Nẵng
6. Viện khoa học xã hội vùng Trung Bộ & Tây Nguyên
7. Trụ sở làm việc Công ty Tin học Asnet
8. Nhà làm việc Ngân hàng Nông nghiệp Hải Châu
9. Trường mầm non Bình Minh
10. Trung tâm giáo dục thường xuyên quận Thanh Khê
11. UBMT tổ quốc Hoà Vang
12. UBND, HĐND Hoà Vang
13. Huyện uỷ huyện Hoà Vang
14. Khách sạn quân đoàn 3 – thành phố Nha Trang
15. Văn phòng CN Cty Vinaconex 25
16. Văn phòng cho thuê Núi Thành - Trần Thị Lý
17. Trường THCS Nguyễn Khuyến
18. Trường trung cấp nghề CN tàu thủy 3
19. Bệnh viện đa khoa Hoà Xuân
20. Khách sạn Bảo Huy

B. CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG:

1. Quốc lộ 26 – Khánh Hòa
2. Đường Nguyễn Tri Phương – Đà Nẵng
3. Đường Vĩnh Đại (GD 1) – Đà Nẵng
4. Các tuyến đường huyện Hoà Vang – Đà Nẵng

5. Khu TĐC Hòa Khương 2 - Thành phố Đà Nẵng
6. Khu TĐC Hòa Bắc - Thành phố Đà Nẵng

.....
C. CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI:

1. Cụm 6 hồ chứa Thành phố Đà Nẵng
2. Nhà máy nước Hòa Liên – Đà Nẵng
3. Hồ Chứa nước Phước Hà, tỉnh Quảng Nam
4. Hồ Chứa nước Nước Rôn, tỉnh Quảng Nam

(8) Cam đoan :

.....
Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

Người khai



Ks. Nguyễn Đăng Mạnh

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA

- (1) Họ và tên: : **TRẦN THỊ TƯỜNG VY**
- (2) Ngày sinh : 01 tháng 2 năm 1978
- (3) Quốc tịch : Việt Nam.
- (4) Trình độ chuyên môn : Kỹ sư địa chất (2002)
- (5) Đào tạo khác: Chứng chỉ B Tiếng Anh, Chứng chỉ Thí nghiệm viên ngành xây dựng, Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành giao thông.
- (6) Quá trình công tác : Từ 2002-2005: Công tác tại Công ty CP Tư vấn thiết kế GTCC Đà Nẵng
Từ 2005- 2006: Công tác tại Công ty CP Tư vấn XD & ĐT Quảng Ngãi
Từ 2006-2010 : Công tác tại Công ty TNHH Tư vấn Khảo sát Xây dựng Toàn Chính
Từ 2010 đến nay : Công tác tại Công ty TNHH Tư vấn Khảo sát Xây dựng Quang Đạt
- (7) Tên công trình đã làm chủ nhiệm công trình hoặc chủ nhiệm chuyên đề hoặc tham gia thí nghiệm và lập hồ sơ. *Đã tham gia vào lĩnh vực khảo sát địa chất trên 9 năm, cùng các đơn vị thực hiện trên 100 công trình lớn nhỏ tại khu vực Quảng Nam - Đà Nẵng, Khu vực miền Trung và các tỉnh thành trên toàn Quốc; Đã làm Kỹ sư - Thí nghiệm viên phòng Thí nghiệm và Kỹ sư Khảo sát địa chất các dự án tiêu biểu :*

A. CÁC CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG:

1. Nhà tạm giữ Công an huyện Duy Xuyên, Công an Điện Bàn, Công an Thăng Bình, Công an Phước Sơn, Công an Đại Lộc tỉnh Quảng Nam
2. Trụ sở làm việc thi hành án Hải Châu
3. Khu tạm giữ Công an Liên Chiểu
4. Khu dân cư Xí nghiệp gạch Quảng Thăng
5. Câu lạc bộ sân Golf ngoài trời
6. Nhà máy đóng hộp - giày da cao cấp xuất khẩu
14. Trung tâm giáo dục thường xuyên quận Thanh Khê
15. UBMT tổ quốc Hoà Vang
16. UBND, HUBND Hoà Vang
17. Huyện uỷ huyện Hoà Vang
18. Khách sạn quân đoàn 3 – thành phố Nha Trang
19. Văn phòng CN Cty Vinaconex 25
20. Văn phòng cho thuê Núi Thành - Trần Thị Lý
21. Trường THCS Nguyễn Khuyến
22. Trường trung cấp nghề CN tàu thủy 3
23. Bệnh viện đa khoa Hoà Xuân
24. Khách sạn Bảo Huy
25. Khu du lịch sinh thái thể thao biển Hội An
26. Nhà văn phòng Xí nghiệp xây lắp số 03
27. TT thương mại, văn phòng khách sạn cao cấp 84 Hùng Vương
28. Trường trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Việt Á
30. Cao ốc Viễn Đông Meridian tại số 84 Hùng Vương
31. Công viên công cộng và bãi đỗ xe ngầm
32. Long Phung villas resort
33. Trụ sở Công ty CP Sông Ba
34. Trường Cao đẳng Du lịch Đà Nẵng
35. Kho trung chuyển hàng hoá Công ty hoá dầu Petrolimex

- 36. Bệnh viện Ung thư thành phố Đà Nẵng (bổ sung)
- 37. Nhà thi đấu thể dục thể thao thành phố Đà Nẵng (đợt 2)
- 38. Khu nghỉ dưỡng ven đầm Lập An – Lăng Cô
- 39. Khách sạn thanh hiền – 52 Hoàng Diệu

.....
B. CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

- 1. Kè đường ven sông Tuyên Sơn đi Túy Loan
- 2. Đường ven biển Sơn Trà :- Điện Ngọc
- 3. Đường Phan Đăng Lưu
- 4. Đường Nguyễn Tri Phương Nối Dài

(8) Cam đoan :

.....
Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng



Ngày 15 tháng 8 năm 2024
Người khai

Ks. Trần Thị Tường Vy

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA

- (1) Họ và tên : **PHAN THỊ QUẾ DUNG**
(2) Ngày sinh : 15 tháng 05 năm 1980
(3) Quốc tịch : Việt Nam.
(4) Trình độ chuyên môn : Kỹ sư địa chất (2002)
(5) Đào tạo khác : Chứng chỉ C tiếng Anh, Chứng chỉ Thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng
(6) Quá trình công tác : Từ 2002- 2010: Công tác tại Công ty CP Tư vấn TKXD Đà Nẵng
Từ 2010- đến nay : Công tác tại Công ty TNHH Tư vấn Khảo sát Xây dựng Quang Đạt
(7) Tên công trình đã làm chủ nhiệm công trình hoặc chủ nhiệm chuyên đề. *Đã tham gia trong lĩnh vực khảo sát địa chất và thí nghiệm trên 9 năm, cùng các đơn thực hiện nhiều công trình lớn nhỏ tại khu vực Quảng Nam - Đà Nẵng, Khu vực Miền Trung và các tỉnh thành trên toàn Quốc; Đã làm thí nghiệm và tham gia lập hồ sơ khảo sát địa chất các dự án :*
 1. Trụ sở Công an Phường Sơn Phong - Quảng Nam
 2. Nhà tạm giữ Công an Thăng Bình, Công an Phước Sơn, Công an Đại Lộc tỉnh Quảng Nam
 3. Trụ sở làm việc thi hành án Quảng Nam
 4. Kho vật chứng Liên Chiểu, Thanh Khê, Cẩm Lệ
 5. Trung tâm Dạy nghề An Việt
 6. Khách sạn quân đoàn 3 – thành phố Nha Trang
 7. Văn phòng CN Cty Vinaconex 25
 8. Văn phòng cho thuê Núi Thành - Trần Thị Lý
 9. Trường THCS Nguyễn Khuyến
 10. Trường trung cấp nghề CN tàu thủy 3
 11. Bệnh viện đa khoa Hoà Xuân
 12. Khách sạn Bảo Huy
 13. Khu du lịch sinh thái thể thao biển Hội An
 14. Nhà văn phòng Xí nghiệp xây lắp số 03
 15. TT thương mại, văn phòng khách sạn cao cấp 84 Hùng Vương
 16. Trường trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Việt Á
 17. Trường Tiểu học Trần Văn Ôn
 18. Trường tiểu học Ngô Quyền
 19. Trường THPT Phạm Phú Thứ
 20. Trường Nguyễn Văn Linh
 21. Khách sạn Mỹ Khê Đức Long
.....
(8) Cam đoan : Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng

Ngày 15 tháng 8 năm 2024
Người khai



Lê Đức Đạt

Ks. Phan Thị Quế Dung

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA

- (1) Họ và tên : NGUYỄN VĂN THANH
(2) Ngày sinh : 08 tháng 05 năm 1983
(3) Quốc tịch : Việt Nam.
(4) Trình độ chuyên môn : Kỹ sư địa chất (2006)
(5) Đào tạo khác : Chứng chỉ thí nghiệm viên, Chứng chỉ C Tiếng anh
(6) Quá trình công tác : Từ 2006- 2010: Công tác tại Công ty CP Tư vấn Xây dựng 533
Từ 2010- đến nay : Kỹ sư hiện trường - Kỹ thuật Địa chất.
Công ty TNHH Tư vấn Khảo sát Xây dựng Quang Đạt
(7) Tên công trình đã làm chủ nhiệm công trình hoặc chủ nhiệm chuyên đề hoặc tham gia thực hiện. *Đã tham gia vào lãnh vực khảo sát địa chất trên 5 năm, cùng đơn thực hiện nhiều công trình lớn nhỏ tại khu vực Quảng Nam - Đà Nẵng, Khu vực Miền Trung và các tỉnh thành trên toàn Quốc; Đã làm Kỹ thuật hiện trường, Kỹ sư Khảo sát địa chất các dự án tiêu biểu :*

A. Các công trình dân dụng :

1. Khách sạn Nam Á
2. Khách Sạn Orange
3. Khách Sạn Hoàng Hà
4. Vinacapital - giai đoạn 2
5. Trụ sở Công ty Cp thuốc Thú Y TW2
6. Trường mẫu giáo Hòa Xuân 1,2
7. Khách sạn 68 Phạm Châu Trinh

B. Các công trình giao thông :

1. Đường Tỉnh lộ 2 – Hà Tĩnh
2. Đường Ninh Phước đi Ninh Vân
3. Đường HCM đoạn Năm Căn đi Đất Mũi
4. Mở rộng tuyến Đông Hà đi Quảng Trị
5. Cao tốc Hà Nội đi Lào Cai
6. Cầu Trần Thị Lý
7. Đường ven biển tỉnh Quảng Bình
8. Cầu Cửa Đại

- (8) Cam đoan : Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng



Lê Đức Đạt

Ngày 15 tháng 8 năm 2024
Người khai

Ks. Nguyễn Văn Thành

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA

- (1) Họ và tên: : **TRẦN QUANG TOÀN**
(2) Ngày sinh : 11 tháng 7 năm 1986
(3) Quốc tịch : Việt Nam.
(4) Trình độ chuyên môn : Kỹ sư địa chất (2007)
(5) Đào tạo khác : Chứng chỉ B Tiếng Anh, Chứng chỉ Thí nghiệm viên về Cơ học đất, vật liệu xây dựng: Bê tông, thép, nhựa đường
(6) Quá trình công tác : Từ 2012 - đến nay : Công tác tại Công ty TNHH Tư vấn Khảo sát Xây dựng Quang Đạt
(7) Tên công trình đã làm chủ nhiệm công trình hoặc chủ nhiệm chuyên đề. *Đã tham gia vào lĩnh vực khảo sát địa chất trên 10 năm, cùng các đơn thực hiện trên 20 công trình lớn nhỏ tại khu vực Quảng Nam - Đà Nẵng, Khu vực miền Trung và các tỉnh thành trên toàn Quốc; Đã làm Tư vấn giám sát, Thí nghiệm viên phòng Thí nghiệm và Kỹ sư Khảo sát địa chất các dự án tiêu biểu :*

A. CÁC CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP:

1. Trung tâm giáo dục thường xuyên Hải Châu
2. Nhà tạm giữ Công an huyện Duy Xuyên, Công an Đại Lộc tỉnh Quảng Nam
3. Trụ sở làm việc thi hành án Hải Châu
4. Khu tạm giữ Công an Liên Chiểu
5. Khu dân cư Xí nghiệp gạch Quảng Thăng
6. Câu lạc bộ sân Golf ngoài trời
7. Nhà máy đóng hộp - giày da cao cấp xuất khẩu
8. Trụ sở thi hành án dân sự quận Hải Châu
9. Văn phòng làm việc và cho thuê (2-9)
10. Khu điều trị ung thư - Bệnh nhiệt đới - Bệnh viện Đà Nẵng
11. Viện khoa học xã hội vùng Trung Bộ & Tây Nguyên
12. Trụ sở làm việc Công ty Tin học Asnet
13. Nhà làm việc Ngân hàng Nông nghiệp Hải Châu
14. Trường mầm non Bình Minh
15. Trung tâm giáo dục thường xuyên quận Thanh Khê
16. Văn phòng CN Cty Vinaconex 25
17. Văn phòng cho thuê Núi Thành - Trần Thị Lý
18. Trường THCS Nguyễn Khuyến
19. Trường trung cấp nghề CN tàu thủy 3
20. Bệnh viện đa khoa Hoà Xuân
21. Khách sạn Bảo Huy
22. Khu du lịch sinh thái thể thao biển Hội An
23. Nhà văn phòng Xí nghiệp xây lắp số 03
24. TT thương mại, văn phòng khách sạn cao cấp 84 Hùng Vương
25. Trường trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ Việt Á

B. CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

1. Đường Hoàng Văn Thái đi Bà Nà
2. Đường La Sơn Túy Loan(GĐ 2)
3. Quốc lộ 14 G
4. Cầu và đường dẫn vào đường ĐH14.ĐB(GĐ 1)
5. Đường Nội bộ KCN Chu Lai
6. Đường Từ KCN Ô tô Trường Hải đi KCN Tam Anh
7. Đường DH2 – Đà Nẵng

(8) Cam đoan :

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng



Ngày 15 tháng 8 năm 2024
Người khai

Ks. Trần Quang Toàn

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA

- (1) Họ và tên: **TRẦN HOÀNG CHÂU**
- (2) Ngày sinh: 15 tháng 12 năm 1977
- (3) Quốc tịch: Việt Nam.
- (4) Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất (2002)
- (5) Đào tạo khác: Chứng chỉ B Tiếng Anh, Chứng chỉ Thí nghiệm viên, Chứng chỉ quản lý Phòng thí nghiệm
- (6) Quá trình công tác: Từ 2002 – 2010: Công tác tại Công ty CP Tư vấn Xây dựng 533
Từ 2010 - đến nay: Công tác tại Công ty TNHH Tư vấn Khảo sát Xây dựng Quang Đạt
- (7) Tên công trình đã làm chủ nhiệm công trình hoặc chủ nhiệm chuyên đề. *Đã tham gia vào lãnh vực khảo sát địa chất trên 5 năm, cùng các đơn thực hiện nhiều công trình lớn nhỏ tại khu vực Quảng Nam - Đà Nẵng, Khu vực miền Trung và các tỉnh thành trên toàn Quốc; Đã làm Thí nghiệm viên, quản lý Phòng thí nghiệm và Kỹ sư Khảo sát địa chất các dự án tiêu biểu:*

A. CÁC CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG

1. Khách sạn Du Tiên
2. Khách sạn Gió Biển
3. Khách sạn Nhứt Võ
4. Trụ sở hội khuyến học thành phố Đà Nẵng
5. Văn phòng cho thuê số 9 Trần Quốc Toản
6. Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ - Đại Lộc - Quảng Nam
7. Nhà máy đóng hộp - giày da cao cấp xuất khẩu
8. Trụ sở thi hành án dân sự quận Hải Châu
9. Văn phòng làm việc và cho thuê (2-9)
10. Khu điều trị ung thư - Bệnh nhiệt đới - Bệnh viện Đà Nẵng
11. Viện khoa học xã hội vùng Trung Bộ & Tây Nguyên
12. Trụ sở làm việc Công ty Tín học Asnet
13. Nhà làm việc Ngân hàng Nông nghiệp Hải Châu
14. Trường mầm non Hòa Sơn

B. CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

1. Tuyến tránh Đồng Hới
2. Đường vào mỏ sắt Thạch Khê Hà Tĩnh
3. Tuyến Tránh Thái Bình
4. Quốc lộ 12A - Quảng Bình
5. Quốc lộ 1A - đoạn Đông Hà -:- Quảng Trị

- (8) Cam đoan: Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng



Giám đốc công ty

Lê Đức Đạt

Ngày 15 tháng 8 năm 2024

Người khai

Ks. Trần Hoàng Châu

C. NĂNG LỰC THIẾT BỊ

I. Thiết bị văn phòng

Stt	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị
1	Máy vi tính 17 inch	05	cái
2	Máy vi tính xách tay 14 inch	15	cái
3	Máy in các loại	4	cái
4	Máy photocopy	1	cái
5	Máy Fax	1	cái
6	Máy scan	1	cái

II. Thiết bị và dụng cụ thí nghiệm

STT	Danh mục thiết bị	Xuất xứ	Đơn vị	SL
1	Bộ sàng D300 , cỡ sàng : 70-40-20-10-5 mm + nắp đáy	Trung Quốc	Bộ	02
2	Thước kẹp cải tiến. 300 mm /0.05 -	Việt Nam	Chiếc	01
3	Kim sắt , kim nhôm , búa	Việt Nam	Bộ	01
4	Bộ dụng cụ thử nén đập trong xilanh D75 và D 150mm	Việt Nam	Bộ	01
5	Bình tỷ trọng 100 ml	Trung Quốc	Chiếc	20
6	Hộp nhôm sấy ẩm	Trung Quốc	Chiếc	100
7	Tủ sấy 300 độ C-Model: 101-2A	Trung Quốc	Chiếc	01
8	Bộ thí nghiệm giới hạn chảy theo pp Vaxiliep	Trung Quốc	Bộ	01
9	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất	Việt Nam	Bộ	02
	Tấm kính nhám			
10	Tỷ trọng kế thang B . ELE-UK	Anh	Chiếc	01
11	Ống đồng thủy tinh có chia vạch 1 lít	Trung Quốc	Chiếc	15
12	Máy cắt đất ứng biến 2 tốc độ. Model : JZ-Nam Kinh Lực cắt tối đa : 1.2kN Tỷ lệ cánh tay đòn: 1:12 Gia tải thẳng góc : 50-100-200-300 và 400Kpa	Trung Quốc	Bộ	01
13	Máy nén cổ kết không nở hông Model: WG -Nam Kinh Sử dụng 03 cối ;2 loại mẫu : 30 và 50 cm2 Khả năng gia tải : 12.2-1600 Kpa	Trung Quốc	Bộ	02
14	Dao vòng ĐK 61.8 x 20 mm	Trung Quốc	Chiếc	30
15	Bộ cối chày Protor tiêu chuẩn Cối protor tiêu chuẩn 4"dia. x 4.584 " heig. Cối protor tiêu chuẩn 2.49 kg,độ cao đầm 304.8mm	Việt Nam	Bộ	01
16	Bộ cối chày Protor cải tiến Cối protor tiêu chuẩn 6"dia. x 4.584 " heig.	Việt Nam	Bộ	01

	Cối protor tiêu chuẩn 4.47 kg, độ cao đảm 475.8mm			
17	Máy ép CBR. Model: CBR - 2. Nam Kinh Lực ép tối đa : 50Kn Tốc độ tăng tải : 1 mm và 1.27 mm/phút Pitong xuyên : ØK 50mm x 100 mm (h)	Trung Quốc		01
18	Bộ khuôn CBR	Việt Nam	Bộ	03
19	Máy nén ba trục .TSZ-3-2.0	Trung quốc	Bộ	01
20	Bộ dụng cụ dao dai	Việt Nam	Bộ	02
21	Máy Khoan mẫu đá – đài loan	Đài Loan	Bộ	01
22	Máy cắt đá	Trung Quốc	Bộ	01
23	Phễu rót cát - Model: GRY-II, Nam Kinh Gồm :Phễu rót ,bình thể tích chuẩn 4 lít ,tấm dung trọng	Trung Quốc	Bộ	02
24	Mũi xúc mẫu	Việt Nam	Chiếc	01
25	Đục thép	Việt Nam	Chiếc	01
25	Cân nhựa đựng cát chuẩn (5 lít)	Việt Nam	Chiếc	01
27	Xẻng xúc đất	Việt Nam	Chiếc	01
28	Búa cao su	Việt Nam	Chiếc	01
29	Búa thép	Việt Nam	Chiếc	01
30	Cát tiêu chuẩn	Việt Nam	Gói	10
31	Kích thủy lực 32 tấn	Trung Quốc	Chiếc	01
32	Cần Benkelman	Việt Nam	Chiếc	01
33	Cân điện tử . Model : BC -30 – Ohaus	Mỹ	Chiếc	01
34	Cân điện tử kỹ thuật Model : PA4102 Ohaus	Mỹ	Chiếc	01
35	Sàng tiêu chuẩn D 300mm, lỗ mở các loại	Trung Quốc	Chiếc	10
36	Ống đong - 250;100ml	Trung Quốc	Chiếc	02
37	PIPET - 10;5ml	Trung Quốc	Chiếc	02
37	Bình tam giác - 500;250;100;50ml	Trung Quốc	Chiếc	02
39	Dao trộn mẫu	Việt Nam	Chiếc	05
40	Bay trộn mẫu	Việt Nam	Chiếc	05
41	Bình tia rửa mẫu loại 500 ml	Trung Quốc	Chiếc	02
42	Bình hút ẩm không vôi D300mm	Trung Quốc	Bộ	01
43	Bộ cối chà sứ	Trung Quốc	Bộ	02
44	Nhiệt kế thủy tinh 100oC	Trung Quốc	Chiếc	02
45	Nhiệt kế thủy tinh 300oC	Trung Quốc	Chiếc	02
46	Khay tôn, nhôm các cỡ	Vnam	Chiếc	10
47	Và công cụ dụng cụ khác			

III. Thiết bị khảo sát địa hình

Stt	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị
1	Máy toàn đạc Điện tử TC407	1	cái
2	Máy toàn đạc Điện tử TC600	1	cái
3	Máy cơ (Nhật Bản)	1	cái
4	Máy thủy chuẩn	1	cái
5	Bộ đàm	2	cái
6	Chân máy và mia	2	bộ

IV. Thiết bị khảo sát địa chất

Stt	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị
1	Máy khoan XY -1 (Trung Quốc)	4	cái
2	Máy nổ Đông Phong D15	4	cái
3	La bàn	2	cái
4	Bơm nước (Honda)	4	cái
5	Tháp khoan 3 chân	4	bộ
6	Cần khoan	250	met
7	Ống chống	80	met
8	Bộ lấy mẫu nguyên dạng	6	bộ
9	Bộ thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT	6	bộ
10	Máy phát điện (Nhật Bản)	2	cái
11	Dụng cụ tháo dỡ cần	6	bộ
12	Thước cuộn	5	cái
13	Thước dây	5	cái
14	Thước thép	5	cái
15	Thùng đo lưu lượng	2	cái
16	Dụng cụ đo mực nước	2	cái
17	Đồng hồ đo lưu lượng	3	cái

D. NĂNG LỰC PHÒNG THÍ NGHIỆM

(Danh mục các phép thử)

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 180 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH tư vấn khảo sát xây dựng Quang Đạt và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 04/6/2022.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH tư vấn khảo sát xây dựng Quang Đạt

Mã số thuế: 0401389922

Địa chỉ: 143 đường Phạm Như Xương- Phường Hoà Khánh Nam- Quận Liên Chiểu - Thành phố Đà Nẵng.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm địa kỹ thuật và kiểm định chất lượng công trình xây dựng

Địa chỉ phòng thí nghiệm: số 143 đường Phạm Như Xương, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 1107

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp, thay thế Giấy chứng nhận số 633/GCN-BXD ngày 07/11/2017./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH tư vấn khảo sát xây dựng Quang Đạt;
- Sở XD Đà Nẵng;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

Được quét bằng CamScanner

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1107
(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 180 /GCN-BXD, ngày 21 tháng 6 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
Thử nghiệm cơ lý cốt liệu		
1.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136-14; AASHTO T27-18, T37-16
2.	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:06
3.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; ASTM C128/ C127-15; AASHTO T185-17
4.	Xác định khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127; AASHTO T85-14
5.	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29/C29M-17a; AASHTO T19/T19M-18; EN 1097-3:98
6.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06; ASTM C566-13; AASHTO T255-16
7.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C142/ C142M-17; ASTM C117-17
8.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40/ C40M-16; AASHTO T21-05
9.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM C2938:02
10.	Xác định độ nén đập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006; ASTM C131; AASHTO T96
11.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006; ASTM C131: 14, C533:16; AASHTO T96:06
12.	Xác định hàm lượng hạt trôi dạt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791
13.	Xác định khả năng phản ứng kiềm silic của cốt liệu	TCVN 7572-14:2006
14.	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:2006
15.	Xác định hàm lượng sunfat, sunfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006
16.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006 AASHTO T122-16
17.	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
18.	Xác định hàm lượng silic ô xít vô định hình	TCVN 7572-19:2006
19.	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
20.	Xác định lượng hạt < 0,075mm của cát nghiền	TCVN 9205: 2012; ASTM C 117
21.	Xác định hệ số Es	ASTM D2419
22.	Cốt liệu nhẹ cho Bê tông- sỏi, dăm sỏi và cát Keramzit; Xác định thành phần cỡ hạt; khối lượng thể tích; độ bền xi lanh; khối lượng mất khi đun sỏi; độ hút nước; độ ẩm	TCVN 6221:97
23.	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu hạt không sử dụng chất liên kết	22TCN 211: 2006
Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng		
24.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012; ASTM D854-00 AASHTO T100-10
25.	Xác định độ ẩm và hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216-10
26.	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; ASTM D4318-00 AASHTO T89-10; T90-08

Dal
Được quét bằng CamScanner

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
27.	Xác định các thành phần cơ hạt	TCVN 4198:2012; ASTM C136:06; D1140; AASHTO T88:10; T27:11
28.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng .	TCVN 4199:2012; ASTM D 3080:01; AASHTO T236:96
29.	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông của đất trong phòng thí nghiệm.	TCVN 4200:2012; ASTM D2435; D3877; D4546:01; AASHTO T216:96; BS1377:05
30.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012; ASTM D1557; D698; AASHTO T99-10; T180-10
31.	Xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; ASTM D2937-71
32.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:06; ASTM D1883; AASHTO T193-10
33.	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU, CU, CD, CV)	TCVN 8868:11; ASTM D2850; AASHTO T296
34.	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166-01
35.	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012
36.	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012; ASTM D4546
37.	Xác định đặc trưng cơ ngót của đất	TCVN 8720:2012
38.	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8721:2012
39.	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723: 2012; ASTM D2434
40.	Xác định hệ số thấm vật liệu rời với cột nước không đổi	ASTM D2334; D5856
41.	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
42.	Xác định hàm lượng hữu cơ	TCVN 8726:2012
43.	Xác định sức chống cắt của đất hạt mịn mềm yếu bằng thí nghiệm cắt cánh trong phòng thí nghiệm	TCVN 8725: 2012
44.	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726: 2012; AASHTO T267
45.	Xác định hàm lượng muối trong đất	TCVN 8727:2012
46.	Đá xây dựng công trình thủy lợi- Xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm	TCVN 8735:2012
47.	Đá xây dựng- Xác định độ ẩm, độ hút nước trong phòng thí nghiệm	TCVN 10321:2014
48.	Đá xây dựng- Xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm.	TCVN 10322:2014
49.	Đá xây dựng - Xác định độ bền cắt trong phòng thí nghiệm.	TCVN 10323:2014
50.	Đá xây dựng - Xác định độ bền nén một trục trong phòng thí nghiệm.	TCVN 10324:2014
51.	Thí nghiệm nén nở hông cho đá góc	GB/T50123-99
52.	Thí nghiệm nén chè đôi cho lõi đá góc	ASTM D3967/ BS EN 22477
Thí nghiệm hiện trường		
53.	Xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao dai	22 TCN 02:1971 AASHTO T204
54.	Xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346:06; ASTM D1556
55.	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3 m	TCVN 8864: 2011; ASTM E1082
56.	Xác định modul đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng	TCVN 8861: 2011

[Stamp]

Signature

Được quét bằng CamScanner

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
57.	Xác định modun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkelman	TCVN 8867: 2011; AASHTO T256; ASTM D4685
58.	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866: 2011; ASTM E965
59.	Thí nghiệm cắt cánh tại hiện trường (FVT)	22TCN 355-06
60.	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351: 12
61.	Xác định độ thấm nước của đất bằng đồ nước hồ đào, hồ khoan	TCVN 8731:12
62.	Xác định modun biến dạng của đất tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354: 2012
63.	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
64.	Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821: 2011 ASTM D4429-92
65.	PP xác định môđun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012
66.	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D1586; ASTM D 6951
67.	Đo áp lực nước lỗ rỗng	TCVN 8869:11; AASHTO T252
Phép thử đất, đá gia cố bằng chất kết dính		
68.	Đất gia cố bằng chất kết dính với xi măng: Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và độ ẩm lớn nhất của hỗn hợp; Xác định độ bền khi nén; xác định mô đun biến dạng; xác định độ ổn định với nước và nhiệt độ	22TCN 59: 1984
69.	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá với chất kết dính vô cơ	TCVN 9843: 2013
70.	Xác định cường độ kéo khi ép chế	TCVN 8862: 2011
71.	Xác định độ đầm chặt theo pp khô và ướt	ASTM D559- 03
72.	Độ ổn định nước sau 5 chu kỳ bão hoà sấy	ASTM C496-74
73.	Xác định cường độ kháng nén của mẫu dạng trụ	ASTM D1633:96
74.	Xác định cường độ kháng nén của mẫu dạng thanh	ASTM D1634:96
75.	Xác định cường độ uốn của mẫu dạng thanh	ASTM D1635:96
Phép thử phân tích hóa nước cho xây dựng		
76.	Xác định hàm lượng muối hòa tan và lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
77.	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011
78.	Xác định hàm lượng Ion clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996
79.	Xác định hàm lượng Ion sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:1996
80.	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 6186:1996
81.	Xác định hàm lượng Natri và Kali.	TCVN 6196:2000

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

Đạt

Được quét bằng CamScanner

E. MỘT SỐ CÔNG TRÌNH ĐÃ THỰC HIỆN

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ XD	NĂM THỰC HIỆN
1	Khách sạn Anh Nhi	91 Hồ Xuân Hương - TP Đà Nẵng	15 tầng / 50	2015
2	Khách sạn Seasun	Đường Hoàng Sa - TP Đà Nẵng	15 tầng / 30	2015
3	Khách sạn MITISA	Đường Nguyễn Văn Linh - TP Đà Nẵng	10 tầng / 12	2015
4	Khách sạn kết hợp căn hộ	Đường Trường Sa-TPĐN	20 tầng / 60	2015
5	Nhà tổng duyệt – Đoàn văn công quân khu 5	Đường Trường Chinh – quận Thanh Khê, TPĐN	4 tầng / 11	2015
6				
7	Chi cục thuế huyện Điện Bàn	Huyện Điện Bàn-tỉnh Quảng Nam	5 tầng / 48	2015
8	Chi cục thuế thành phố Tam Kỳ	Thành phố Tam Kỳ-tỉnh Quảng Nam	10 tầng / 60	2015
9	Bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía bắc tỉnh Quảng Nam(Khoa sản Nhi)	TT Ái Nghĩa, H. Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	5 tầng / 48	2015
10	Blush Beach club Project	Huyện Điện Bàn – tỉnh Quảng Nam	50	2015
11	Bệnh viện sản nhi tỉnh Quảng Nam	Thành phố Tam Kỳ - tỉnh Quảng Nam	8 tầng	2016
12	Khách sạn ME	Quận Ngũ Hành Sơn – thành phố Đà Nẵng	15 tầng	2016
13	Khách sạn 26 tầng	Đường Võ Nguyên Giáp – TP Đà Nẵng	26 tầng	2016
14	Khách sạn Nesta Đà Nẵng	Đường Phạm Văn Đồng – TP Đà Nẵng	25 tầng	2016
15	DANANG SKY GARDEN	Quận Sơn Trà – thành phố Đà Nẵng	39 tầng	2017
16	Trung tâm báo chí Đà Nẵng	Đường Dương Đình Nghệ - TP Đà Nẵng	10 tầng	2017
17	Aumoria Hotel Đà Nẵng	Đường Hồ Xuân Hương – TP Đà Nẵng	30 tầng	2017
18	Khách sạn 17 tầng	Đường Nguyễn Hữu Thọ - TP Đà Nẵng	17 tầng	2017
19	Tòa nhà làm việc và Văn phòng cho thuê	Đường Núi Thành – TP Đà Nẵng	16 tầng	2017

20	Beach Light Hotel	Đường Hoàng Công Chất – TP Đà Nẵng	09 tầng	2017
21	Cầu và đường dẫn vào đường ĐH14.ĐB (giai đoạn 1)	Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam		2017
22	Đường nối đường 129 (Bình Sa) đi KCN Đông Quế Sơn	Các xã Bình Sa, Bình Triều, Bình Tú, Bình Phục, Bình Nguyên, Bình Giang – huyện Thăng Bình – Quảng Nam		2017
23	Hạ tầng kỹ thuật Khu B - Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng Hạng mục: Hệ thống giao thông - thoát nước đường 4B nối dài (Từ nút D19 đến nút D1, lý trình: Km1+832.27 - Km2+878.67)	KCN Hòa Khánh mở rộng, quận Liên Chiểu - Đà Nẵng		2018
24	Cầu Hà Tân - Tư vấn khảo sát địa chất giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	Xã Duy Vinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam		2018
25	Khách sạn Sofia	Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 50, CDC Phía Bắc Tu viện Phao Lô, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng	12 Tầng	2018
26	ROYAL LUXURY HOTEL	Thửa đất số 48,38, tờ bản đồ số 120; Khu A2.3 đường Hoàng Sa, vệt TM-DV-DL từ Nguyễn Phan Vinh đến Lê Văn Thứ, P. Thọ Quang, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng	22 Tầng	2018
27	Cầu Hà Tân - Tư vấn khảo sát địa chất bước lập thiết kế bản vẽ thi công	Xã Duy Vinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam		2019
28	Cầu Thanh Nam - Tư vấn khảo sát địa chất bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	Phường Cẩm Châu và phường Cẩm Nam, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam		2019
29	Cầu Thanh Nam - Tư vấn khảo sát địa chất bước Thiết kế bản vẽ thi công	Phường Cẩm Châu và phường Cẩm Nam, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam		2019
30	Nâng cấp, cải tạo đường ĐT 601- Khảo sát địa chất bước thiết kế bản vẽ thi công	Huyện Hòa Vang - thành phố Đà Nẵng		2019
31	Dự án Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 13, đoạn Km0+00 – Km26+300 (phân kỳ đầu tư: Km0+00 – Km10+00); phân đoạn: Km0+00 – Km6+840	Huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk		2020
32	Khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 2 Tuyến đường Bà Nà-Suối Mơ tại lý trình Km10+300	Thành phố Đà Nẵng		2020

33	Công trình: Khắc phục bảo lũ, đảm bảo giao thông bước 1 tại Km1368+500, đường Hồ Chí Minh, tỉnh Quảng Nam	Huyện Nam Giang - Tỉnh Quảng Nam		2020
34	Nhà máy công nghệ ATOMA	Lô A10-3, Khu sản xuất thuộc khu công nghệ cao Đà Nẵng, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng		2020
35	Khu căn hộ cao tầng thuộc dự án khu sân gôn Vinacapital Đà Nẵng (công trình dân dụng cấp 1)	Góc đường An Nông và đường Ven biển Đà Nẵng Hội An (Trường Sa) thuộc phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng	Xây mới 3 khối nhà 36 tầng, có 3 tầng hầm	2020
36	Việt Hương Complex Building	Thửa đất số 07, tờ bản đồ số KT/01, Nút giao đường Trần Thị Lý Và đường Núi Thành, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng;	15 Tầng, có 2 tầng hầm	2021
37	Kho Bãi ngoại quan Nesta Đà Nẵng	Lô A5, Khu công nghệ thông tin tập trung thuộc xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng		2021
38	Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 1 (công trình dân dụng cấp 1)	Thành phố Đồng Hới – tỉnh Quảng bình		2021
39	Tổ hợp chung cư cao cấp và Trung tâm thương mại dịch vụ Sapphire Coast” (công trình dân dụng cấp 1)	Khu đất C1, khu C – Vệt biệt thự Xuân Thiều – Nam Ô, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, tp Đà Nẵng	25 Tầng, có 3 tầng hầm	2021
40	Khoan khảo sát địa chất công trình cho Khu đô thị Square 2 (công trình dân dụng cấp 1)	Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng	Xây mới 7 tháp cao 26 tầng và 1 tòa 7 tầng + tum, có chung 2 tầng hầm	2021
41	Khoan khảo sát địa chất công trình cho Khu đô thị Square 3. (công trình dân dụng cấp 1)	Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng	Xây mới 7 tháp cao từ 24 tầng tới 29 tầng + tum, có chung 2 tầng hầm	2021
42	Công trình San nền, giao thông, kê bao (giai đoạn 2) tại khu vực bố trí cho Hải đội 2 - Bộ đội biên phòng (thuộc khu vực dịch vụ hậu cần cảng địa phương)	Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng		2022
43	Dự án Cầu Văn Ly và đường dẫn – Bước thiết kế bản vẽ thi công	Huyện Đại Lộc – Tỉnh Quảng Nam		2022
44	Dự án cải tạo, nâng cấp QL14E đoạn Km15+270-Km89+700, tỉnh	Tỉnh Quảng Nam		2022

	Quảng Nam – Bước Báo cáo nghiên cứu khả thi			
45	Dự án Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 13, đoạn Km6+840 ÷ Km25+00	Huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk		2022
46	Khu tái định cư Hòa Khương 2 phục vụ giải tỏa Dự án đường vành đai phía tây- Bước Lập báo cáo nghiên cứu khả thi	Thành phố Đà Nẵng		2022
	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên huyện Cư M’gar – Ea Súp	Tỉnh Đak lak		2022
47	Dự án Xử lý sạt lở đoạn qua đèo La Ngà, đường ĐT601	Thành phố Đà Nẵng		2023
48	Khu tái định cư Hòa Khương 2 phục vụ giải tỏa Dự án đường vành đai phía tây – Bước lập thiết kế bản vẽ thi công	Thành phố Đà Nẵng		2023
49	Cầu qua phá Tam Giang nối thị trấn Phú Đa đi xã Vinh Xuân, huyện Phú Vang	Huyện Phú Vang, Tỉnh Thừa Thiên Huế		2023
50	Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Nam Giang (mới)	Huyện Nam Giang, Tỉnh Quảng Nam		2024
51	Tổ hợp TMDV, Văn phòng, Căn hộ khách sạn, Căn hộ Condotel	Thành phố Đà Nẵng	29 Tầng, có 3 tầng hầm	2024
52	GOLDEN SANDBEACH BOUTIQUE HOTEL	Thành phố Đà Nẵng	15 Tầng, có 2 tầng hầm	2024
53	Tuyến kênh thoát nước từ khu tái định cư Hòa Nhơn đến sông Túy Loan	Thành phố Đà Nẵng		2024
54	Dự án Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường nội thị khu vực quận Hải Châu – Bước thiết kế bản vẽ thi công	Thành phố Đà Nẵng		2024
55	Khu thương mại dịch vụ Mega Market Việt Nam – tại Đà Nẵng; (công trình dân dụng cấp 1)	Khu Thương mại dịch vụ (siêu thị) phía Đông Nam KTX sinh viên, P. Hoà Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng;	4 tầng trên diện tích 1.4 ha	2024
56	Xây dựng mới khách sạn Sài Gòn Đà Nẵng tiêu chuẩn 5 Sao (công trình dân dụng cấp 1)	Số 07 đường Đống Đa, p. Thạch Thang, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Tầng cao: 23 tầng (Số tầng cao bao gồm: 02 tầng hầm, 22 tầng nổi và 01 tầng mái).	2024
...			

**F. DANH SÁCH CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
VÀ CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ**


SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE MINISTER OF EDUCATION AND TRAINING
On the Recommendation of the National Thesis Examination Committee
for the Doctoral Dissertations
held at Hanoi University of Mining and Geology

HAS CONFERRED UPON

Mr. Do Quang Thien
Born *13/01/1969* in *Quang Nam*

THE DEGREE OF

DOCTOR OF PHILOSOPHY
In Geology

Given under the seal of the Ministry of Education and Training
this Sixth day of June 2008

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO


THẠC SĨ
Đào Tuấn Long


Số bằng: **05603**

<p>THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM</p> <p>THE PRESIDENT OF HUE UNIVERSITY</p> <p>confers</p> <p>THE DEGREE OF MASTER OF SCIENCE IN GEOLOGY</p> <p>Upon: Mr (Ms) Nguyen Ngo Trinh</p> <p>Born on: 06/11/1988</p> <p>Given under the seal of Hue University</p> <p>Serial number: 0003018</p> <p>Reference number: KH 01573</p>	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</p> <p>GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ</p> <p>cấp</p> <p>BẰNG THẠC SĨ ĐỊA CHẤT HỌC</p> <p>Cho: Ông Nguyễn Ngô Trinh</p> <p>Sinh ngày: 06/11/1988</p> <p>Thừa Thiên Huế, ngày 24 tháng 02 năm 2014</p> <div style="text-align: center;">  PGS.TS. NGUYỄN VĂN TOÀN </div> <p>Số hiệu: 0003018</p> <p>Số vào sổ cấp bằng: KH 01573</p>
--	---




Số hiệu bằng: B **432888**

Số vào sổ: 05.08

Chữ ký của người được cấp bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường Đại học Khoa học Huế cấp

**BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC**

loại hình đào tạo CHÍNH QUY

ngành Địa chất (Địa chất công trình)

hạng Khá năm tốt nghiệp 2002

và công nhận danh hiệu

Cử nhân Khoa học

cho Lê Đức Đạt

sinh ngày 04-06-1979 tại Quảng Ngãi

Huế ngày 23 tháng 02 năm 2002

Hiệu trưởng

Khoa trưởng


 TS. Lê Mạnh Thành

Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ:

1. Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
3. Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
4. Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
5. Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: BXD-00021250

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 480/QĐ-CPN-CN ngày 10/10/2022)

THÔNG TIN CÁ NHÂN



.....
Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Họ và tên: **Lê Đức Đạt**
Ngày tháng năm sinh: **04/06/1979**
Số CMTND (hoặc số hộ chiếu): **051079013897**
Cấp ngày: **28/06/2021** tại Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội
Quốc tịch: **Việt Nam**
Cơ sở đào tạo: **Đại học Khoa học Huế**
Hệ đào tạo: **Chính quy**
Trình độ chuyên môn: **Cử nhân khoa học địa chất (địa chất công trình)**

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Khảo sát địa hình	I	từ 10/10/2022 đến 10/10/2027
2	Khảo sát địa chất công trình	I	từ 10/10/2022 đến 10/10/2027

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2022

KT. CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG



BỘ XÂY DỰNG
HỌC VIỆN CÁN BỘ QUẢN LÝ
XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỨNG NHẬN

Ông (bà): **Lê Đức Đạt**

Sinh ngày: 04-6-1979

Nơi sinh: Quảng Ngãi

Đã học xong chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng

Hệ: Tập trung

Từ ngày: 18-12-2012 đến ngày: 22-12-2012

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2012

Giám đốc

HỌC VIỆN CÁN BỘ QUẢN LÝ XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ



ThS. Bùi Đức Hưng

Vào sổ DK số: 0723-2012

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. Le Duc Dat

Has successfully passed the Training Course on
**Field Test for Evaluation the Integrity
and Bearing Capacity of Pile**

In July 2010

Ref. N^o: 7567 /2010/VKH -TNXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chúng nhận: Ông **Lê Đức Đạt**

Ngày sinh: 04/6/1979 - Quê quán: Quảng Ngãi

Cơ quan: Công ty Toàn Chính

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ
toàn vẹn và sức chịu tải của cọc**

Thời gian tổ chức: Từ ngày 18/7 đến ngày 22/7/2010

Tại: TP. Đà Nẵng

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2010

VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS. Cao Duy Tiến

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



Ref. N^o. 7512 /2010/VKH -TH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Lê Đức Đạt**

Ngày sinh: **04/6/1979** - Quê quán: **Đà Nẵng**

Cơ quan: Công ty Toàn Chính

Đã hoàn thành chương trình tập huấn về:

**Kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo
an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp
về chất lượng công trình**

Thời gian tổ chức: Từ ngày 16/7 đến ngày 18/7/2010

Tại: TP. Đà Nẵng

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2010



VIỆN TRƯỞNG

PGS. TS. Cao Duy Tiến

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA



Số hiệu chứng chỉ: **0054/ĐHBK-TNV**

Chữ ký của người
được cấp chứng chỉ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào Quy định về việc mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn Thí nghiệm Vật liệu và kiểm định công trình xây dựng ban hành kèm theo Quyết định 234/QĐ-ĐHBK ngày 28/10/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA ĐÀ NẴNG
cấp
CHỨNG CHỈ

Cho ông (bà): **Trần Thị Tường Vy**

Sinh ngày: **01/02/1978**

Quê quán: **Huế**

Đã hoàn thành chương trình: **Bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn Thí nghiệm Vật liệu và kiểm định công trình xây dựng**

Thời gian tổ chức: **Tháng 11 năm 2009**

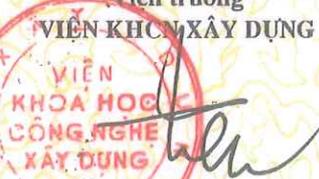
Kết quả xếp loại: **Khá**

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 11 năm 2009



PGS. TS. HOÀNG DƯƠNG HÙNG

<p>VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY</p>  <p>Ref. N^o. 7560 /2010/VKH -TH</p>	<p>CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></p> <p>VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG</p> <p>Chứng nhận: Bà Trần Thị Tường Vy Ngày sinh: 01/02/1978 - Quê quán: T.Thiên Huế Cơ quan: Công ty Toàn Chính Đã hoàn thành chương trình tập huấn về: Kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình Thời gian tổ chức: Từ ngày 16/7 đến ngày 18/7/2010 Tại: TP. Đà Nẵng</p> <p>Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2010</p> <p>VIỆN TRƯỞNG</p>  <p>PGS. TS. Cao Duy Tiến</p>
--	--

<p>VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY</p>  <p>It is hereby certified that: Ms. Trần Thị Tường Vy Has successfully passed Training Course on Field and Laboratory Testing Methods for Determining the Physico - Mechanical Properties of Soil In November 2004</p> <p>Ref. N^o. 521.3/2004/VKH -TNXD</p>	<p>CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></p> <p>VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG</p> <p>Chứng nhận: Bà Trần Thị Tường Vy Ngày sinh: 01/02/1978 - Quê quán: TT. Huế Cơ quan: Cty Tư vấn TKXD GTCC Đà Nẵng Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về: Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của đất trong phòng và hiện trường Thời gian tổ chức: Tháng 11 năm 2004 Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng</p> <p>Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2004</p> <p>Viên trưởng VIỆN KHOA HỌC XÂY DỰNG</p>  <p>PGS. TS. Cao Duy Tiến</p>
---	---

<p>VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY</p>  <p>It is hereby certified that: Mr. Nguyen Huy Bao Has successfully passed Training Course on <i>Field and laboratory Testing Methods for Determining the Physico - Mechanical Properties of Soil</i> In September - October 2003</p> <p>Ref. N^o. 355/2003/VKH -TNXD</p>	<p>CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <i>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</i></p> <p>VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG</p> <p>Chúng nhận: Ông Nguyễn Huy Bảo Ngày sinh: 25/10/1981 - Quê quán: Quảng Nam Cơ quan: Đại học Mở - Địa chất Hà Nội Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về: <i>Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của đất trong phòng và hiện trường</i> Thời gian tổ chức: Tháng 9 - 10 năm 2003 Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng <i>Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2003</i></p> <p>Viện trưởng VIỆN KHCN XÂY DỰNG</p>  <p>PGS. TS. Cao Duy Tiến</p>
---	---

<p>VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY</p>  <p>It is hereby certified that: Mr. Tran Hoang Chau Has successfully passed Training Course on <i>Field and Laboratory Testing Methods for Determining the Physico - Mechanical Properties of Soil</i> In March - April 2004</p> <p>Ref. N^o. 124/2004/VKH -TNXD</p>	<p>CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <i>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</i></p> <p>VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG</p> <p>Chúng nhận: Ông Trần Hoàng Châu Ngày sinh: 15/12/1977 - Quê quán: Quảng Ngãi Cơ quan: Cty Tư vấn XD GT 533 - Đà Nẵng Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về: <i>Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của đất trong phòng và hiện trường</i> Thời gian tổ chức: Tháng 3 - 4 năm 2004 Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng <i>Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2004</i></p> <p>Viện trưởng VIỆN KHCN XÂY DỰNG</p>  <p>PGS. TS. Cao Duy Tiến</p>
--	---

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:
Mrs. **Phan Thi Que Dung**
Has successfully passed Training Course on
**Testing Methods for Determining the
Fundamental Properties of Soil**
on April-May 2003
by the IBST

Nr. 106/2003/VKH -TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIÊN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Bà **Phan Thị Quế Dung**
Ngày sinh: 07/4/1980 - Quê quán: Quảng Nam
Cơ quan: Cty TVTK Xây dựng Đà Nẵng
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:
**Phương pháp xác định các tính chất
cơ bản của đất**
Thời gian tổ chức: Tháng 4-5 năm 2003
Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng
Hà Nội, ngày 03 tháng 5 năm 2003

Viên trưởng
VIỆN KHU VỰC XÂY DỰNG



PGS., TS. Cao Duy Tien

THÔNG TIN CÁ NHÂN



Chữ ký của người
được cấp chứng chỉ

NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP
HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Stt	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Khảo sát Địa chất công trình	III	23/12/2026
2			
3			
4			
5			

Họ và tên: Trần Quang Toàn
Ngày tháng năm sinh: 11/7/1986
Số CMND (hoặc hộ chiếu): 049086000326
Cấp ngày: 16/3/2021
Tại: Bộ Công An
Quốc tịch: Việt Nam
Cơ sở đào tạo: Trường ĐH Khoa học Huế
Hệ đào tạo: Cử nhân chính quy
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Địa chất

Tam Kỳ, ngày 23 tháng 12 năm 2021
Giám đốc



Nguyễn Phú

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

1. Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
3. Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
4. Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
5. Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
Số: DNA-00083374
Ban hành theo Quyết định số 413/QĐ-SXD ngày 27/12/2024



THÔNG TIN CÁ NHÂN

NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG



Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Khảo sát địa chất	II	Từ ngày 27/12/2024 đến 27/12/2029
/			

- Họ và tên: Nguyễn Đăng Mạnh

- Ngày, tháng, năm sinh: 10/06/1985

- Số CMND (hoặc hộ chiếu): 046083005220

- Cấp ngày: 22/12/2021 Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

- Quốc tịch: Việt Nam

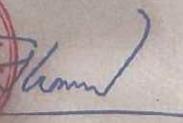
- Cơ sở đào tạo: Đại học Khoa học Huế

- Hệ đào tạo: Đại học - Chính quy

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Khoa học - Địa chất

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC



Phùng Phú Phong

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG KINH TẾ

“V/v: Giao nhận thầu khoan khảo sát địa chất công trình”

Số HĐ: 82/2017/HĐKT

Công trình : Nhà máy điện gió Hướng Linh 1

Địa điểm : Xã Hướng Linh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị

Căn cứ ký hợp đồng:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
- Thông tư số 09/2011/TT-BXD ngày 28 tháng 6 năm 2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn mẫu hợp đồng thi công xây dựng;
- Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn mẫu hợp đồng thi công xây dựng;
- Khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 23 tháng 12 năm 2017, tại Văn phòng Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tân Hoàn Cầu, chúng tôi gồm có:

1. BÊN GIAO THẦU (BÊN A):

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÂN HOÀN CẦU

Đại diện : Ông Lê Ích Minh
Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc
Địa chỉ : Khu Công nghiệp Tây Bắc, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
Điện thoại : (0232) 3839 622 Fax: (0232) 3839 623
Mã số thuế : 3100317359
Số tài khoản : 0311000681897 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình

2. BÊN NHẬN THẦU (BÊN B) :

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT XD QUANG ĐẠT

Đại diện : Ông Lê Đức Đạt Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ : 143 Phạm Như Xương, P. Hòa Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
Điện thoại : 0936089858 Fax : 0236.3739458
Mã số thuế : 0401389922
Số tài khoản : 200.220.120.0890 tại Ngân hàng NN&PTNT Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng này với các điều khoản sau đây :

ĐIỀU 1 : NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện công việc khoan khảo sát địa chất công trình “Nhà máy điện gió Hướng Linh 1”, tại xã Hướng Linh, huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị với nội dung và khối lượng công việc như sau:

Stt	Tên công việc	Đvt	Khối lượng
1	Khoan thăm dò kết hợp lấy mẫu thí nghiệm (15 lỗ, mỗi lỗ sâu 40,0m)	m	600,0
2	Khoan tạo lỗ để thí nghiệm SPT (15 lỗ, mỗi lỗ sâu 20,0m)	m	300,0
3	Thí nghiệm hiện trường SPT (cứ 2 m thí nghiệm một lần, mỗi tuabin thí nghiệm trong 02 lỗ khoan, mỗi lỗ khoan 20 lần thí nghiệm)	lần	450
4	Thí nghiệm xuyên tĩnh CPT (xuyên dạng nhỏ), mỗi điểm xuyên sâu 15,0m.(02 điểm CPT cho 01 vị trí tuabin)	điểm	30
5	Thí nghiệm cơ lý mẫu đất 9 chỉ tiêu	mẫu	150
6	Thí nghiệm 3 trục chỉ tiêu (2 mẫu/ 1 tuabin)	mẫu	30
7	Thí nghiệm cơ lý mẫu đá(2 mẫu/ 1 tuabin)	mẫu	30
8	Đo điện trở trong của đất theo độ sâu hố khoan	hố khoan	15
9	Vận chuyển máy khoan đi và về	lượt	02
10	Lập báo cáo kết quả khảo sát	bộ	05

Phạm vi của hợp đồng bao gồm cả lập đề cương, nhiệm vụ, phương án khảo sát địa chất công trình và lập báo cáo khảo sát địa chất theo quy định của nhà nước. Bên B chủ động lo các hồ sơ khác liên quan đến pháp lý khảo sát địa chất.

ĐIỀU 2: CHẤT LƯỢNG VÀ CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT

2.1. Chất lượng, khối lượng và yêu cầu kỹ thuật công việc do Bên B thực hiện phải đáp ứng được các yêu cầu của Bên A, phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước và các quy trình, quy phạm chuyên ngành khác.

2.2. Hồ sơ khảo sát địa chất đảm bảo tính trung thực, khách quan, phản ánh đúng thực tế.

2.3. Chất lượng và yêu cầu kỹ thuật thực hiện theo yêu cầu của Bên A và quy định của pháp luật về xây dựng.

ĐIỀU 3. THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Thời gian thực hiện hợp đồng là 45 ngày (bao gồm cả ngày nghỉ lễ, thứ 7 và chủ nhật), tính từ ngày Bên B nhận tiền tạm ứng đợt 1 của hợp đồng và Bên A bàn giao

mặt bằng cho Bên B cho đến ngày Bên B hoàn thành và bàn giao toàn bộ hồ sơ cho Bên A.

ĐIỀU 4: ĐƠN GIÁ VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

Đơn giá và giá trị hợp đồng được thể hiện ở bảng sau:

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Khoan thăm dò và lấy mẫu thí nghiệm	m	600	175,000.0	105,000,000
2	Khoan tạo lỗ để thí nghiệm SPT	m	300	105,000.0	31,500,000
3	Thí nghiệm SPT	lần	450	35,000.0	15,750,000
4	Thí nghiệm CPT	điểm xuyên	30	4,900,000.0	147,000,000
5	Thí nghiệm cơ lý mẫu đất	mẫu	150	140,000.0	21,000,000
6	Thí nghiệm 3 trục	mẫu	30	1,050,000.0	31,500,000
7	Thí nghiệm cơ lý mẫu đá	mẫu	30	350,000.0	10,500,000
8	Đo điện trở trong của đất	hố khoan	15	1,400,000.0	21,000,000
9	Vận chuyển máy khoan đi và về	lượt	2	2,100,000.0	4,200,000
Chi phí khảo sát trước thuế:					387,450,000
Thuế xuất VAT (10%):					38,745,000
Chi phí khảo sát sau thuế:					426,195,000

(Bảng chữ: Bốn trăm hai mươi sáu triệu, một trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Đơn giá là cố định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Giá trị hợp đồng là tạm tính. Giá trị chính thức của hợp đồng sẽ căn cứ vào yêu cầu thực tế của Bên A và khối lượng thực hiện công việc của Bên B được hai bên nghiệm thu, trên cơ sở đơn giá của hợp đồng này.

ĐIỀU 5: THANH TOÁN

5.1. Giá trị hợp đồng được thanh toán thành 03 đợt:

- Đợt 1: Sau khi Hợp đồng được ký kết, bên A tạm ứng cho bên B 15% giá trị hợp đồng, tương ứng với số tiền là **63.929.000 đồng** (Sáu mươi ba triệu, chín trăm hai mươi

chín ngàn đồng), khi Bên B cung cấp cho Bên A một bảo lãnh thực hiện hợp đồng có giá trị tương ứng với 10% giá trị hợp đồng và giấy đề nghị tạm ứng.

- Đợt 2: Bên A thanh toán cho Bên B 20% giá trị hợp đồng sau khi Bên B hoàn thành công tác khảo sát địa chất tại hiện trường, có Biên bản xác nhận hiện trường được hai bên cùng ký và có giấy đề nghị thanh toán lần 2 của Bên B.

- Đợt 3: Bên A thanh toán giá trị hợp đồng (đã khấu trừ đợt 1 và đợt 2) sau khi bên B hoàn thành toàn bộ nội dung công việc được Bên A nghiệm thu, bàn giao đầy đủ hồ sơ số liệu kỹ thuật, pháp lý và cung cấp cho Bên A: Giấy đề nghị thanh toán, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành được hai bên xác nhận, Biên bản thanh lý hợp đồng, sản phẩm của hợp đồng và hóa đơn giá trị gia tăng tương ứng với giá trị thanh toán. Thời gian thanh toán là 7 (bảy) ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Bên B.

5.2. Hình thức thanh toán: bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.

ĐIỀU 6: TRÁCH NHIỆM VÀ CAM KẾT CỦA CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG

6.1. Trách nhiệm của bên A:

- Bên A cung cấp cho Bên B những yêu cầu khảo sát, xác định vị trí, ranh giới khu đất dự kiến xây dựng, tạo điều kiện thuận lợi về mặt bằng thi công.

- Có trách nhiệm thanh toán cho bên B đúng theo Điều 3.

- Cử nhân sự có trình độ chuyên môn phù hợp để làm việc với Bên B và giám sát, kiểm tra việc thực hiện hợp đồng. Từ chối nghiệm thu công trình khi không đạt và yêu cầu Bên B phải thực hiện lại hoặc bổ sung, điều chỉnh hồ sơ.

- Đình chỉ thực hiện công việc hoặc yêu cầu chấm dứt hợp đồng nếu Bên B vi phạm nội dung hợp đồng hoặc làm chậm tiến độ công việc.

- Kiểm tra biện pháp đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường

6.2. Trách nhiệm của bên B:

- Có trách nhiệm tổ chức thực hiện công việc do Bên A giao như Điều 1, 2 của hợp đồng, đảm bảo đúng yêu cầu khảo sát, qui định của Nhà nước, đúng tiến độ theo hợp đồng và đảm bảo môi trường, an toàn lao động trong quá trình thi công.

- Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về tính trung thực và tính chính xác của kết quả khảo sát. Việc khảo sát phải do các kỹ sư và các nhà chuyên môn có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật, trình độ thực hiện, đáp ứng yêu cầu của hợp đồng.

- Bồi thường thiệt hại khi thực hiện không đúng nhiệm vụ khảo sát, phát sinh khối lượng đo khảo sát sai. Sử dụng các thông tin, tài liệu, quy chuẩn, tiêu chuẩn về khảo sát xây dựng không phù hợp và các hành vi vi phạm khác gây ra thiệt hại.

- Phải có bộ phận chuyên trách tự tổ chức thực hiện và giám sát công tác khảo sát để: Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện phương án kỹ thuật khảo sát theo yêu cầu của Bên A; Ghi chép kết quả kiểm tra vào nhật ký khảo sát; Thường xuyên liên lạc với Bên A cùng xử lý thông tin, số liệu để phục vụ cho công tác lập hồ sơ đảm bảo tiến độ và chất lượng đúng theo Hợp đồng đã ký; Tham gia đầy đủ các cuộc họp do Bên A yêu cầu có liên quan đến công tác khảo sát địa chất của Bên B.

- Chịu trách nhiệm chỉnh sửa hồ sơ khi không đạt yêu cầu, chịu trách nhiệm về các nội dung đã cam kết trong hợp đồng, bao gồm cả số lượng, thời gian thực hiện và chất lượng sản phẩm của mình.

- Tổ chức làm việc với Bên A để nghiệm thu công việc khi hoàn thành. Bàn giao Biên bản nghiệm thu, cùng các nội dung (bằng file mềm, bản giấy) và hình ảnh về công tác khảo sát tại hiện trường cho Bên A.

- Tự chịu mọi trách nhiệm về các chi phí giao dịch, phương tiện vận chuyển thiết bị, nhân lực và chỗ ở trong quá trình thực hiện công việc theo hợp đồng này.

- Không được tiết lộ thông tin, tài liệu có liên quan đến việc khảo sát địa chất công trình cho bất kỳ bên nào khi chưa được sự cho phép của Bên A.

ĐIỀU 7. BẤT KHẢ KHÁNG

7.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như: dịch bệnh, động đất, bão, lũ lụt,... và các thảm họa chưa lường hết được. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do điều kiện bất khả kháng sẽ không là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải: Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa, thay thế hợp lý và các biện pháp cần để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng xảy ra. Thông báo ngay trong vòng 01 ngày cho bên kia về sự kiện bất khả kháng.

7.2 Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng: Thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

ĐIỀU 8. PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

Nếu Bên B vi phạm về thời gian thực hiện hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Bên A gây ra, Bên B phải chịu phạt 2% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm trễ nhưng tổng số ngày trễ hạn không được vượt quá 05 ngày. Nếu Bên B chậm trễ quá 05 ngày thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và Bên B phải bồi thường thiệt hại xảy ra cho Bên A.

Nếu Bên B vi phạm do không bàn giao đủ số lượng sản phẩm và không đạt yêu cầu quy định trong hợp đồng làm ảnh hưởng đến tiến độ dự án của Bên A thì Bên B phải chịu phạt 5% giá trị Hợp đồng và Bên B vẫn phải làm lại cho đủ và đúng chất lượng Bên A yêu cầu nhưng tổng số ngày làm lại không quá 05 ngày. Nếu Bên B chậm trễ quá 05 ngày thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và Bên B phải bồi thường mọi thiệt hại xảy ra cho Bên A. Tổng số mức phạt vi phạm Hợp đồng không vượt quá 12% giá trị Hợp đồng này.

Trường hợp Bên A chậm thanh toán thì phải chịu phạt mức lãi suất/ngày của số tiền chậm thanh toán theo ngân hàng Bên B chỉ định. Tuy nhiên thời gian chậm không quá 10 ngày kể từ ngày hai bên thanh lý Hợp đồng và Bên B đã cung cấp đầy đủ hồ sơ theo quy định của Hợp đồng này.

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo hai bên cùng có lợi. Nếu hai

IS P
CP
G IV
C ANU
HANG

bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì vụ việc được chuyển đến tòa án kinh tế thành phố Đà Nẵng để giải quyết. Phán quyết của tòa án là phán quyết cuối cùng và các bên buộc phải thi hành. Mọi chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết tranh chấp và lệ phí tòa án sẽ do bên thua kiện chịu.

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký kết đến khi các bên đã hoàn thành các trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã nêu trên.

- Hợp đồng được lập thành 05 (năm) bản, có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 (ba) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản./.



GIÁM ĐỐC
Lê Đức Đạt



Lê Thị Minh.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 4 năm 2025

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
Số: 01 /2025/HĐTP- KSĐC

I. CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Căn cứ Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 27/6/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;



Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ Quy định Chính sách giảm thuế Giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc Hội;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16/6/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TTBNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 14/2025/HĐ-DVTV ngày 21/4/2025 giữa phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Duy Xuyên và Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư thủy lợi thủy điện và Xây dựng về việc thực hiện gói thầu: Tư vấn kiểm định an toàn đập thuộc Dự án: Kiểm định an toàn đập, lập Quy trình vận hành điều tiết, Quy trình bảo trì hồ chứa nước Cây Sơn; Địa điểm: Xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 04 năm 2025, tại trụ Văn phòng làm việc của Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư thủy lợi thủy điện và Xây dựng, chúng tôi gồm có:

II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG

1. Bên A: Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư thủy lợi thủy điện và Xây dựng

Đại diện: Ông: Nguyễn Ngọc Vinh Chức vụ: Phó Giám đốc

(Theo Giấy uỷ quyền số 18/EHIC-UQ ngày 15/04/2025 của Giám đốc công ty Cổ phần tư vấn đầu tư Thủy lợi thủy điện và Xây dựng)

Địa chỉ: Số 03 ngách 297/81 phố Trần Cung, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

Tài khoản: 13052.060.17276 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chi nhánh Trảng An, thành phố Hà Nội.

Mã số thuế: 0102589874

Điện thoại: 0916.074787

Thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102589874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007 và thay đổi lần 6 ngày 24/04/2014.

2. Bên B: Công ty TNHH Tư vấn khảo sát xây dựng Quang Đạt

- Đại diện : Ông Lê Đức Đạt

Chức vụ: Giám đốc, Chủ trì KSĐC

- Địa chỉ: 143 Phạm Như Xương, P Hòa Khánh Nam, Q Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Tài khoản số: 200 220 120 0890; tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chi nhánh quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Mã số thuế: 0401389922

- Điện thoại: 0936089858

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0401389922 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 23/11/2010 và thay đổi đăng ký lần thứ 3 ngày 18/8/2018.

Sau khi thống nhất, trên cơ sở những thoả thuận chung hai bên cùng nhất trí ký kết hợp đồng với những điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc

Bên A giao cho Bên B thực hiện công tác khảo sát địa chất và thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý hồ chứa nước Cây Sơn phục vụ Gói thầu: Kiểm định an toàn đập, lập Quy trình vận hành điều tiết, Quy trình bảo trì hồ chứa nước Cây Sơn; Địa điểm: Xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam;

Điều 2: Chất lượng và các yêu cầu thực hiện

Chất lượng công việc do bên B thực hiện phải đáp ứng theo yêu cầu của bên A và Chủ đầu tư, phải đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, cụ thể:

- Công việc khảo sát phải đúng đề cương được duyệt và hợp đồng ký kết giữa bên A và bên B, đảm bảo chất lượng và kỹ thuật theo yêu cầu của Luật xây dựng, Nghị định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của Chính Phủ; các tiêu chuẩn ngành về thành phần, nội dung, khối lượng khảo sát và các quy định khác có liên quan.

- Hồ sơ khảo sát bao gồm: (01 bản hồ sơ gốc và file mềm)

+ Nhật ký khảo sát địa chất

+ Báo cáo kết quả khảo sát địa chất

+ Bản vẽ khảo sát địa chất

+ Hình ảnh khảo sát hiện trường.

Điều 3: Thời gian và tiến độ thực hiện:

- Thời gian thực hiện của hợp đồng là: 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

- Thời gian bắt đầu: từ ngày 22/04/2025; Kết thúc ngày 07/5/2025.

- Thời gian bàn giao hồ sơ: 07/5/2025.

Điều 4: Giá trị hợp đồng:

- Tổng giá trị hợp đồng trọn gói: **151.398.000 đồng** (Bằng chữ: Một trăm năm mươi một triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn đồng chẵn)

- Giá trị chi tiết theo phụ lục khối lượng.

- Giá trị hợp đồng trên đã bao gồm 8% thuế giá trị gia tăng (VAT).

Điều 5: Khối lượng thực hiện, Tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

5.1. Tạm ứng: Không

5.2. Thanh toán: Theo từng đợt thanh toán giữa bên A và Chủ đầu tư. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có thể ghi khối lượng công việc chi tiết hoặc không ghi khối lượng công việc chi tiết mà ghi tỷ lệ phần trăm hoàn thành hoặc theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu) có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện Nhà thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành dự án, hạng mục dự án, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết;

- Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện Nhà thầu;

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu.

5.3. Đồng tiền áp dụng: Việt Nam đồng.

5.4. Khối lượng thực hiện:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
1	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I -III	m khoan	42,570
2	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá VII - VIII	m khoan	12,0
3	Đổ nước thí nghiệm trong lỗ khoan	1 lần đổ	6,0
4	Ép nước thí nghiệm trong lỗ khoan	1 đoạn ép	3,0
5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	12,0
6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	12,0
7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	12,0
8	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	12,0
9	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	12,0
10	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	12,0

11	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	12,0
12	Thí nghiệm xác định hệ số thấm của mẫu đất	1 chỉ tiêu	12,0
13	Thí nghiệm cơ lý đá , khối lượng riêng của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	3,0
14	Thí nghiệm cơ lý đá , khối lượng thể tích của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	3,0
15	Thí nghiệm cơ lý đá , cường độ nén của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	3,0
16	Thí nghiệm cơ lý đá , hệ số hóa mềm của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	3,0
17	Lắp, hoàn trả mặt bằng hố khoan	Hố	06

5.6. Phạm vi thực hiện: Hồ chứa Cây Sơn, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Điều 6: Trách nhiệm của bên A

- Cung cấp các tài liệu có liên quan để bên B thực hiện công việc.
- Kiểm tra giám sát đôn đốc trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Thanh toán cho bên B bằng hình thức chuyển khoản theo điều 5 (mục 5.2) của hợp đồng này.

- Tổ chức nghiệm thu kết quả khảo sát do bên B thực hiện.

Điều 7: Trách nhiệm và sản phẩm giao nộp của bên B

7.1. Trách nhiệm của bên B:

- Triển khai công việc theo đúng nội dung công việc ghi tại điều 1, 2, 3, 4 và điều 5 của Hợp đồng.

- Tổ chức cán bộ kỹ thuật có năng lực, trình độ để thực hiện công việc đảm bảo đúng chất lượng và thời gian trong hợp đồng.

- Chịu trách nhiệm trước bên A và Chủ đầu tư và Pháp luật về chất lượng và khối lượng sản phẩm của mình theo quy định hiện hành.

- Tạo điều kiện để Chủ đầu tư giám sát, kiểm tra quá trình thực hiện.

- Thường xuyên báo cáo bên A về tiến độ và chất lượng công việc.

- Tổ chức khảo sát, thi công theo yêu cầu tại mục 5.4.

- Bàn giao sản phẩm và xuất hóa đơn VAT theo giá trị hợp đồng đã ký kết cho bên A.

7.2. Sản phẩm giao nộp gồm:

- Hồ sơ khảo sát bao gồm: (01 bản hồ sơ gốc + 07 bộ phô tô đóng dấu đỏ, dấu Lasxd của công ty và USB lưu file mềm)

- + Nhật ký khảo sát địa chất

- + Báo cáo kết quả khảo sát địa chất

- + Bản vẽ khảo sát địa chất
- + Giấy đi đường
- + Hình ảnh khảo sát hiện trường.

Điều 8: Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng được chấm dứt trong các trường hợp sau :

- Các bên hoàn thành nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng này;
- Hợp đồng này bị hủy bỏ;
- Trường hợp bất khả kháng mà các bên không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng.

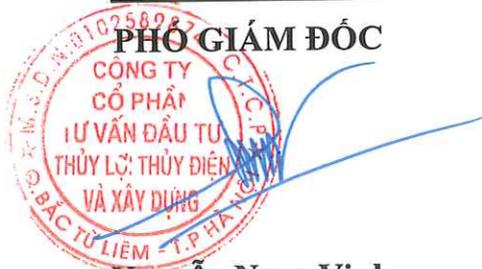
Điều 9: Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết, hết hiệu lực sau khi thanh lý hợp đồng và các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 05 (năm) bản có giá trị như nhau, Bên A giữ 02 (Ba) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Vinh

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC



Lê Đức Đạt

PHỤ LỤC GIÁ HỢP ĐỒNG



STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hồ khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I -III	m khoan	42,570	1.008.285	42.922.679
2	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hồ khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá VII - VIII	m khoan	12,0	2.024.452	24.293.419
4	Đổ nước thí nghiệm trong lỗ khoan	1 lần đổ	6,0	1.386.519	8.319.113
5	Ép nước thí nghiệm trong lỗ khoan	1 đoạn ép	3,0	8.311.472	24.934.417
6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	12,0	557.185	6.686.218
7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	12,0	120.806	1.449.673
8	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	12,0	211.258	2.535.097
9	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	12,0	315.076	3.780.911
10	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	12,0	535.274	6.423.293
11	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	12,0	656.157	7.873.880
12	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	12,0	535.837	6.430.050
13	Thí nghiệm xác định hệ số thấm của mẫu đất	1 chỉ tiêu	12,0	446.869	5.362.428
15	Thí nghiệm cơ lý đá , khối lượng riêng của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	3,0	305.428	916.284
16	Thí nghiệm cơ lý đá , khối lượng thể tích của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	3,0	224.199	672.598
17	Thí nghiệm cơ lý đá , cường độ nén của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	3,0	1.048.633	3.145.899
18	Thí nghiệm cơ lý đá , hệ số hóa mềm của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	3,0	1.884.098	5.652.294
TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN)					151.398.000

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 5 tháng 5 năm 2025

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
Số: 02/2025/HĐTP- KSĐCVT

I. CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Căn cứ Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 27/6/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ Quy định Chính sách giảm thuế Giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc Hội;



Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16/6/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TTBNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 2 năm 2025 của UBND xã Quế Hiệp về việc phê duyệt đề cương, dự toán gói thầu: Kiểm định an toàn đập hồ chứa nước Vũng Tôm, xã Quế Hiệp, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 11/2025/HĐ-DVTV ngày 5/5/2025 giữa UBND xã Quế Hiệp và Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư thủy lợi thủy điện và Xây dựng về việc thực hiện gói thầu: Tư vấn kiểm định an toàn đập thuộc Dự án: Kiểm định an toàn đập hồ chứa nước Vũng Tôm, xã Quế Hiệp, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 5 tháng 5 năm 2025, tại trụ Văn phòng làm việc của Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư thủy lợi thủy điện và Xây dựng, chúng tôi gồm có:

II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG

1. Bên A: Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư thủy lợi thủy điện và Xây dựng

Đại diện: Ông: Nguyễn Ngọc Vinh Chức vụ: Phó Giám đốc

(Theo Giấy uỷ quyền số 19/EHIC-UQ ngày 21/04/2025 của Giám đốc công ty Cổ phần tư vấn đầu tư Thủy lợi thủy điện và Xây dựng)

Địa chỉ: Số 03 ngách 297/81 phố Trần Cung, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

Tài khoản: 13052.060.17276 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chi nhánh Trảng An, thành phố Hà Nội.

Mã số thuế: 0102589874

Điện thoại: 0916.074787

Thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102589874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007 và thay đổi lần 6 ngày 24/04/2014.

2. Bên B: Công ty TNHH Tư vấn khảo sát xây dựng Quang Đạt

- Đại diện: Ông Lê Đức Đạt Chức vụ: Giám đốc, Chủ trì KSĐC

- Địa chỉ: 143 Phạm Như Xương, P Hòa Khánh Nam, Q Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Tài khoản số: 200 220 120 0890; tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chi nhánh quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Mã số thuế: 0401389922

- Điện thoại: 0936089858

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0401389922 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 23/11/2010 và thay đổi đăng ký lần thứ 3 ngày 18/8/2018.

Sau khi thống nhất, trên cơ sở những thoả thuận chung hai bên cùng nhất trí ký kết hợp đồng với những điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc

Bên A giao cho Bên B thực hiện công tác khảo sát địa chất và thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý hồ chứa nước Vũng Tôm phục vụ Gói thầu: Kiểm định an toàn đập hồ chứa nước Vũng Tôm, xã Quế Hiệp, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam;

Điều 2: Chất lượng và các yêu cầu thực hiện

Chất lượng công việc do bên B thực hiện phải đáp ứng theo yêu cầu của bên A và Chủ đầu tư, phải đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, cụ thể:

- Công việc khảo sát phải đúng đề cương được duyệt và hợp đồng ký kết giữa bên A và bên B, đảm bảo chất lượng và kỹ thuật theo yêu cầu của Luật xây dựng, Nghị định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của Chính Phủ; các tiêu chuẩn ngành về thành phần, nội dung, khối lượng khảo sát và các quy định khác có liên quan.

- Hồ sơ khảo sát bao gồm: (01 bản hồ sơ gốc + 07 bộ phô tô và file mềm)

+ Nhật ký khảo sát địa chất

+ Báo cáo kết quả khảo sát địa chất

+ Bản vẽ khảo sát địa chất

+ Hình ảnh khảo sát hiện trường.

Điều 3: Thời gian và tiến độ thực hiện:

- Thời gian thực hiện của hợp đồng là: 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

- Thời gian bắt đầu: từ ngày 5/ 5/2025; Kết thúc ngày 20/ 5/2025.

- Thời gian bàn giao hồ sơ: 20/ 5/2025.

Điều 4: Giá trị hợp đồng:

- Tổng giá trị hợp đồng trọn gói: 183.266.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng chẵn)

- Giá trị chi tiết theo phụ lục khối lượng.

- Giá trị hợp đồng trên đã bao gồm 8% thuế giá trị gia tăng (VAT).

Điều 5: Khối lượng thực hiện, Tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

5.1. Tạm ứng: Không

5.2. Thanh toán: Theo từng đợt thanh toán giữa bên A và Chủ đầu tư. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có thể ghi khối lượng công việc chi tiết hoặc không ghi khối lượng công việc chi tiết mà ghi tỷ lệ phần trăm hoàn thành hoặc theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu) có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện Nhà thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành dự án, hạng mục dự án, khối lượng công việc phù hợp với

phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết;

- Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện Nhà thầu;

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu.

5.3. Đồng tiền áp dụng: Việt Nam đồng.

5.4. Khối lượng thực hiện:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
1	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I -III	m khoan	39,780
2	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IV- VI	m khoan	15,30
3	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá VII - VIII	m khoan	6,120
4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	18,0
5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	18,0
6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	18,0
7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	18,0
8	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	18,0
9	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	18,0
10	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	18,0
11	Thí nghiệm xác định hệ số thấm của mẫu đất	1 chỉ tiêu	18,0
12	Ép nước thí nghiệm trong lỗ khoan	1 đoạn ép	6,0
13	Đổ nước thí nghiệm trong lỗ khoan	1 lần đổ	6,0
14	Lấp, hoàn trả mặt bằng hố khoan	Hố	06

5.6. Phạm vi thực hiện: Hồ chứa Vững Tôm, xã Quế Hiệp, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Điều 6: Trách nhiệm của bên A

- Cung cấp các tài liệu có liên quan để bên B thực hiện công việc.
 - Kiểm tra giám sát đôn đốc trong quá trình thực hiện hợp đồng.
 - Thanh toán cho bên B bằng hình thức chuyển khoản theo điều 5 (mục 5.2) của hợp đồng này.

- Tổ chức nghiệm thu kết quả khảo sát do bên B thực hiện.

Điều 7: Trách nhiệm và sản phẩm giao nộp của bên B

7.1. Trách nhiệm của bên B:

- Triển khai công việc theo đúng nội dung công việc ghi tại điều 1, 2, 3, 4 và điều 5 của Hợp đồng.

- Tổ chức cán bộ kỹ thuật có năng lực, trình độ để thực hiện công việc đảm bảo đúng chất lượng và thời gian trong hợp đồng.

- Chịu trách nhiệm trước bên A và Chủ đầu tư và Pháp luật về chất lượng và khối lượng sản phẩm của mình theo quy định hiện hành.

- Tạo điều kiện để Chủ đầu tư giám sát, kiểm tra quá trình thực hiện.

- Thường xuyên báo cáo bên A về tiến độ và chất lượng công việc.

- Tổ chức khảo sát, thi công theo yêu cầu tại mục 5.4.

- Bàn giao sản phẩm và xuất hóa đơn VAT theo giá trị hợp đồng đã ký kết cho bên A.

7.2. Sản phẩm giao nộp gồm:

- Hồ sơ khảo sát bao gồm: (01 bản hồ sơ gốc + 07 bộ phô tô đóng dấu đỏ, dấu Lasxd của công ty và USB lưu file mềm)

+ Nhật ký khảo sát địa chất

+ Báo cáo kết quả khảo sát địa chất

+ Bản vẽ khảo sát địa chất

+ Giấy đi đường

+ Hình ảnh khảo sát hiện trường.

Điều 8: Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng được chấm dứt trong các trường hợp sau :

- Các bên hoàn thành nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng này;

- Hợp đồng này bị hủy bỏ;

- Trường hợp bất khả kháng mà các bên không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng.

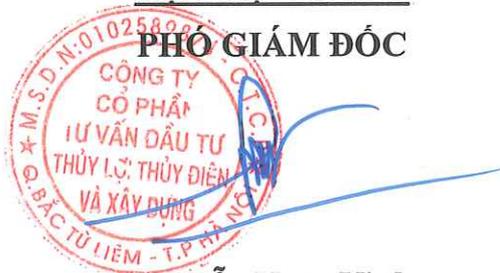
Điều 9: Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết, hết hiệu lực sau khi thanh lý hợp đồng và các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 03 (ba) bản có giá trị như nhau, Bên A giữ 02 (Ba) bản, Bên B giữ 01 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Vinh

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC



Lê Đức Đạt

PHỤ LỤC GIÁ HỢP ĐỒNG

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I -III	m khoan	39,780	913.800	36.350.964
2	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IV- VI	m khoan	15,30	1.303.631	19.945.554
4	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá VII - VIII	m khoan	6,120	1.841.697	11.271.186
5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	18,0	576.486	10.376.748
6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	18,0	122.389	2.203.002
7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	18,0	217.582	3.916.476
8	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	18,0	326.149	5.870.682
9	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	18,0	538.558	9.694.044
10	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	18,0	686.713	12.360.834
11	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	18,0	537.963	9.683.334
12	Thí nghiệm xác định hệ số thấm của mẫu đất	1 chỉ tiêu	18,0	467.826	8.420.868
13	Ép nước thí nghiệm trong lỗ khoan	1 đoạn ép	6,0	7.603.874	45.623.244
14	Đổ nước thí nghiệm trong lỗ khoan	1 lần đổ	6,0	1.258.305	7.549.830
TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN)					183.266.000

(Bảng chữ: Một trăm tám mươi ba triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng chẵn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2025

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN
Số: 02 /2025/HĐTV/KHL-QĐ

VỀ VIỆC: KHẢO SÁT ĐỊA KỸ THUẬT

DỰ ÁN: KHU PHỨC HỢP CĂN HỘ DỊCH VỤ PENINSULA PRIVATE ĐÀ
NẴNG

TẠI ĐỊA ĐIỂM: LÔ A, KHU PHỨC HỢP CHUNG CƯ VÀ THƯƠNG MẠI
THUỘC KHU VỰC ĐÔNG NAM ĐÀI TƯỞNG NIỆM, PHƯỜNG HÒA
CƯỜNG BẮC, QUẬN HẢI CHÂU, TP. ĐÀ NẴNG

GIỮA

CÔNG TY TNHH KREVES HALLA LAND

VÀ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT XÂY DỰNG QUANG ĐẠT

Đà Nẵng – 05/2025

PHẦN I – CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Bộ Luật Dân sự số: 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;
- Luật Xây dựng số 50/2014 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;
- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn Bên nhận thầu;
- Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về xác định, quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành về định mức xây dựng;
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc Hội;
- Và các văn bản pháp quy hiện hành có liên quan;
- Căn cứ nhu cầu, khả năng đáp ứng của các bên.

PHẦN 2- CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 05 tháng 05 năm 2025, tại Văn phòng Công ty TNHH KREVES HALLA LAND, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. BÊN GIAO THẦU (BÊN A): CÔNG TY TNHH KREVES HALLA LAND

Đại diện : Ông Đinh Ngọc Lộc Chức vụ : Tổng Giám đốc
Địa chỉ : Khu vực Đông Nam Đài tưởng niệm, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
Điện thoại : 0905.897.393
Mã số thuế : 0400653758 do Sở KHĐT Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 25/07/2008, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 29/05/2018
Tài khoản :

2. BÊN NHẬN THẦU (BÊN B) : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT XÂY DỰNG QUANG ĐẠT

Đại diện : Ông Lê Đức Đạt Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ : 143 Phạm Như Xương, P. Hòa Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
Văn phòng : 26 đường Lê A, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng công ty:
Điện thoại : 0936089858
Mã số thuế : 0401389922
Tài khoản : 1049080358
Tại : Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Bắc Đà Nẵng - PGD Hòa Khánh.

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng tư vấn này (Sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) với các điều khoản sau đây :

ĐIỀU 1. HỒ SƠ HỢP ĐỒNG VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN

1.1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm các căn cứ ký kết Hợp đồng, các điều khoản, điều kiện của Hợp đồng và các tài liệu quy định tại Khoản 1.2 Điều này.

1.2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng. Trong trường hợp Hồ sơ Hợp đồng có sự mâu thuẫn thì thứ tự ưu tiên để xử lý như sau:

- a) Văn bản thông báo trúng thầu, Quyết định chỉ định thầu;
- b) Nhiệm vụ khảo sát được phê duyệt;
- c) Phương án khảo sát được phê duyệt;
- d) Các phụ lục của Hợp đồng tư vấn;

e) Các tài liệu khác có liên quan.

ĐIỀU 2. NỘI DUNG VÀ PHẠM VI CÔNG VIỆC

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận triển khai thực hiện công việc khảo sát địa kỹ thuật thuộc Dự án “Khu phức hợp căn hộ dịch vụ Peninsula Private Đà Nẵng” tại Lô A, Khu phức hợp chung cư và thương mại thuộc khu vực Đông Nam Đài Tưởng Niệm, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Dự án”). Bao gồm nhưng không giới hạn bởi các công việc chủ yếu sau:

2.1. Lập phương án khảo sát địa kỹ thuật phù hợp với nhiệm vụ khảo sát địa kỹ thuật đã được Bên A phê duyệt. Đồng thời phải tuân thủ các tiêu chuẩn về khảo sát xây dựng được áp dụng chuyển Bên A để phê duyệt trước khi thực hiện.

2.2. Thực hiện các công việc khảo sát theo đúng nhiệm vụ, phương án khảo sát địa kỹ thuật đã được Bên A phê duyệt, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định của pháp luật về công tác khảo sát xây dựng công trình.

2.3. Khối lượng công việc như sau: Khảo sát địa kỹ thuật giai đoạn thiết kế cơ sở và BVTC, cụ thể:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng
1	Khoan khảo sát địa chất công trình (7 hố khoan sâu 70m/hố)	m	490
1.1	Đo đạc định vị hố khoan	hố	07
1.2	Khoan khảo sát địa chất vào đất đá I-III (dự kiến 80% tổng chiều sâu khoan)	m	392
1.3	Khoan khảo sát địa chất vào đất đá IV-V (dự kiến 20% tổng chiều sâu khoan)	m	98
2	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)		
2.1	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT (Trung bình 2m/mẫu)	Lần	196
2.2	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường VST – 2m/ lần thí nghiệm đối với đất dính có $N_{spt} < 8$ búa (thí nghiệm trong lớp đất á sét, sét dẻo mềm)	Lần TN	35
2.3	Thí nghiệm đo điện trở suất của đất	Vị trí	2
3	Khoan lắp đặt 02 giếng quan trắc nước ngầm 15m/ Giếng (quan trắc 2 lần/ ngày, thời gian quan trắc trong 30 ngày)	giếng/m	02/15
3.1	Công tác khoan tạo lỗ: 02 giếng, mỗi giếng sâu 15,0m.	m	30
3.2	Công tác lắp đặt giếng quan trắc: rải cát sỏi, lắp đặt ống đo (ống lọc, ống lắng, ống chống) có đường kính $d=60mm$, trám thành bằng dung dịch bentonite và xi măng.	Giếng	2
3.3	Công quan trắc mực nước ngầm 02 Giếng, trong thời gian 30 ngày. Ngày đo 02 lần (buổi sáng từ 8h-10h và buổi chiều từ 15h-17h)	lần đo	120
4	Thí nghiệm mẫu trong phòng		

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng
4.1	Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý mẫu đất nguyên dạng (dự kiến 80% tổng số mẫu)	Mẫu	156
4.2	Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý mẫu đất không nguyên dạng (dự kiến 20% tổng số mẫu)	Mẫu	40
4.3	Thí nghiệm hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm (2 mẫu / lỗ khoan)	Mẫu	14
4.4	Thí nghiệm sức chống cắt của mẫu đất bằng máy nén 3 trục theo sơ đồ UU (2 mẫu / lỗ khoan)	Mẫu	14
4.5	Thí nghiệm sức chống cắt của mẫu đất bằng máy nén 3 trục theo sơ đồ CU (2 mẫu / lỗ khoan)	Mẫu	14
4.6	Thí nghiệm nén một trục có nở hông Qu đối với đất dính (2 mẫu / lỗ khoan)	Mẫu	14
4.7	Thí nghiệm nén cố kết một trục Cv đối với đất dính	Mẫu	14
4.8	Thí nghiệm chỉ tiêu cường độ nén và hệ số hóa mềm (2 mẫu / 1 hố khoan)	Mẫu	14
4.9	Thí nghiệm phân tích thành phần hóa học của nước và đất (nước chiết) phục vụ đánh giá ăn mòn bê tông	Mẫu	2
5	Phương án kỹ thuật và lập báo cáo kết quả khảo sát	T. bộ	1
6	Vận chuyển máy và thiết bị khoan	T. bộ	1

ĐIỀU 3. YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG, SẢN PHẨM TƯ VẤN KHẢO SÁT ĐỊA KỸ THUẬT

3.1. Yêu cầu về chất lượng: Sản phẩm khảo sát địa kỹ thuật phải phù hợp với nhiệm vụ, phương án khảo sát địa kỹ thuật được Bên A phê duyệt, tuân thủ các tiêu chuẩn về khảo sát địa kỹ thuật được áp dụng.

3.2. Sản phẩm của Hợp đồng là: Báo cáo kết quả khảo sát địa kỹ thuật. Nội dung Báo cáo kết quả khảo sát địa kỹ thuật, bao gồm:

- a) Nội dung chủ yếu của nhiệm vụ khảo sát địa kỹ thuật;
- b) Đặc điểm, quy mô, tính chất của công trình;
- c) Vị trí và điều kiện tự nhiên của khu vực khảo sát;
- d) Tiêu chuẩn về khảo sát địa kỹ thuật được áp dụng;
- đ) Khối lượng khảo sát;
- e) Quy trình, phương pháp và thiết bị khảo sát;
- g) Phân tích số liệu, đánh giá kết quả khảo sát;
- h) Đề xuất giải pháp kỹ thuật phục vụ cho việc thiết kế, thi công xây dựng công trình;
- i) Kết luận và kiến nghị;
- k) Các phụ lục kèm theo.

3.3. Hồ sơ bàn giao: Báo cáo kết quả khảo sát địa kỹ thuật: 07 (bảy) bản in Tiếng Việt (kèm theo USB ghi dữ liệu báo cáo).

ĐIỀU 4. NGHIỆM THU SẢN PHẨM

4.1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm

- a) Hợp đồng;
- b) Nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát địa kỹ thuật đã được Bên A phê duyệt;
- c) Tiêu chuẩn khảo sát địa kỹ thuật được áp dụng;
- d) Báo cáo kết quả khảo sát địa kỹ thuật.

4.2. Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Gồm các giai đoạn chủ yếu như sau:

- Lần 1: Sau khi Bên B hoàn thành từng công tác khảo sát ngoài hiện trường, hai bên ký Biên bản nghiệm thu thành phần công tác khảo sát ngoài hiện trường (biên bản nghiệm thu từng hố khoan).

- Lần 2: Sau khi Bên B đã hoàn thành toàn bộ các công tác khảo sát ngoài hiện trường, hai bên ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công tác khảo sát ngoài hiện trường.

- Lần 3: Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn khảo sát xây dựng do Bên B cung cấp, căn cứ vào Hợp đồng, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn khảo sát xây dựng. Bên B phải hoàn chỉnh những sai sót trong sản phẩm tư vấn khảo sát xây dựng theo đúng các điều khoản thoả thuận trong Hợp đồng. Hai Bên ký Biên bản nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát địa kỹ thuật và ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc theo quy định của Hợp đồng.

ĐIỀU 5. THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- Ngày bắt đầu: Kể từ ngày ký Hợp đồng và Bên A bàn giao mặt bằng cho Bên B.

- Hoàn thành và bàn giao hồ sơ: 35 ngày kể từ ngày bắt đầu. Trong đó:

+ Thời gian lập phương án khảo sát địa kỹ thuật: 01 (một) ngày kể từ ngày ký Hợp đồng;

+ Thời gian thực hiện các công việc khác của Hợp đồng này là 34 (ba mươi bốn) ngày kể từ ngày phương án kỹ thuật khảo sát được Bên A phê duyệt và Bên A bàn giao mặt bằng vị trí các hố khoan cho Bên B thực hiện;

+ Thời gian thực hiện công việc bao gồm cả ngày lễ, Tết và ngày nghỉ (thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt phương án khảo sát của Bên A và các trường hợp bất khả kháng).

+ Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, trường hợp Bên B hoặc Bên A gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một Bên phải thông báo cho Bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một Bên, Bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp

chấp thuận gia hạn Hợp đồng, các Bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

ĐIỀU 6. BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG: Không áp dụng.

ĐIỀU 7. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG, TẠM ỨNG VÀ THANH TOÁN HỢP ĐỒNG

7.1. Hình thức, Giá trị hợp đồng:

- Hình thức Hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định.

- Giá trị Hợp đồng tạm tính là: **315.135.900 đồng** (*Bằng chữ: Ba trăm mười lăm triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm đồng*)

- Giá trị Hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để Bên B hoàn thành toàn bộ các công việc của Hợp đồng đã được Bên A phê duyệt và theo đúng quy định của pháp luật, cùng toàn bộ các khoản thuế (bao gồm cả thuế giá trị gia tăng 8%), phí, lệ phí theo quy định.

- Đơn giá Hợp đồng là cố định trong suốt quá trình thực hiện trừ trường hợp Hợp đồng hoặc pháp luật có quy định khác. Đơn giá những công tác này đã bao gồm lợi nhuận và toàn bộ các chi phí cần thiết khác có liên quan và toàn bộ các loại thuế, phí.

- Đơn giá cho những công việc phát sinh khác sẽ do hai Bên thỏa thuận căn cứ trên cách tính của đơn giá những công việc tương tự trong Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

- Giá trị quyết toán của Hợp đồng sẽ căn cứ dựa trên khối lượng công việc thực tế Bên B thực hiện được các Bên liên quan nghiệm thu xác nhận.

7.2. Tạm ứng và thanh toán Hợp đồng:

a) Tạm ứng Hợp đồng: Sau khi ký kết Hợp đồng, Bên A nhận được công văn đề nghị tạm ứng hợp lệ và biên bản xác nhận Bên B đã chuyển đầy đủ nhân sự và phương tiện thiết bị thi công phục vụ công tác khoan, khảo sát tới hiện trường. Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B bằng 30 % (ba mươi phần trăm) giá trị Hợp đồng trước VAT tương ứng số tiền: **87.537.750 đồng** (*Bằng chữ: Tám mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*).

b) Thanh toán quyết toán Hợp đồng:

- Sau khi Bên B hoàn thành toàn bộ nội dung công việc nêu tại Điều 2 của Hợp đồng (bao gồm cả Báo cáo kết quả khảo sát địa kỹ thuật), được các Bên nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đầy đủ sản phẩm và Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ quyết toán hợp lệ của Bên B. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 100% (một trăm phần trăm) giá trị quyết toán và khấu trừ toàn bộ khoản tạm ứng Hợp đồng và phạt vi phạm (nếu có).

- Hồ sơ quyết toán bao gồm các tài liệu sau:

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc theo quy định tại Hợp đồng;

+ Báo cáo kết quả khảo sát địa kỹ thuật;

+ Bảng xác nhận khối lượng/giá trị phát sinh (nếu có);

- + Bảng tính khối lượng, giá trị quyết toán Hợp đồng;
- + Công văn đề nghị thanh toán quyết toán;
- + Hóa đơn VAT theo quy định của pháp luật;
- + Biên bản thanh lý Hợp đồng.

7.3. Sản phẩm bàn giao: Bao gồm: Báo cáo kết quả khoan khảo sát địa chất công trình bằng Tiếng Việt và file mềm số liệu khảo sát. Số lượng hồ sơ: Theo yêu cầu của Bên A.

7.4. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản vào tài khoản của Bên B ghi trên Hợp đồng.

7.5. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

8.1. Yêu cầu Bên A cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến công việc theo quy định tại Hợp đồng.

8.2. Đề xuất các công việc chưa được Bên A đưa vào hồ sơ yêu cầu hoặc thay đổi khi phát hiện yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng.

8.3. Yêu cầu Bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hợp đồng.

8.4. Thực hiện công việc theo đúng nội dung, khối lượng công việc và đúng thời gian đã thoả thuận. Đồng thời, phải tuân thủ đầy đủ các quy định về việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

8.5. Thực hiện và chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình. Sản phẩm tư vấn phải phù hợp theo quy định của pháp luật, mang lại hiệu quả và phù hợp với các yêu cầu của Bên A để hoàn thành Dự án.

8.6. Cung cấp cho Bên A đầy đủ hồ sơ năng lực, hồ sơ chứng minh năng lực của chủ trì khảo sát, các cán bộ khảo sát theo đúng quy định hiện hành.

8.7. Bên B thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các vấn đề có liên quan có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo quy định của Hợp đồng và đề xuất giải pháp thực hiện, Bên A sẽ là Bên có quyết định cuối cùng để thực hiện.

8.8. Cam kết khi có yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, đủ năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm nào (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm hoàn thành.

8.9. Tuân thủ sự chỉ đạo và hướng dẫn của Bên A, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

8.10. Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định... với số lượng theo yêu cầu của Bên A; Bên B có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của sản phẩm trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Bên A tổ chức.

8.11. Không được tiết lộ bất kỳ thông tin bí mật hay độc quyền nào liên quan đến công việc tư vấn, Hợp đồng hay các hoạt động công việc của Bên A khi chưa được Bên A đồng ý và chấp thuận trước bằng văn bản.

8.12. Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

8.13. Bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình xây dựng khác trong vùng, địa điểm khảo sát; bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan trong khu vực khảo sát; phục hồi hiện trường sau khi kết thúc khảo sát;

8.14. Các máy móc, thiết bị sử dụng cho công tác khảo sát phải hợp chuẩn và an toàn theo tính năng thiết kế. Không sử dụng các thiết bị và dụng cụ đo lường chưa được kiểm định, sai tính năng, vượt quá công suất thiết kế của thiết bị hoặc đã quá niên hạn sử dụng theo quy định;

8.15. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng và pháp luật liên quan.

ĐIỀU 9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

9.1. Sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn theo quy định của Hợp đồng.

9.2. Không nghiệm thu sản phẩm không đạt chất lượng theo quy định của Hợp đồng.

9.3. Kiểm tra công việc tư vấn khảo sát địa kỹ thuật của Bên B nếu thấy cần thiết.

9.4. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn khảo sát địa kỹ thuật do Bên B cung cấp.

9.5. Hướng dẫn Bên B về những nội dung liên quan đến Dự án và tạo điều kiện để Bên B được tiếp cận với công trình, thực địa.

9.6. Cung cấp các tài liệu cần thiết theo đề xuất để Bên B thực hiện công của Hợp đồng. Bên A chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.

9.7. Xem xét yêu cầu, đề xuất của Bên B liên quan đến thực hiện công việc tư vấn khảo sát và phê duyệt trong một khoảng thời gian hợp lý để không làm chậm tiến độ thực hiện khảo sát địa kỹ thuật.

9.8. Giải phóng mặt bằng cần thiết cho công tác khảo sát.

9.9. Thanh toán cho Bên B đầy đủ và đúng hạn theo đúng quy định tại Điều 7 của Hợp đồng.

9.10. Cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để làm việc với Bên B.

9.11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng và pháp luật liên quan.

ĐIỀU 10. NHÂN LỰC, THIẾT BỊ CỦA BÊN NHẬN THẦU

10.1. Bên B phải bố trí nhân lực đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng.

10.2. Trường hợp thay đổi nhân sự, Bên B phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Bên A để phê duyệt, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Bên A không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên B thì nhân sự đó coi như được Bên A chấp thuận.

10.3. Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Bên A hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong Hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên B phải tiến hành thay đổi nhân sự trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Bên B chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

10.4. Bên B có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá trị Hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Bên A chấp thuận.

10.5. Bên B phải thông báo cho Bên A thâu mỗi khi một công việc nào đó đã xong, trước khi được phủ lấp, hoặc không còn nhìn thấy, hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển.

Nếu như kết quả của cuộc kiểm tra, giám sát, đo đạc hay thử nghiệm cho thấy có những lỗi của thiết bị, vật liệu, thiết kế hoặc tay nghề không phù hợp với Hợp Đồng, Bên A có thể từ chối các thiết bị, vật liệu, thiết kế hoặc nhân lực bằng cách thông báo cho Bên B. Bên B phải sửa chữa sai sót ngay lập tức và đảm bảo cho các sai sót đó được xử lý cho phù hợp với Hợp Đồng. Nếu Bên A yêu cầu là thiết bị, vật liệu, thiết kế hay tay nghề cần được kiểm định lại, các cuộc kiểm định sẽ được tiến hành lại theo đúng những trình tự và điều kiện đã làm trước đó. Nếu như việc từ chối và kiểm định lại dẫn đến những chi phí thêm cho Bên A thì Bên B sẽ phải chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí này cho Bên A.

ĐIỀU 11. BẢN QUYỀN VÀ QUYỀN SỬ DỤNG TÀI LIỆU

11.1. Bên B sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Bên A được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp đồng mà không cần phải xin phép Bên B.

11.2. Bên B phải cam kết rằng sản phẩm của Hợp đồng do Bên B thực hiện và cung cấp cho Bên A không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

11.3. Bên A sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm của Hợp đồng đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

ĐIỀU 12. BẤT KHẢ KHÁNG

12.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra không lường trước được và nằm ngoài sự kiểm soát hợp lý của các Bên, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các sự kiện sau: các thiên tai như động đất, mưa, bão, lụt, chiến tranh, phong toả hoặc cấm vận, chiếm đóng, nội chiến, nổi loạn, phá hoại hay rối loạn xã hội hoặc bất kỳ việc công bố, ban hành, thay đổi văn bản pháp luật, chính sách của Cơ quan có thẩm quyền làm gián đoạn, gây trở ngại hoặc ngăn cản việc thực hiện nghĩa vụ của một Bên và/hoặc các Bên phát sinh từ Hợp đồng cũng như việc thực hiện Hợp đồng;

12.2. Các Bên thoả thuận rằng với nỗ lực cao nhất của mình sẽ tiến hành các biện pháp phù hợp để ngăn chặn hoặc khắc phục hậu quả của Sự kiện bất khả kháng;

12.3. Trừ trường hợp Hợp đồng có quy định khác, không Bên nào bị coi là vi phạm Hợp đồng, hoặc phải chịu trách nhiệm trước Bên kia do bất cứ sự chậm trễ nào trong việc thực hiện hoặc không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo Hợp đồng do Sự kiện bất khả kháng gây ra, với các điều kiện là:

a) Sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp và gần nhất làm cho Bên đó bị cản trở hoặc chậm trễ trong việc thực hiện Hợp đồng;

b) Bên bị ảnh hưởng thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết về việc xảy ra Sự kiện bất khả kháng đó trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày biết việc xảy ra Sự kiện bất khả kháng, trong đó trình bày rõ các chi tiết của Sự kiện bất khả kháng đã ngăn cản Bên đó thực hiện Hợp đồng và nêu các biện pháp khắc phục được Bên đó đã, đang, sẽ thực hiện, dự kiến thời gian khắc phục Sự kiện bất khả kháng (nếu có khả năng).

12.4. Nếu do hậu quả của Sự kiện bất khả kháng mà một Bên hoặc các Bên không thể tiếp tục thực hiện được các thỏa thuận tại Hợp đồng trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày xảy ra Sự kiện bất khả kháng thì các Bên sẽ cùng nhau bàn bạc về việc chấm dứt hoặc tiếp tục thực hiện Hợp đồng và giải quyết các hậu quả phát sinh.

ĐIỀU 13. TẠM DỪNG, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI BÊN A

13.1. Tạm dừng thực hiện Hợp đồng

a) Bên A quyết định tạm dừng thực hiện Hợp đồng khi Bên B không đáp ứng một trong các yêu cầu về chất lượng và/hoặc tiến độ thực hiện thực hiện Hợp đồng hoặc vi phạm bất kỳ một nghĩa vụ nào được quy định trong Hợp đồng;

b) Trước khi tạm dừng, Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B, trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm dừng, thời hạn tạm dừng và các yêu cầu khắc phục, sửa chữa, bổ sung (nếu có). Trong thời hạn tạm dừng thực hiện Hợp đồng, Bên B có trách nhiệm phải tìm cách khắc phục sửa chữa các sai sót, điều chỉnh, bổ sung các vấn đề mà Bên A đưa ra trong thông báo tạm dừng Hợp đồng.

13.2. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng

13.2.1. Các trường hợp chấm dứt: Bên A được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng nếu Bên B:

a) Vi phạm bất kỳ quy định nào được nêu tại Hợp đồng này mà không khắc phục sau khi có yêu cầu khắc phục hành vi vi phạm từ Bên A;

b) Chậm thời gian thực hiện Hợp đồng quá 10 (mười) ngày liên tiếp hoặc 15 ngày cộng dồn trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng kể từ ngày đến hạn hoàn thành theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng này;

c) Hết thời hạn tạm dừng Hợp đồng theo thông báo của Bên A quy định tại Khoản 13.1 Điều này mà Bên B không khắc phục, sửa chữa, bổ sung hoặc việc khắc phục, sửa chữa, bổ sung của Bên B không đúng yêu cầu của Bên A đưa ra trong thông báo tạm dừng Hợp đồng;

d) Giao nhà thầu phụ thực hiện công việc hoặc chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A;

e) Bị phá sản hoặc giải thể theo quy định của pháp luật;

f) Các trường hợp khác theo quy định của Hợp đồng và của pháp luật có liên quan.

13.2.2. Xử lý khi chấm dứt Hợp đồng: Khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A có thể:

a) Tự mình hoàn thành công việc hoặc thuê Bên thứ ba vào thực hiện tiếp tục công việc. Bên A và Bên thứ ba có thể sử dụng bất cứ tài liệu, sản phẩm nào của Bên B đã có mà không cần phải thông qua Bên B;

b) Phạt vi phạm Hợp đồng theo quy định tại Điều 15 của Hợp đồng;

c) Không thanh toán cho Bên B giá trị các công việc mà Bên B đã hoàn thành cũng như các chi phí khác mà Bên A đã chấp thuận trước khi Bên B vi phạm các trường hợp mà Bên A được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng; Đồng thời yêu cầu Bên B hoàn trả lại các khoản đã tạm ứng, thanh toán trước đó cho khối lượng công việc chưa hoàn thành tương ứng.

d) Yêu cầu Bên B di chuyển máy móc, thiết bị ra khỏi Dự án. Trong vòng 02 (hai) ngày kể từ khi Bên A yêu cầu, Bên B không thực hiện di chuyển, Bên A có toàn quyền xử lý thiết bị máy móc.

13.2.3. Thông báo trước khi chấm dứt Hợp đồng: Bên A sẽ thông báo cho Bên B tối thiểu 03 (ba) ngày trước khi chấm dứt Hợp đồng.

ĐIỀU 14. TẠM DỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI BÊN B

14.1. Tạm dừng thực hiện Hợp đồng: Bên B được quyền tạm dừng Hợp đồng khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Bên B được quyền tạm dừng thực hiện Hợp đồng trong trường hợp xảy ra Sự kiện bất khả kháng được quy định tại Điều 12 của Hợp đồng;

b) Việc tạm dừng công việc của Bên B bị kéo dài quá 20 (hai mươi) ngày theo quyết định của Bên A mà không được thông báo lý do chính đáng.

14.2. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng

14.2.1. Các trường hợp chấm dứt: Bên B được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Việc tạm dừng công việc bị kéo dài quá 45 (bốn mươi lăm) ngày theo quyết định của Bên A mà không được thông báo lý do chính đáng;

b) Bên A bị phá sản hoặc giải thể theo quy định của pháp luật.

14.2.2. Xử lý khi chấm dứt Hợp đồng

Khi chấm dứt Hợp đồng thì Bên B:

a) Có thể dừng tất cả các công việc, ngoại trừ các công việc đã được Bên A xác nhận;

b) Chuyển giao cho Bên A toàn bộ tài liệu, sản phẩm của Bên B mà đã được Bên A thanh toán;

c) Di dời tất cả vật tư, vật liệu khỏi Dự án, ngoại trừ các thứ cần thiết cho việc an toàn và rời khỏi Dự án. Trường hợp Bên B không di chuyển ra khỏi công trường theo yêu cầu của Bên A, Bên A có toàn quyền xử lý tài sản, thiết bị tại công trường;

d) Yêu cầu Bên A thanh toán cho Bên B những khoản tiền hợp lý cho việc Bên B đã hoàn thành các công việc trước khi chấm dứt Hợp đồng sau khi đã trừ những khoản nợ, phạt theo quy định của Hợp đồng (nếu có).

Thông báo trước khi chấm dứt Hợp đồng: Bên B phải thông báo cho Bên A tối thiểu 30 (ba mươi) ngày trước khi chấm dứt Hợp đồng.

ĐIỀU 15. PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- Phạt do chậm tiến độ: trường hợp Bên B vi phạm về thời gian thực hiện Hợp Đồng mà không do Sự Kiện Bất Khả Kháng hoặc không do lỗi của Bên A gây ra hoặc không được Bên A chấp thuận, Bên B sẽ chịu phạt 0,5% (không phải năm phần trăm) Giá Trị Hợp Đồng cho mỗi ngày chậm tiến độ nhưng tổng giá trị phạt không quá 12% (mười hai phần trăm) Giá Trị Hợp Đồng.

- Trường hợp Công Việc không đạt yêu cầu về chất lượng (Do lỗi của Bên B gây ra mà không liên quan đến Bên nào khác và Bên B đã chỉnh sửa quá 02 (hai) lần mà vẫn không đạt yêu cầu của Bên A và quy định trong Hợp Đồng này, Bên B sẽ bị phạt tối đa 5% (năm phần trăm) Giá Trị Hợp Đồng cho mỗi lỗi vi phạm và/hoặc lần chỉnh sửa, nhưng tổng giá trị phạt không quá 12% (mười hai phần trăm) Giá Trị Hợp Đồng. Đồng thời, Bên A có quyền xem xét chấm dứt Hợp Đồng.

- Trong trường hợp đơn phương chấm dứt Hợp đồng ngoài những điều kiện đã thỏa thuận tại Điều 13,14 của Hợp đồng này mà không do lỗi của Bên kia thì Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng sẽ bị phạt vi phạm hợp đồng và Bên thụ hưởng là Bên còn lại. Số tiền phạt tối đa không quá 12% (mười hai phần trăm) Giá Trị Hợp Đồng.

- Các trường hợp khác nếu trong Hợp đồng không có quy định cụ thể thì việc vi phạm và bồi thường thiệt hại thì áp dụng theo quy định của pháp luật xây dựng hiện hành.

- Trong mọi trường hợp phát sinh, tổng giá trị phạt, bồi thường của Các bên không vượt quá 12% (mười hai phần trăm) giá trị Hợp Đồng.

ĐIỀU 16: NGÔN NGỮ SỬ DỤNG

Ngôn ngữ của hợp đồng là Tiếng Việt.

ĐIỀU 17: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- Trong trường hợp xảy ra tranh chấp, các bên phải có trách nhiệm giải quyết trước hết bằng thương lượng, hòa giải.

- Trường hợp không tự hoà giải được giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp được thực hiện thông qua Toà án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết. Phán quyết có hiệu lực của Tòa án là quyết định cuối cùng buộc các bên phải thi hành. Bên thua kiện phải chịu mọi chi phí cho vụ kiện.

- Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

ĐIỀU 18. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

18.1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong Hợp đồng. Các nội dung không quy định cụ thể trong Hợp đồng sẽ được các Bên thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Mỗi Bên cam kết đã có đầy đủ sự chấp thuận, cho phép theo thẩm quyền trong nội bộ của mình khi tham gia, ký kết và thực hiện Hợp đồng.

18.2. Hợp đồng có giá trị kế thừa trong trường hợp Bên A hoặc Bên B chia tách hoặc sát nhập với các công ty khác hoặc đổi tên, thay đổi loại hình doanh nghiệp phù hợp theo quy định của pháp luật.

18.3. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Mọi sửa đổi, bổ sung các nội dung của Hợp đồng phải được Hai Bên thỏa thuận và lập thành văn bản. Văn bản về việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng là Phụ lục của Hợp đồng.

18.4. Phụ lục 01 đính kèm Hợp đồng là một phần không tách rời Hợp đồng, được Hai Bên thống nhất, ký kết và có hiệu lực kể từ ngày ký kết Hợp đồng

18.5. Hợp đồng có 18 (mười tám) Điều, gồm 16 (mười sáu) trang, được lập thành 6 (sáu) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị như nhau. Bên A giữ 04 (bốn) bản gốc, Bên B giữ 02 (hai) bản gốc để thực hiện. /.

ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dinh Ngọc Lộc

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Lê Đức Đạt

PHỤ LỤC 01 – ĐƠN GIÁ, GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng tư vấn số: /2025/HĐTV/KHL-QĐ ký ngày /04/2025)

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
			1	2	3 = 1x2
	Khoan khảo sát địa chất công trình (7 hố khoan sâu 70m/hố)	m	490		
1	Chiều sâu khoan vào đất đá I-III (dự kiến 80% tổng chiều sâu khoan)	m	392	237.500	93.100.000
2	Chiều sâu khoan vào đất đá IV-V (dự kiến 20% tổng chiều sâu khoan)	m	98	427.500	41.895.000
3	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT (Trung bình 2m/mẫu)	Lần	196	47.500	9.310.000
4	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường VST – 2m/ lần thí nghiệm đối với đất dính có $N_{spt} < 8$ búa (thí nghiệm trong lớp đất á sét, sét dẻo mềm)	LầnTN	35	332.500	11.637.500
5	Thí nghiệm đo điện trở suất của đất	Vị trí	2	1.900.000	3.800.000
6	Khoan lắp đặt 02 giếng quan trắc nước ngầm 15m/ Giếng (quan trắc 2 lần/ ngày, thời gian quan trắc trong 30 ngày)	Giếng		-	
6.1	<i>Công tác khoan tạo lỗ: 02 giếng, mỗi giếng sâu 15,0m.</i>	m	30	190.000	5.700.000
6.2	<i>Công tác lắp đặt giếng quan trắc: rải cát sỏi, lắp đặt ống đo (ống lọc, ống lắng, ống chống) có đường kính d=60mm, trám thành bằng dung dịch bentonite và xi măng.</i>	Giếng	2	3.800.000	7.600.000
6.3	<i>Công quan trắc mực nước ngầm 02 Giếng, trong thời gian 30 ngày. Ngày đo 02 lần (buổi sáng từ 8h-10h và buổi chiều từ 15h-17h)</i>	lần đo	120	95.000	11.400.000
7	Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý mẫu đất nguyên dạng (dự kiến 80% tổng số mẫu)	Mẫu	156	190.000	29.640.000
8	Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý mẫu đất không nguyên dạng (dự kiến 20% tổng số mẫu)	Mẫu	40	114.000	4.560.000
9	Thí nghiệm hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm (2 mẫu / lỗ khoan)	Mẫu	14	380.000	5.320.000
10	Thí nghiệm sức chống cắt của mẫu đất bằng máy nén 3 trục theo sơ đồ UU (2 mẫu / lỗ khoan)	Mẫu	14	950.000	13.300.000
11	Thí nghiệm sức chống cắt của mẫu đất bằng máy nén 3 trục theo sơ đồ CU (2 mẫu / lỗ khoan)	Mẫu	14	1.425.000	19.950.000
12	Thí nghiệm nén một trục có nở hông Qu đối với đất dính (2 mẫu / lỗ khoan)	Mẫu	14	285.000	3.990.000

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG

“ V/v: Giao nhận thầu khảo sát xây dựng công trình ”

Số HĐ: 42.06.2024/HĐTV/PHN-QDC

DỰ ÁN : TỔ HỢP TMDV, VĂN PHÒNG, CĂN HỘ KHÁCH SẠN, CĂN HỘ CONDOTEL

ĐỊA ĐIỂM : QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

GIAI ĐOẠN : PHỤC VỤ THIẾT KẾ CƠ SỞ VÀ THIẾT KẾ BVTC

PHẦN I - CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ:

Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ nhiệm vụ khảo sát được chủ đầu tư chấp thuận

Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của 2 bên.

PHẦN II - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG:

Hôm nay, ngày 25 tháng 06 năm 2024, tại Công ty cổ phần tập đoàn Phúc Hoàng Nguyên, chúng tôi đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

A. CHỦ ĐẦU TƯ (BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHÚC HOÀNG NGUYỄN

Địa chỉ : K77A/07 Lê Độ, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Đại diện là : Ông Nguyễn Đình Nam

Chức vụ : Tổng Giám Đốc

Mã số thuế : 0401000254

Tài khoản số : 6101979368

Tại : Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Hòa Cường - CN Đà Nẵng



B. NHÀ THẦU (BÊN B): CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT XÂY DỰNG QUANG ĐẠT

Địa chỉ : 143 Phạm Như Xương, Phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng.

Đại diện là : Ông Lê Đức Đạt

Chức vụ : Giám đốc

Điện thoại : 0936 089 858

Mã số thuế : 0401389922

Tài khoản số : 200 220 120 0890

Tại : Ngân hàng NN&PTNT quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.

Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0401389922 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 23/12/2010, thay đổi lần 3 ngày 18/08/2018.

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG VỚI CÁC NỘI DUNG NHƯ SAU:

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

“**Hợp đồng**”: là thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo.

“**Giá hợp đồng**”: là tổng số tiền mà chủ đầu tư đã thỏa thuận với nhà thầu theo Hợp đồng.

“**Chủ đầu tư (bên A)**”: là Công ty cổ phần Tập đoàn Phúc Hoàng Nguyên.

“**Nhà thầu (bên B)**”: là Công ty TNHH tư vấn khảo sát xây dựng Quang Đạt.

“**Ngày hợp đồng có hiệu lực**”: là ngày hai bên ký kết hợp đồng và được ghi trên hợp đồng.

“**Ngày**”: là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày nghỉ cuối tuần, không kể ngày nghỉ lễ theo quy định của nhà nước.

“**Chi phí khác**”: là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến dịch vụ tư vấn.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên của các tài liệu

Hồ sơ hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng, bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng, điều khoản và điều kiện của hợp đồng này và các tài liệu theo thứ tự ưu tiên áp dụng như sau:

Các phụ lục hợp đồng;

Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 3. Khối lượng công việc

Bên A đồng ý giao và bên B đồng ý nhận thực hiện công tác Khảo sát địa hình, địa chất Tổ hợp thương mại dịch vụ, văn phòng, căn hộ khách sạn, căn hộ condotel (PHN TOWER) tại Lô A1-6 Dự Án Ven Sông Hàn, Thuận Phước, Hải Châu, Đà Nẵng.

+ Khối lượng thực hiện theo phụ lục hợp đồng;

+ Khối lượng khảo sát trên cơ sở nhiệm vụ đã được bên A phê duyệt và theo tiêu chuẩn khảo sát. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng khi đã khoan đến chiều sâu dự kiến mà đất nền chưa ổn định để đặt móng công trình thì bên B sẽ báo cáo bên A để có phương án khoan thêm, khối lượng khảo sát phát sinh (nếu có) sẽ được 02 bên làm biên bản hiện trường, là cơ sở để làm phụ lục phát sinh (nếu có) theo đơn giá cố định tại Hợp đồng này.

+ Xử lý số liệu và lập báo cáo kết quả khảo sát.

Điều 4. Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật

4.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm:

Chất lượng và yêu cầu kỹ thuật của công tác khảo sát địa chất phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Sản phẩm công tác khảo sát bao gồm các nội dung công việc phải thực hiện được quy định tại Điều 74, Điều 75 Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 và được hướng dẫn tại Điều 28, Điều 29 của Nghị định số 15/2021/NĐ_CP ngày 03/03/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Khối lượng đo vẽ thực hiện theo đề cương đã lập và bảng khối lượng khảo sát kèm theo hợp đồng.

4.2. Nghiệm thu, bàn giao hồ sơ:

Báo cáo kết quả khảo sát gồm 05 bộ (địa hình + địa chất).

File mềm chứa toàn bộ nội dung báo cáo khảo sát.

Các nghiệm thu công việc được lập thành biên bản và được người đại diện theo pháp luật của hai bên xác nhận.

Hồ sơ năng lực bên B đáp ứng công trình cấp I (gồm 01 file PDF và 01 bộ gốc)

Điều 5. Tiến độ thực hiện hợp đồng – Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng - Kế hoạch bố trí nhân sự

5.1. Tiến độ thực hiện hợp đồng:

Thời gian để bên B hoàn tất khối lượng công việc nêu tại Điều 3 của Hợp đồng này là 20 ngày (bao gồm thứ bảy, chủ nhật, không bao gồm ngày nghỉ lễ và các ngày ngừng thi công do lỗi bên A) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực theo Điều 17 của Hợp đồng này.

5.2. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng:

Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa, dịch bệnh hoặc các sự kiện bất khả kháng khác;

Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc theo yêu cầu của bên A làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;

Do bên A bàn giao hồ sơ tài liệu cho bên B để làm căn cứ thực hiện công việc không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng; tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên A, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của bên B gây ra;

Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của bên A gây ra.

5.3. Kế hoạch bố trí nhân sự:

Bên B bố trí nhân sự đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp với công việc theo hợp đồng này, và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng.

Điều 6. Giá trị hợp đồng – Điều chỉnh giá trị hợp đồng

6.1. Giá trị hợp đồng:

Giá trị hợp đồng (chưa VAT) : 101.185.000 VNĐ

Thuế VAT 8% : 8.095.000 VNĐ

Tổng giá trị hợp đồng (bao gồm thuế VAT 8%): 109.280.000 VNĐ

(Bằng chữ: Một trăm lẻ chín triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng).

Giá trị hợp đồng là trọn gói cho công việc nêu tại Điều 3 của Hợp đồng này và không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng đối với các công việc thuộc phạm vi Hợp đồng này.

Giá trị hợp đồng này đã bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí và chi phí khác liên quan đến việc thực hiện công việc theo đúng quy định pháp luật. Thuế suất VAT được áp dụng theo quy định pháp luật thuế hiện hành tại thời điểm xuất hóa đơn.

6.2. Điều chỉnh giá trị hợp đồng:

Giá trị hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp bên A yêu cầu bên B thực hiện công việc ngoài phạm vi công việc nêu tại Điều 3 của Hợp đồng này. Giá trị công việc phát sinh được hai bên thỏa thuận và bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.

Điều 7. Phương thức thanh toán hợp đồng

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản vào tài khoản của bên B.

Đồng tiền sử dụng để thanh toán: Tiền đồng Việt Nam.

Phương thức thanh toán: bên A thanh toán cho bên B trong thời gian 07 (Bảy) ngày kể từ khi bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ và chia thành các đợt như sau:

+ Đợt 1: Ngay sau khi hợp đồng được ký kết, tạm ứng cho nhà thầu 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để nhà thầu triển khai khảo sát hiện trường và lập báo cáo kết quả khảo sát.

Hồ sơ thanh toán tạm ứng: i) Hợp đồng; ii) Văn bản đề nghị tạm ứng của nhà thầu.

+ Đợt 2: Sau khi hoàn thành và bàn giao báo cáo kết quả khảo sát + File PDF kết quả khảo sát. Hai bên tiến hành nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát địa chất công trình. Xuất Hóa đơn GTGT 100% giá trị quyết toán của hợp đồng. Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị hợp đồng (đã khấu trừ tạm ứng).

Hồ sơ thanh toán: i) Hợp đồng; ii) Biên bản nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát địa chất công trình; iii) Văn bản đề nghị thanh toán của bên B; iv) Biên bản nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát địa chất công trình; v) Biên bản thanh lý hợp đồng.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của bên A

Cung cấp (không tính phí) cho bên B các tài liệu để bên B tiến hành công tác Khảo sát địa chất công trình Tổ hợp thương mại dịch vụ, văn phòng, căn hộ khách sạn, căn hộ condotel (PHN TOWER) gồm:

- i) Mặt bằng định vị các hố khoan;
- ii) Bàn giao mặt bằng sạch cho bên B, bên A chịu trách nhiệm trong làm việc với người dân, chính quyền địa phương về công tác mặt bằng.

Cử cán bộ xử lý các công việc phát sinh trong quá trình triển khai.

Các văn bản pháp lý, dữ liệu thông tin khác liên quan đến dự án (nếu có).

Phối hợp chặt chẽ với bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng để không làm ảnh hưởng đến tiến độ của công trình; Cân nhắc các đề trình, yêu cầu của bên B liên quan đến công việc và phản hồi ý kiến, cung cấp thông tin bằng văn bản trong thời hạn 2 ngày để không làm chậm trễ công việc; nếu thời gian xử lý vượt quá 2 ngày bên A chịu trách nhiệm các chi phí cho bên B (lương công nhân, chi phí sinh hoạt và chi phí máy móc) trong thời gian chờ bên A xử lý các đề trình của bên B.

Thanh toán cho bên B đúng thời hạn theo Điều 7 của Hợp đồng này;

Tổ chức nghiệm thu công việc hoàn thành;

Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng này;

Trường hợp bên A vi phạm các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này thì bên A chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên B theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của bên B

Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành về khảo sát địa chất công trình;

Đảm bảo đúng tiến độ thực hiện theo quy định của Hợp đồng, đảm bảo chất lượng hồ sơ khảo sát địa chất công trình phù hợp với những quy định của pháp luật và các điều khoản khác quy định trong Hợp đồng;

Có báo cáo hàng ngày bằng hình ảnh và có báo cáo khối lượng, báo cáo nhanh, báo cáo tuần;

Chịu trách nhiệm đối với các sản phẩm khảo sát địa chất công trình của mình, bố trí nhân sự thực hiện công việc theo hợp đồng đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm theo quy định pháp luật, đáp ứng yêu cầu của dự án;

Chịu trách nhiệm và bằng chi phí của mình để thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến việc thực hiện công việc theo hợp đồng;

Chịu trách nhiệm do vi phạm hợp đồng;

Chịu trách nhiệm trước bên A, trước pháp luật về chất lượng hồ sơ khảo sát địa chất công trình;

Trường hợp bên B vi phạm các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này thì bên B chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên A theo quy định của pháp luật;

Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng này;

Bên B không được giao lại hoặc thuê bên thứ 3 thực hiện công việc của mình theo thỏa thuận trong Hợp đồng này nếu không được bên A đồng ý.

Điều 10. Tạm dừng hợp đồng

Các trường hợp tạm dừng hợp đồng:

Do lỗi của bên A hoặc bên B gây ra;

Các trường hợp bất khả kháng, trừ trường hợp chấm dứt hợp đồng theo mục 8 Điều 11 của Hợp đồng này;

Vào bất cứ thời điểm nào, bên A có thể hướng dẫn bên B tạm ngừng thực hiện công việc của mình ngay cả khi bên B không có bất kỳ sai phạm nào.

Việc tạm dừng hợp đồng có hiệu lực ngay khi một bên nhận được văn bản đề nghị tạm dừng hợp đồng của bên kia.

Khi xảy ra trường hợp tạm dừng hợp đồng không do lỗi của bên B thì:

Bên B phải báo cáo cho bên A phần công việc đã thực hiện cho đến thời điểm tạm dừng thực hiện Hợp đồng để các bên đối chiếu và thống nhất; bên B sẽ nhận được phần giá trị tương ứng với khối lượng công việc đã thực hiện và đã được các bên thống nhất; và

Bên B được gia hạn thời hạn hoàn thành hợp đồng tương ứng với thời gian tạm dừng hợp đồng.

Khi xảy ra trường hợp tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên B thì bên B không được quyền gia hạn thời hạn hoàn thành hợp đồng hay thanh toán các chi phí cho việc khắc phục các hậu quả do lỗi của bên B;

Bên có lỗi phải bồi thường thiệt hại cho bên kia (nếu có) theo quy định của pháp luật;

Thời gian tạm dừng sẽ được hai bên thỏa thuận khi xảy ra việc tạm dừng hợp đồng;

Hai bên sẽ chỉ thực hiện tiếp hợp đồng sau khi kết thúc thời kỳ tạm dừng.

Điều 11. Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn

Trường hợp đã tạm dừng thực hiện hợp đồng do lỗi của bên A hoặc bên B gây ra mà bên vi phạm hợp đồng không khắc phục lỗi của mình trong khoảng thời gian năm (5) ngày kể từ ngày bắt đầu tạm dừng theo thông báo thì bên tạm dừng có quyền chấm dứt hợp đồng;

Trường hợp một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải do lỗi của bên kia gây ra, thì bên đơn phương chấm dứt hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia theo Điều 15 của Hợp đồng này;

Trước khi một bên chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước ít nhất năm (5) ngày và trong đó phải nêu rõ lý do chấm dứt hợp đồng. Nếu bên chấm dứt hợp đồng không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì phải bồi thường thiệt hại cho bên kia;

Hợp đồng không còn hiệu lực kể từ thời điểm bị chấm dứt và các bên phải hoàn tất thủ tục thanh lý hợp đồng trong khoảng thời gian không quá năm (5) ngày kể từ ngày thông báo chấm dứt hợp đồng. Ngoài thời gian này, nếu một bên không làm các thủ tục thanh lý hợp đồng thì bên kia được toàn quyền quyết định việc thanh lý hợp đồng.

Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

+ Bên B bị phá sản, giải thể hoặc chuyển nhượng hợp đồng cho người hoặc tổ chức khác mà không có sự chấp thuận của bên A;

+ Bên B từ chối thực hiện công việc theo hợp đồng hoặc năm (5) ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng, dẫn đến vi phạm tiến độ thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng, trừ trường hợp được bên A chấp thuận bằng văn bản.

Bên B có quyền chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

+ Bên A bị phá sản, giải thể hoặc chuyển nhượng hợp đồng cho người hoặc tổ chức khác mà không có sự chấp thuận của bên B;

+ Sau năm (5) ngày liên tục công việc bị dừng do lỗi của bên A, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác bằng văn bản;

+ Bên A không thanh toán cho bên B sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

Chấm dứt hợp đồng do trường hợp bất khả kháng:

+ Hợp đồng được chấm dứt trong trường hợp bất khả kháng xảy ra làm cho các bên không thể thực hiện được hợp đồng dù các bên đã áp dụng mọi biện pháp ngăn ngừa, thay thế để hạn chế, khắc phục sự kiện bất khả kháng để tiếp tục thực hiện hợp đồng;

+ Các bên phải có bản tường trình các phân việc đã thực hiện cho đến thời điểm xảy ra bất khả kháng. Hợp đồng được thanh lý cho đến thời điểm xảy ra bất khả kháng. Bên B sẽ nhận được phần giá trị tương ứng với khối lượng công việc đã thực hiện và đã được các bên thống nhất.

Điều 12. Bất khả kháng

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan hoặc nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như:

+ Chiến tranh, tình trạng chiến tranh (bất kể có tuyên bố chiến tranh hay không), sự xâm lược, hoạt động của kẻ thù nước ngoài;

+ Nổi loạn, khủng bố, cách mạng, khởi nghĩa, đảo chính hoặc nội chiến;

+ Vũ khí đạn dược của chiến tranh, vật liệu nổ, phóng xạ ion hoặc ô nhiễm do hoạt động phóng xạ, ngoại trừ do bên B sử dụng vũ khí đạn dược, chất nổ, phóng xạ và hoạt động phóng xạ;

+ Các thiên tai như động đất, bão, lũ lụt, lốc hay hoạt động của núi lửa;

+ Sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam mà sự ngăn cấm này không phải do hành vi vi phạm của các bên.

Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng hoặc bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 11 của Hợp đồng này. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra; và

+ Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng (được xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền) mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình, trừ trường hợp chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 11 của Hợp đồng này.

Điều 13. Sở hữu trí tuệ

Bên A được quyền sở hữu các sản phẩm khảo sát và được toàn quyền sử dụng các sản phẩm này một khi đã thanh toán các khoản thanh toán theo quy định tại Điều 7 hợp đồng.

Bên B giữ toàn quyền sở hữu trí tuệ các bản vẽ, thiết kế tiền dự án, phác thảo,... của mình. Bên B không được sử dụng lại hồ sơ tài liệu, các bản vẽ khảo sát liên quan đến việc thực hiện hợp đồng cho một dự án khác của bên thứ ba;

Bên B không chịu trách nhiệm về bất cứ mất mát nào hoặc tổn thất nào gây ra do việc bên A sử dụng không thích hợp các bản vẽ đã được nghiệm thu;

Bên B phải đảm bảo các tài liệu, bản vẽ khảo sát liên quan đến việc khảo sát của Hợp đồng này không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (đã được bảo hộ hay chưa được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ) của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào;

Bên B phải chịu trách nhiệm đối với mọi tranh chấp và bồi thường thiệt hại (nếu có) liên quan đến các quyền sở hữu trí tuệ phát sinh từ hồ sơ thiết kế.

Điều 14. Bảo mật thông tin

Trong bất cứ trường hợp nào bên B (bao gồm nhân viên của bên B và người có liên quan của bên B) cũng không được cung cấp hay tiết lộ các thông tin, hồ sơ khảo sát và tài liệu có liên quan đến công trình này cho bên thứ 3 hoặc tự mình sử dụng vào các mục đích riêng khác ngoài Hợp đồng trong quá trình thực hiện Hợp đồng và sau khi Hợp đồng hết hiệu lực, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc được sự đồng ý bằng văn bản của bên A;

Bên B phải bồi thường cho bên A những thiệt hại do bên B (bao gồm nhân viên của bên B và người có liên quan của bên B) tiết lộ hoặc sử dụng vào các mục đích riêng khác ngoài Hợp đồng các thông tin, hồ sơ khảo sát và các tài liệu có liên quan đến công trình này.

Điều 15. Phạt vi phạm hợp đồng

Bên A chậm thanh toán 30 (ba mươi) ngày cho bên B sau thời hạn theo quy định về thời hạn thanh toán thì sẽ bồi thường cho bên B theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán tại Ngân hàng mà bên B mở tài khoản kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên A đã thanh toán đầy đủ cho bên B;

Bên B thực hiện công việc chậm so với tiến độ theo quy định tại hợp đồng này, bên B chịu phạt 0,1% Tổng giá trị hợp đồng cho mỗi ngày trễ hạn theo tiến độ thực hiện hợp đồng. Bên A khấu trừ giá trị phạt vào giá trị thanh toán hợp đồng cho bên B. Mức phạt vi phạm hợp đồng này không vượt quá 12% tổng giá trị hợp đồng;

Trường hợp một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải do lỗi của bên kia gây ra, thì bên đơn phương chấm dứt hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia 10% tổng giá trị hợp đồng;

Khi bên B vi phạm hợp đồng thì bên A có quyền tiếp tục hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng thì hai bên sẽ xác

định khối lượng công việc của gói thầu đã thực hiện để tiến hành thủ tục thanh lý và quyết toán hợp đồng.

Điều 16. Giải quyết tranh chấp hợp đồng

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh tranh chấp thì các bên giải quyết tranh chấp bằng con đường thương lượng, thỏa thuận, hòa giải. Nếu hòa giải không thành thì tranh chấp sẽ do Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết theo quy định pháp luật;

Trường hợp bên B có tranh chấp với bên thứ ba về các vấn đề có liên quan đến Hợp đồng này thì bên B tự chịu trách nhiệm giải quyết và bồi thường thiệt hại (nếu có). Bên A không liên quan, không chịu trách nhiệm giải quyết và bồi thường (nếu có).

Điều 17. Hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Hợp đồng này được thanh lý trong các trường hợp sau:

+ Khi hai bên đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đã nêu trong hợp đồng của mình và không còn tranh chấp gì giữa các bên, hai bên sẽ ký biên bản thanh lý hợp đồng để chấm dứt hợp đồng;

+ Theo thỏa thuận của các bên;

+ Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo Điều 11 của Hợp đồng này;

+ Hợp đồng bị chấm dứt theo các quy định của pháp luật.

Điều 18. Điều khoản chung

Các thông báo theo Hợp đồng này sẽ được gửi bằng văn bản tiếng Việt và được gửi đến người có trách nhiệm theo địa chỉ ghi trên Hợp đồng hoặc tới các địa chỉ khác đã được các bên thông báo cho nhau bằng văn bản và có hiệu lực kể từ ngày nhận.

Các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này tạo thành một thỏa thuận hoàn chỉnh giữa các bên liên quan đến Hợp đồng này và thay cho bất cứ thỏa thuận nào trước đây giữa các bên liên quan đến hợp đồng;

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bất kỳ sửa đổi hay bổ sung nào liên quan đến Hợp đồng này sẽ chỉ có hiệu lực khi được lập thành văn bản và được sự xác nhận của hai bên;

Hợp đồng này gồm 10 trang và 01 PLHD, được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản.



GIÁM ĐỐC
Lê Đức Đạt



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Nam

PHỤ LỤC GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số 42.06.2024/HDTV/PHN-QDC, ký ngày 25 tháng 06 năm 2024)

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
			1	2	3 = 1x2
A. KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH					19.180.000
1	Đường chuyên cấp 2.	m	2	3.000.000	6.000.000
2	Đo thủy chuẩn kỹ thuật địa hình cấp VI	km	5	2.000.000	10.000.000
3	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình 1/500, đường đồng mức 0,5m. Địa hình cấp III	ha	0,265	12.000.000	3.180.000
4	+ Báo cáo kết quả khảo sát + in ấn	bộ	4	<i>đã bao gồm trong đơn giá</i>	
B. KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT					90.100.000
I. độ sâu hố khoan <=60,0m					52.200.000
1	+ Khối lượng khoan 03 Điểm, mỗi điểm sâu 60,0 m.	m	180	290.000	52.200.000
II. độ sâu hố khoan 60,0m-77,0m					37.900.000
2	+ Khối lượng khoan 03 Điểm, dự kiến mỗi điểm 15m (độ sâu từ 60,0-77,0m).	m	44	500.000	22.000.000
3	+ Thí nghiệm SPT	lần	21	100.000	2.100.000
4	+ Thí nghiệm cơ lý mẫu đất	mẫu	21	<i>đã bao gồm trong đơn giá</i>	
5	+ Thí nghiệm cơ lý mẫu đá	mẫu		500.000	-
6	+ Thí nghiệm cơ lý mẫu UU	mẫu	3	1.000.000	3.000.000
7	+ Thí nghiệm cơ lý mẫu CU	mẫu	3	1.500.000	4.500.000
8	+ Thí nghiệm cơ lý mẫu thấm (áp dụng cho các lớp đất từ trên xuống đến 15,0m)	mẫu	21	300.000	6.300.000
9	+ Báo cáo kết quả khảo sát + in ấn	bộ	5	<i>đã bao gồm trong đơn giá</i>	
C. TỔNG GIÁ TRỊ KHẢO SÁT SAU THUẾ (đã bao gồm thuế 8% VAT)					109.280.000

ĐẠI DIỆN BÊN B

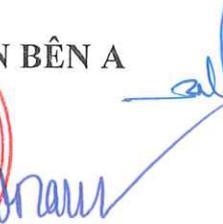




GIÁM ĐỐC
Lê Đức Đạt

ĐẠI DIỆN BÊN A





TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Nam



DỰ ÁN MỞ KHO MỚI - MM MEGA MARKET DA NANG
NSO MM MEGA MARKET DA NANG PROJECT

Hợp đồng số: CD/DN2/NSO-LC/QUANGDAT/01/10/23
Contract No.

Ngày/Date:/...../.....
Trang/Page 1 / 12

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP, XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ
SUPPLY, CONSTRUCTION AND SERVICE CONTRACT

(sau đây gọi là “**Hợp Đồng**”)
(Hereinafter referred to as “**Contract**”)

Nhà thầu: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT XÂY DỰNG QUANG ĐẠT**
Contractor **QUANG DAT CONSTRUCTION SURVEY COUNSULTANCY COMPANY LIMITED**

Địa chỉ: 143 Phạm Như Xương, Phường Hòa Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Address **143 Pham Nhu Xuong, Hoa Khanh Nam Ward, Lien Chieu District, Da Nang City, Vietnam**

Mã số thuế: 0401389922
Tax code

Người đại diện: **Ông /Mr LÊ ĐỨC ĐẠT – Giám Đốc/ Director**
Represented by

Và

Chủ đầu tư: **CÔNG TY TNHH MM MEGA MARKET (VIỆT NAM)**
Employer **MM MEGA MARKET (VIETNAM) COMPANY LIMITED**

Địa chỉ: Khu B, Khu đô thị mới An Phú - An Khánh, phường An Phú, Thủ Đức, TP.HCM
Address **Lot B, An Phu – An Khanh New Residential Area, An Phu Ward, Thu Duc, HCMC**

Mã số thuế: 0302249586
Tax code

Người đại diện: **Ông/ Mr BRUNO JOUSSELIN – Tổng Giám Đốc Điều Hành/ Managing Director**
Represented by **Bà/ Ms TRẦN KIM NGA – Giám Đốc Đối Ngoại/ Corporate Development Director**

Dự án : Dự án mở kho mới – MM Mega Market Đà Nẵng
Project : NSO MM Mega Market Da Nang Project

Báo giá : Ngày 21/09/2023
Quotation : Dated 21st September 2023

Hạng mục : Khảo sát địa chất (“Hạng Mục Công Việc”)
Work item : Soil Test (“the Work”)



DỰ ÁN MỞ KHO MỚI - MM MEGA MARKET DA NANG
NSO MM MEGA MARKET DA NANG PROJECT

Hợp đồng số: CD/DN2/NSO-LC/QUANGDAT/01/10/23

Ngày/Date:/...../.....

Contract No.

Trang/Page 2 / 12

Tùng bên Nhà Thầu và Chủ Đầu Tư trong Hợp Đồng này được gọi là “**Bên**” và gọi chung là “**Các Bên**”.

Each of the Employer and the Contractor is referred to in this Contract individually as "Party" and collectively as "Parties".

Chủ Đầu Tư đồng ý ký kết Hợp Đồng với Nhà Thầu về việc cung cấp và thực hiện dịch vụ theo các điều khoản và điều kiện sau đây:

The Employer agrees to sign this Contract with the Contractor to conduct/ enjoy the service and supply with the following terms and conditions:

ĐIỀU 1. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG:
ARTICLE 1. CONTRACT VALUE:

TỔNG GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ:
NET TOTAL AMOUNT:

214.250.000 VNĐ

Bằng chữ: Hai trăm mười bốn triệu Hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn. (Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)

In words: Viet Nam Dongs Two hundred fourteen million Two hundred fifty thousand only. (Excluding VAT)

Thuế giá trị gia tăng do Chủ đầu tư trả. Thuế suất Thuế Giá Trị sẽ áp dụng theo Luật thuế Giá Trị Gia Tăng hiện hành tại thời điểm xuất hóa đơn.

VAT is paid by Employer. VAT Rates will apply according to the current VAT Law at the time of invoice.

Giá trị Hợp Đồng là trọn gói đối với tất cả các Hạng Mục Công Việc đã thỏa thuận trong Hợp Đồng và Bảng Báo Giá, bao gồm không giới hạn việc cung cấp nguyên vật liệu, vật tư, trang thiết bị, phí nhân công, phí bảo hành và mọi khoản phí cần thiết để Nhà Thầu hoàn thành Hạng Mục Công Việc.

Contract value is lump sum covering all Works agreed in the Contract and the Quotation, including but not limited to the supply of materials, equipment, labour, warranty and all relevant fees necessary for the Contractor to complete the Works.

ĐIỀU 2. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG:
ARTICLE 2. CONTRACT CONDITIONS:

2.1 Địa điểm thực hiện:

2.1 Place of delivery and works:

STT/No.	Địa Điểm/ Center	Địa chỉ/ Address
01	Đà Nẵng Da Nang	Phường Hòa Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, Thành Phố Đà Nẵng Hoa Khanh Nam Ward, Lien Chieu District, Da Nang City

**DỰ ÁN MỞ KHO MỚI - MM MEGA MARKET DA NANG
NSO MM MEGA MARKET DA NANG PROJECT**

Hợp đồng số: CD/DN2/NSO-LC/QUANGDAT/01/10/23

Ngày/Date:/...../.....

Contract No.

Trang/Page 3 / 12

2.2 Nội dung hợp đồng:

2.2 Content of contract:

- Chi tiết nội dung Hợp Đồng quy định tại Bảng Báo Giá ngày 21/09/2023 của Nhà Thầu về việc thực hiện các Hạng Mục Công Việc. Bảng Báo Giá là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng;
Pursuant to details Bill of Quotation dated 21st September 2023 of the Contractor for the Works. Quotation is an integral part of the Contract.

2.3 Tiến độ thi công:

2.3 Implementation schedule:

- Ngày hoàn thành tất cả các hạng mục công việc theo Hợp đồng: Trong vòng 25 ngày kể từ ngày Hợp đồng được ký bởi Các bên.
Completion of all works under Contract: within 25 days from the date the Contract is signed by both Parties.

ĐIỀU 3. ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN:

ARTICLE 3. PAYMENT TERM:

Chủ Đầu Tư sẽ thanh toán giá trị hợp đồng theo những điều khoản sau:

The Employer shall pay the contract value in accordance with the following terms:

- 3.1 **100%** giá trị hợp đồng được thanh toán sau khi Nhà Thầu hoàn thành mọi công việc đã được Chủ Đầu Tư chấp thuận bằng Biên bản nghiệm thu hoàn thành.

100% Contract value shall be paid after completion of all Works, which is accepted by the Employer by issuing Final Acceptance Minutes upon practical completion of Works.

- 3.2 Để thực hiện theo Điều 3.1 trên, Nhà Thầu phải cung cấp cho Chủ Đầu Tư các chứng từ sau:
For the purpose of Clause 3.1, the Contractor shall provide the Employer with the following required documents:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành mọi công việc được ký bởi Các bên và các hồ sơ liên quan chứng minh việc hoàn tất dịch vụ theo yêu cầu của Chủ Đầu Tư (02 bản gốc);
- Yêu cầu thanh toán (02 bản gốc);
- Hóa đơn VAT hợp lệ được cung cấp bởi Nhà Thầu.
- *Acceptance Minutes of Completion of Works for putting into operation to be signed by the Parties and other handover documents of completion of works required by the Employer (02 original copies).*
- *Payment claim (02 original copies).*
- *Valid VAT Invoices to be duly issued by the Contractor.*

- 3.3 Hóa đơn chỉ được xem là hợp lệ nếu được Nhà Thầu phát hành sau khi (i) dịch vụ đã được hoàn thành tốt đẹp và (ii) giá trị hóa đơn đã được Chủ Đầu Tư chấp thuận.

DỰ ÁN MỞ KHO MỚI - MM MEGA MARKET DA NANG
NSO MM MEGA MARKET DA NANG PROJECT

Hợp đồng số: CD/DN2/NSO-LC/QUANGDAT/01/10/23

Ngày/Date:/..../.....

Contract No.

Trang/Page 4 / 12

The invoice is considered valid only if it's issued by the Contractor after (i) service has been satisfactorily completed and (ii) invoice value has been accepted by the Employer.

- 3.4 Việc Chủ Đầu Tư thực hiện bất kỳ thanh toán nào theo quy định của Hợp Đồng này cũng phụ thuộc trước hết vào việc Chủ Đầu Tư phải nhận được hóa đơn hợp lệ và không có sai sót từ phía Nhà Thầu.
Any payments to be made by the Employer under this Contract are subject to the Employer first having received a valid VAT invoice from the Contractor without any defect by the Contractor.

- 3.5 Các khoản thanh toán sẽ được thanh toán bằng tiền Việt Nam đồng và được chuyển khoản vào tài khoản của Nhà thầu như sau:
All payments shall be made in Vietnamese Dong by bank transfer to the following account:

Tài khoản/Bank account name: **CTY TNHH TU VAN KS XD QUANG DAT**

Số tài khoản/Bank account no: (VNĐ) 2002201200890

Ngân hàng/Bank name: AGRIBANK VIET NAM – LIEN CHIEU BRANCH

- 3.6 Yêu cầu thanh toán và Hóa đơn tài chính sẽ được gửi đến địa chỉ:
Payment claim and VAT invoice are required to be submitted to:

Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam) – Văn phòng hỗ trợ

Phòng Xây Dựng – Bảo Trì

Khu B, Khu đô thị mới An Phú- An Khánh, phường An Phú, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM

Người nhận: Nguyễn Phương Trà

*MM Mega Market (Viet Nam) Co., Ltd. – Supporting office Construction –
Maintenance*

Department

*Lot B, An Phu – An Khanh New Residential Area, An Phu Ward, Thu Duc City, Ho
Chi Minh City.*

Attn: Ms. Nguyen Phuong Tra

- 3.7 Thời gian thanh toán:
Payment schedule:

Chủ Đầu Tư sẽ thanh toán cho Nhà Thầu trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu và sau khi nhận được đầy đủ các chứng từ yêu cầu thanh toán như đã đề cập ở trên. Và phụ thuộc vào Lịch thanh toán 2 lần/tháng theo quy định nội bộ của Chủ Đầu Tư (“Lịch Thanh Toán”).

The Employer shall pay the Contractor within 30 days after the date of final acceptance minutes of completion of work upon practical completion and the Contractor provides all valid payment documents as above-mentioned to the Employer and depending on bimonthly payment schedule according to the Employer's internal policy (“Payment Schedule”).

Trong trường hợp đến hạn thanh toán mà đã quá ngày thanh toán gần nhất theo Lịch Thanh Toán thì việc thanh toán sẽ được thực hiện vào ngày thanh toán kế tiếp theo Lịch Thanh Toán. Lịch Thanh Toán sẽ được thông báo cho Nhà Thầu sau khi ký kết Hợp Đồng. Chủ Đầu Tư bảo

DỰ ÁN MỞ KHO MỚI - MM MEGA MARKET DA NANG
NSO MM MEGA MARKET DA NANG PROJECT

Hợp đồng số: CD/DN2/NSO-LC/QUANGDAT/01/10/23

Ngày/Date:/..../.....

Contract No.

Trang/Page 5 / 12

lưu quyền thay đổi Lịch Thanh Toán này bất cứ lúc nào bằng văn bản thông báo trước cho Nhà Thầu.

In case the due date passes the closest payment date named in the Payment Schedule, the remittance shall be done by the next following one which is also named in the Payment Schedule. The Payment Schedule shall be informed to the Contractor upon signing this Contract. The Employer reserves its right to adjust such Payment Schedule at any time by a prior written notice to the Contractor.

Thông tin xuất Hóa đơn tài chính/ Invoice address

Trung tâm Center	Tên đơn vị Name	Địa chỉ Address	MST Tax code
Da Nang	Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	Khu B, Khu Đô Thị Mới An Phú – An Khánh, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	0302249586

- 3.8 Chủ Đầu Tư có toàn quyền khấu trừ trực tiếp (i) các khoản tiền phạt do Nhà Thầu vi phạm Hợp Đồng và/hoặc (ii) các khoản bồi thường hoặc phải thanh toán từ Nhà Thầu, vào các khoản tiền mà Chủ Đầu Tư phải thanh toán cho Nhà Thầu cho đến khi khấu trừ xong trước khi tiến hành thanh toán cho Nhà Thầu. Ngoài ra, trường hợp Nhà Thầu có bất kỳ vi phạm nào theo Hợp Đồng, Chủ Đầu Tư có quyền giữ lại các khoản thanh toán đến hạn cho Nhà Thầu cho đến khi các vi phạm đó được khắc phục thỏa mãn yêu cầu của Chủ Đầu Tư.

The Employer reserves the right to deduct directly (i) the penalty amount due to The Contractor's breach of this Contract and/or (ii) the indemnity or any amount payable by the Contractor to the Employer, into the amount payable by The Employer to The Contractor until such deduction is fully made prior to settlement of any payment to the Contractor. Further, in case of any violations of the Contractor under this Contract, the Employer has the right to hold payments due to the Contractor until such violations are remedied to the satisfaction of the Employer.

ĐIỀU 4. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG:

ARTICLE 4. FORCE MAJEURE:

- 4.1 “**Trường hợp bất khả kháng**” là các sự kiện xảy ra ngoài dự kiến cũng như kiểm soát của một trong Các Bên hoặc Các Bên khiến cho một trong Các Bên hoặc Các Bên không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn thiên tai, lụt lội, bão, động đất, chiến tranh (dù đã được tuyên bố hay không), chiến sự, nội chiến, xung đột, các hoạt động quân sự để chuẩn bị hoặc là hậu quả của chiến tranh, khủng bố, hoạt động thù địch, giao tranh địa phương, bất hòa dân tộc, nổi loạn, bạo động, cấm vận, đình công, cháy nổ, đại dịch, hoạt động của chính phủ hoặc thay đổi chính sách.

“Force Majeure Event” means any event beyond the prediction and reasonable control of one Party or the Parties which prevents one Party or the Parties from carrying out any of its obligations hereunder including but not limited to flood, typhoon, earthquake, war (whether declared or not), hostilities, civil war, war-like activities, military operations preparatory or consequential to war, terrorist activities, acts of republic enemies, local skirmishes, civil strife, riots, lockouts, civil commotions, strikes, fires, pandemic, government action or regulations.

**DỰ ÁN MỞ KHO MỚI - MM MEGA MARKET DA NANG
NSO MM MEGA MARKET DA NANG PROJECT**

Hợp đồng số: CD/DN2/NSO-LC/QUANGDAT/01/10/23

Ngày/Date: .../.../.....

Contract No.

Trang/Page 6 / 12

4.2 Nghĩa vụ của Bên rơi vào tình trạng Bất khả kháng:

Duties of the party falling into the case of force majeure:

- (i) Trong vòng 48 giờ, thông báo ngay cho đối tác của mình về trường hợp Bất khả kháng.
Within 48 hours, inform their partner about the case of force majeure
- (ii) Trong vòng 7 ngày, phải cung cấp cho đối tác của mình tài liệu, bằng chứng để chứng minh về sự kiện Bất khả kháng.
Within 7 days, give their partner the certificate of the case of force majeure.

4.3 Quyền lợi của Bên rơi vào tình trạng Bất khả kháng:

Interests of the party falling into the case of force majeure:

- (i) Được miễn hoặc hoãn thi hành nghĩa vụ trong một thời gian tương ứng với thời gian xảy ra Bất khả kháng cộng với thời gian cần thiết khắc phục hậu quả đó. Tuy nhiên nếu thời gian này kéo dài quá 60 ngày thì một Bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng.
Is allowed to be free from performing their duties or delay for a period of time which is correlative to the period during which the case of force majeure has occurred, plus the period needed to recover from the consequences. However, if this period lasts more than 60 days the other party will have the right to terminate the Contract.
- (ii) Không phải thanh toán các thiệt hại nếu như sự chậm trễ trong thực hiện hoặc không thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp Đồng là do một sự kiện bất khả kháng gây ra.
Do not have to pay for the damages or terminate the contract if their delayed implementation or unfulfilled duties are due to the case of force majeure.

ĐIỀU 5. BẢO MẬT THÔNG TIN:

ARTICLE 5. CONFIDENTIALITY:

5.1 Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Nhà thầu có thể được tiếp cận các thông tin bảo mật của Chủ đầu tư. Nhà thầu cam kết không tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba hoặc bất kỳ người nào cũng như sẽ không sử dụng các thông tin bảo mật mà Nhà thầu có được trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng, trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của Chủ Đầu Tư và bất kể theo điều khoản nào trong Hợp đồng này, Nhà thầu sẽ phải thực hiện nghĩa vụ này cho đến khi các thông tin này được công khai rộng rãi. Tất cả các thông tin liên quan đến Chủ đầu tư, bao gồm các thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh của Chủ đầu tư, các thông tin về dịch vụ nêu tại Hợp đồng này (được tiết lộ trực tiếp hoặc gián tiếp cho Nhà thầu hoặc các thông tin được phát triển rộng hợp bởi Nhà thầu trong quá trình thực hiện Hợp đồng) được xem là thông tin bảo mật trừ khi thông tin này đã được tiết lộ hoặc đã được công khai rộng rãi mà không bị giới hạn.

During the performance of this Contract, The Contractor may approach the confidential information of The Employer. The Contractor shall not disclose to any third party or any person as well as shall not use, any confidential information that The Contractor obtained during the performance of the Contract, unless it is agreed in writing by The Employer and, irrespective of the terms of this Contract, The Contractor shall be liable to such obligation until the confidential information properly comes into the public domain. All information relating to The Employer, including the information relating to all business activities of The

DỰ ÁN MỞ KHO MỚI - MM MEGA MARKET DA NANG
NSO MM MEGA MARKET DA NANG PROJECT

Hợp đồng số: CD/DN2/NSO-LC/QUANGDAT/01/10/23

Ngày/Date:/...../.....

Contract No.

Trang/Page 7 / 12

Employer, and the information relating to the services set out in this Contract (which is directly or indirectly disclosed to The Contractor or is developed further by The Contractor during the implementation of the services as set out in this Contract) are considered confidential unless such information is disclosed or in other way, came into the public domain without limitation.

- 5.2 Nhà thầu cam kết các nhân viên của Nhà thầu, nhà thầu phụ hoặc một bên thứ ba cũng có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ bảo mật thông tin theo điều khoản này.
The Contractor shall cause its employees, sub-contractors or third parties whose services he employs also to comply with the confidentiality obligation in this Article.
- 5.3 Sự hạn chế được đề cập tại Điều này của Hợp Đồng này được áp dụng trong suốt thời hạn có hiệu lực của Hợp Đồng này và ngay cả sau khi Hợp Đồng này hết hiệu lực mà không bị giới hạn về thời gian.
The restriction in this Article shall be applied during and after termination of this Contract without any time limit.
- 5.4 Trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin này, Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường về mọi thiệt hại được chứng minh bởi Chủ đầu tư xảy ra do sự vi phạm của Nhà thầu.
In case of breach of the confidentiality obligation in this Article, The Contractor shall be responsible for full damage caused by The Contractor's faults which are proved by The Employer.

ĐIỀU 6. ĐIỀU KHOẢN PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG:
ARTICLE 6. CONTRACT PENALTY:

- 6.1 Trong trường hợp Nhà thầu (i) không hoàn thành tiến độ thực tế theo đúng Tiến độ được quy định tại Hợp Đồng này vào Ngày hoàn thành và/ hoặc (ii) không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các yêu cầu về sửa chữa, khắc phục các khiếm khuyết và/hoặc (iii) không đảm bảo phương án kỹ thuật, không đáp ứng yêu cầu về quy cách, chất lượng của Các Hạng Mục Công Việc theo đúng thỏa thuận giữa các Bên, Nhà Thầu sẽ phải (i) bồi thường thiệt hại phát sinh được chứng minh do lỗi của Nhà Thầu; và (ii) phải trả cho Chủ Đầu Tư một khoản tiền phạt tương đương 8% giá trị của phần nghĩa vụ bị vi phạm. Để làm rõ, các Bên đồng ý giá trị của phần nghĩa vụ bị vi phạm trong trường hợp này là giá trị của Hợp Đồng được quy định tại Điều 1 của Hợp Đồng.
If the Contractor fails to achieve Final Acceptance Minutes of Completion of Work by the Completion Date and/or does not ensure technical solution as agreed by the Parties, the Contractor shall (i) compensate for all damages arising due to the breach of contract caused by the Contractor; and (ii) pay a penalty equivalent to 8% (eight per cent) of the value of the obligation which is violated.
- 6.2 Trường hợp Nhà Thầu không sửa chữa sai sót hoặc thực hiện công việc tồn đọng như đã được Chủ Đầu Tư thông báo trong khoảng thời gian hợp lý kể từ ngày Chủ Đầu Tư gửi thông báo hoặc chất lượng công việc không đáp ứng yêu cầu của Chủ Đầu Tư, Chủ Đầu Tư có quyền:

**DỰ ÁN MỞ KHO MỚI - MM MEGA MARKET DA NANG
NSO MM MEGA MARKET DA NANG PROJECT**

Hợp đồng số: CD/DN2/NSO-LC/QUANGDAT/01/10/23

Ngày/Date:/..../.....

Contract No.

Trang/Page 8 / 12

If the Contractor does not remedy a defect or carry out an outstanding work notified by the Employer within a reasonable time from the Employer's notice or the quality of work does not meet the requirements of the Employer, the Employer shall be entitled to:

- (i) tự mình sửa chữa sai sót hoặc thực hiện công việc tồn đọng hoặc *remedy the defect or carry out the outstanding work himself or*
- (ii) nhờ các chủ thể khác sửa chữa hoặc thực hiện *have it remedied or carried out by others*

bằng chi phí của Nhà Thầu và trong trường hợp đó, theo quyết định của Chủ Đầu Tư, trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ Đầu Tư, Nhà Thầu phải hoàn lại tất cả chi phí và phí tổn khác một cách hợp lý mà Chủ Đầu Tư đã gánh chịu để tiến hành việc sửa chữa sai sót hoặc thực hiện công việc tồn đọng; hoặc Chủ Đầu Tư sẽ khấu trừ vào khoản tiền mà Chủ Đầu Tư còn phải thanh toán cho Nhà Thầu theo lịch thanh toán.

at the Contractor's cost, and in that case, by the decision of the Employer, within 15 (fifteen) days from the date of receiving the notices of the Employer. The Contractor shall pay to the Employer all cost and other expenses reasonably incurred by the Employer in carrying out the remedial or outstanding works; or the Employer will deduct from the amount that the Employer must pay to the Contractor according to the Payment Schedule.

6.3 Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

The Employer shall be entitled to terminate the Contract in the following circumstances:

- (i) Vào bất cứ thời điểm nào bằng việc gửi thông báo chấm dứt hợp đồng đến Nhà thầu;
At any time for Employer's convenience by giving notice of such termination to the Contractor;
- (ii) Nhà thầu không hoàn thành tiến độ thực tế theo đúng tiến độ, thời hạn được quy định tại Hợp Đồng này; không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các yêu cầu về sửa chữa, khắc phục các khiếm khuyết; hoặc không giải quyết triệt để công việc tồn đọng; hoặc không đảm bảo yêu cầu về quy cách, chất lượng của Hạng Mục Công Việc. hoặc những sai sót khác. Trong trường hợp này, Nhà Thầu sẽ phải bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có) cho Chủ Đầu Tư.

The Contractor fails to follow the constructional schedule/ duration stated by the Contract; or fails to fully fix the defects, or fails to carry out remedies, or fail to implement the outstanding tasks; or fails to comply with the requirements on the specifications and quality of the Works. In this case, the Contractor must compensate any damages arising (if any) for the Employer.

ĐIỀU 7. LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:

ARTICLE 7. GOVERNING LAW, DISPUTE RESOLUTION:

7.1 Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh bởi Pháp luật Việt Nam.

The Contract shall be governed by the laws of Vietnam.

7.2 Trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra do hoặc có liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng này, đầu tiên Các Bên sẽ giải quyết tranh chấp nói trên thông qua thương lượng và hòa giải. Nếu tranh chấp không được giải quyết trong vòng 30 ngày kể từ ngày một Bên thông báo

**DỰ ÁN MỞ KHO MỚI - MM MEGA MARKET DA NANG
NSO MM MEGA MARKET DA NANG PROJECT**

Hợp đồng số: CD/DN2/NSO-LC/QUANGDAT/01/10/23

Ngày/Date:/..../.....

Contract No.

Trang/Page 9 / 12

cho Bên kia về tranh chấp phát sinh, bất kỳ Bên nào cũng có thể đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền nơi đặt trụ sở chính của Chủ đầu tư để giải quyết.

During the execution of this contract, if any disputes occur, both parties should attempt to negotiate and resolve all disputes in the spirit of reconciliation, goodwill and co-operation. If the dispute is not resolved within 30 (thirty) days after a Party notifies the other party of the dispute arises, any party may bring the dispute to the competent Court where the head office of Employer is located for settlement.

ĐIỀU 8. QUY ĐỊNH VỀ CHỐNG THAM NHŨNG:

ARTICLE 8. ANTI-CORRUPTION CLAUSE:

8.1. Nhà Thầu cam kết tiến hành các biện pháp cần thiết và hợp lý để ngăn ngừa tham nhũng và hối lộ. Theo đó, Nhà Thầu sẽ không đưa ra đề nghị, hứa hoặc cấp cho, cũng như không cho phép một bên thứ ba thông qua nhân viên, viên chức quản lý hoặc các bên thứ ba khác, đưa ra đề nghị, hứa hoặc cấp cho nhân viên hoặc viên chức quản lý của Chủ Đầu Tư, và bất kỳ bên thứ ba nào khác, bao gồm cả thân nhân và những người có quan hệ gần gũi như là thân nhân của họ, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến Hợp Đồng này, các lợi ích hoặc các lợi thế (ví dụ như tiền mặt, quà tặng có giá trị hoặc các lời mời không có mục đích cơ bản là vì công việc, ví dụ như lời mời tham dự các sự kiện thể thao, các buổi hòa nhạc, các sự kiện văn hóa).

The Contractor undertakes to take all necessary and reasonable measures to avoid corruption and bribery. Accordingly, the Contractor shall not offer, promise or grant, nor have a third party offer, promise or grant, through its employees, management executives, or third parties, benefits or other advantages (e.g. cash, valuable gifts or invitations that have no primarily business purpose, e.g. to sporting events, concerts, cultural events) to employees or management executives of Employer, and any other third parties, including their relatives and other persons in similarly close relations to them and/or other competent state authorities and/or other organizations, individuals in connection with this Contract.

8.2. Trong trường hợp có bất kỳ vi phạm nào về Quy Định Về Phòng Chống Tham Nhũng mà đã được cảnh báo trước bằng văn bản và không thành công, thì Chủ Đầu Tư có quyền chấm dứt các hợp đồng hiện hữu mà không cần phải có một thông báo trước. Trong trường hợp có sự vi phạm nghiêm trọng thì không cần thiết phải có sự cảnh báo trước.

The Employer is entitled, in the event of any breach of the Anti-Corruption clause, after a prior unsuccessful written warning, to terminate all existing contracts without notice. In the event of a serious breach, no prior warning is necessary.

8.3. Nếu vi phạm các quy định tại Điều này, Nhà Thầu sẽ đảm bảo cho Chủ Đầu Tư không phải chịu trách nhiệm đối với và không bị ảnh hưởng, ngay lập tức sau khi có yêu cầu của Chủ Đầu Tư, từ bất kỳ khiếu nại, hành động hoặc thủ tục tố tụng nào mà bất kỳ bên thứ ba nào đưa ra đối với Chủ Đầu Tư, và bất kỳ nghĩa vụ nào mà Chủ Đầu Tư phải thực hiện với bất kỳ bên thứ ba, do có tổn thất, thiệt hại hoặc bất lợi mà bên thứ ba phải gánh chịu do hoặc liên quan đến vi

DỰ ÁN MỞ KHO MỚI - MM MEGA MARKET DA NANG
NSO MM MEGA MARKET DA NANG PROJECT

Hợp đồng số: CD/DN2/NSO-LC/QUANGDAT/01/10/23

Ngày/Date:/..../.....

Contract No.

Trang/Page 10 / 12

phạm, đồng thời Nhà Thầu phải bồi thường cho Chủ Đầu Tư các thiệt hại về lợi ích, tổn thất về uy tín mà Chủ Đầu Tư phải gánh chịu.

In case of any breach of this Article by the Contractor, the Contractor shall prevent the Employer from being liable for and not be affected, immediately upon request of the Employer, from any claim, action or proceeding that any third party imposes on the Employer, and any obligations that the Employer has to perform to any third party, as a result of loss, damage or disadvantage incurred by the third party as a result of or in connection with the regarding violation, and the Contractor must compensate the Employer for any damage in benefits, reputation that the Employer incurred.

ĐIỀU 9. CAM KẾT:

ARTICLE 9. COMMITMENT:

9.1 Nhà Thầu cam kết, bằng chí phí của mình, sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ mất mát, hư hỏng, tử vong hoặc thương vong hoặc tài sản của bất kỳ nhân sự nào của Nhà Thầu, nhân sự của Chủ Đầu tư hoặc các bên thứ ba trong quá trình thực hiện Hợp Đồng.

The Contractor shall, by its cost, be responsible for claims, loss, damage, death or injury of any of the Contractor's Personnel, the Employer's Personnel or the third parties or their property arising from the Contractor's performance of the Contract.

9.2 Đảm bảo có và duy trì đầy đủ các giấy phép, sự cho phép, chấp thuận và các giấy tờ cần thiết khác (nếu có) theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện việc cung cấp dịch vụ cho Chủ đầu tư.

Ensure to have a full and maintain the license, permission, approval and other documents required (if any) in accordance with applicable laws for the provision of services to The Employer.

9.3 Nhà Thầu đảm bảo tuân thủ mọi quy định về an toàn lao động, phòng cháy cháy nổ, vệ sinh môi trường và mọi quy định pháp luật có liên quan. Trường hợp Nhà Thầu vi phạm quy định pháp luật gây thiệt hại cho Chủ Đầu Tư hoặc bên thứ ba bất kỳ thì sẽ tự chịu trách nhiệm, phải bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật và đảm bảo Chủ Đầu Tư không phải chịu bất kỳ nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan nào.

The Contractor shall ensure the compliance with all regulations on labour safety, fire and explosion prevention, environmental sanitation and all relevant laws. In case the Contractor violates the law which causes damage to the Employer or any third party, the Contractor shall take the solely responsible, pay damages according to the law and ensure that the Employer shall not subject to any obligations or responsibilities hereof.

ĐIỀU 10. ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

ARTICLE 10. GENERAL CONDITIONS:

10.1 Mỗi Bên tuyên bố và đảm bảo với bên kia là có thẩm quyền cần thiết để ký kết và thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này.

**DỰ ÁN MỞ KHO MỚI - MM MEGA MARKET DA NANG
NSO MM MEGA MARKET DA NANG PROJECT**

Hợp đồng số: CD/DN2/NSO-LC/QUANGDAT/01/10/23
Contract No.

Ngày/Date:/..../.....
Trang/Page 11 / 12

Each of the Parties represents and warrants to the other Party that it has the requisite authority to enter into and perform its obligations under this Contract.

- 10.2 Các phụ lục và/hoặc các tài liệu đính kèm khác nếu có (bao gồm nhưng không giới hạn bằng báo giá, biên bản làm rõ kỹ thuật) (sau đây gọi chung là “**Phụ Lục**”) là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này, bao gồm các sửa đổi bổ sung tại từng thời điểm. Nếu có bất kỳ nội dung nào của Phụ Lục mâu thuẫn với quy định của Hợp Đồng, thì nội dung của Hợp Đồng sẽ được ưu tiên áp dụng.

The annexes and/or other attached documents, if any (including but not limited to quotation, minutes of technical clarification) (hereinafter collectively referred to as “Annex”) to this Contract shall be deemed an integral part of this Contract, including its amendments at any time hereafter. If any of the contents of the Annex to the Contract are in conflict with the provisions of this Contract, the contents of this Contract shall prevail.

- 10.3 Hợp Đồng này là kết quả của các thương lượng, đã được xem xét bởi Các Bên và thay thế tất cả các đàm phán, dàn xếp và thỏa thuận trước đó, dù là rõ ràng hay ngụ ý, cho dù bằng lời nói hay văn bản, giữa Các Bên. Theo đó, Hợp Đồng sẽ được xem là sản phẩm của tất cả Các Bên tham gia, và sẽ không có bất kỳ giả định nào rằng điều tối nghĩa sẽ được giải thích có lợi hoặc bất lợi cho bất kỳ Bên nào chỉ vì Bên đó có vai trò thực tế hay bị cáo buộc trong việc soạn thảo thỏa thuận đó.

This Contract is the result of negotiations, has been reviewed by the respective Parties and shall supersede all other previous negotiations, arrangements and agreements, express or implied, whether oral or written, between the Parties. Accordingly, the Contract shall be deemed as the product of all Parties thereto, and there shall be no presumption that an ambiguity should be construed in favour of or against any Party solely as a result of such Party's actual or alleged role in the drafting of any such agreement.

- 10.4 Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được xem như tự động thanh lý khi Các Bên hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này. Hợp Đồng chỉ có thể được sửa đổi bằng một văn bản được Các Bên ký kết.

This Contract becomes effective from the date of signing and shall be deemed to be automatically liquidated once the Parties have fulfilled their contractual obligations. This Contract may be amended only by a written document signed by both Parties.

- 10.5 Nhà Thầu không được ký hợp đồng thầu phụ cho các nghĩa vụ của mình liên quan tới Hợp Đồng này, hoặc chuyển nhượng bất kỳ quyền nào của mình theo Hợp Đồng này khi không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ Đầu Tư.

The Contractor shall not be entitled to enter into a sub-contractor agreement to implement its obligations according to this Contract and/or transferring any its rights under this Contract without written approval in advance of the Employer.

DỰ ÁN MỞ KHO MỚI - MM MEGA MARKET DA NANG
NSO MM MEGA MARKET DA NANG PROJECT

Hợp đồng số: CD/DN2/NSO-LC/QUANGDAT/01/10/23

Ngày/Date:/...../.....

Contract No.

Trang/Page 12 / 12

10.6 Nếu một hoặc một vài điều khoản của Hợp Đồng này bị xem là vô hiệu hoặc bất hợp pháp hoặc bất khả thi theo qui định của pháp luật hiện hành thì việc có hiệu lực hoặc thi hành của các điều khoản còn lại cũng không bị ảnh hưởng bằng bất kỳ cách nào.

If any one or more of the provisions contained in this Contract is invalid, illegal or unenforceable in any respect under any applicable law, the validity, legality and enforceability of the remaining provisions contained herein shall not in any way be affected or impaired.

10.7 Việc một trong Các Bên không thực hiện một trong các quy định của Hợp Đồng này hoặc không thực hiện một quyền được quy định trong Hợp Đồng này, sẽ không bị xem là sự khước từ các quy định hoặc quyền khác hoặc ảnh hưởng đến hiệu lực của Hợp Đồng bằng bất cứ cách nào.

If one of the Parties fails to perform one of the provisions of this Contract or do not perform a right specified in this Contract, it will not be deemed a waiver of any other provisions or of any effect or affect the Contract in any way.

10.8 Hợp Đồng này được lập thành 03 (ba) bản gốc bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Chủ Đầu Tư giữ 02 (hai) bản gốc, Nhà Thầu giữ 01 (một) bản gốc. Trường hợp có sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ, thì tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

This Agreement is executed in 03 (three) bilingual original copies in Vietnamese and English. The Employer keeps 02 (two) original copies, the Contractor keeps 01 (one) original copy. In case of any inconsistency between the two languages, the Vietnamese contents shall prevail.

Hợp Đồng này được ký bởi đại diện có thẩm quyền của Các Bên vào ngày được nêu tại đầu trang 1 của Hợp Đồng này.

The Contract is signed by authorised representative(s) of each Party on the date set out of the top of page 1 hereof.

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT
XÂY DỰNG QUANG ĐẠT**

**QUANG DAT CONSTRUCTION SURVEY
CONSULTANCY COMPANY LIMITED**



LÊ ĐỨC ĐẠT
Giám Đốc
Director

CÔNG TY TNHH MM MEGA MARKET (VIỆT NAM)
MM MEGA MARKET (VIETNAM) COMPANY LIMITED



TRẦN KIM NGÀ
Giám Đốc Đối Ngoại
Corporate Development
Director

BRUNO JOUSSELIN
Tổng Giám Đốc Điều Hành
Managing Director

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

HỢP ĐỒNG
TƯ VẤN XÂY DỰNG
Số: SGDN-TV6/HĐTV/SGT-QDC

Gói thầu: Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất công trình

Dự án: Xây dựng mới khách sạn Sài Gòn Đà Nẵng tiêu chuẩn 5 sao

Địa điểm: số 07 đường Đống Đa, p. Thạch Thang, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Giữa



SAIGONTOURIST

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN
(Saigontourist Group)

Và

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT XÂY DỰNG QUANG ĐẠT

MỤC LỤC HỢP ĐỒNG

PHẦN 1: THÔNG TIN GIAO DỊCH	5
PHẦN 2 – CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG	6
PHẦN 3 - ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG	8
Điều 1. Diễn giải	8
Điều 2. Loại hợp đồng.....	8
Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên	8
Điều 4. Trao đổi thông tin	9
Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng	9
Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng	9
Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của Hợp đồng tư vấn	10
Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng	10
Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng.....	10
Điều 10. Giá hợp đồng	10
Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng.....	11
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu	12
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư.....	13
Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có)	14
Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu	14
Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu.....	15
Điều 17. Bảo hiểm.....	15
Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng.....	15
Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng.....	16
Điều 20. Chấm dứt hợp đồng	17
Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng.....	18
Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn	18
Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng	18
Điều 24. Tạm ứng và thanh toán	19
Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp.....	19
Điều 26. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại	20
Điều 27. Điều khoản chung.....	20
PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG	21
Điều 2. Loại hợp đồng.....	21
Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng.....	21
Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng	21
Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng	21
Điều 10. Giá hợp đồng	22
Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng	22
Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu	22
Điều 20. Chấm dứt hợp đồng	22
Điều 21: Quyết toán và thanh lý hợp đồng	23
Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn.....	23
Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng.....	23
Điều 24. Tạm ứng và thanh toán	23
Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp	24
Điều 26. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại	25
Điều 27. Điều khoản chung.....	25
PHỤ LỤC SỐ 1 [HSMT, HSYC - HỒ SƠ MỜI THẦU, HỒ SƠ YÊU CẦU CỦA CHỦ ĐẦU TƯ]	26
PHỤ LỤC SỐ 2 [HSDT, HSĐX - HỒ SƠ DỰ THẦU, HỒ SƠ ĐỀ XUẤT CỦA NHÀ THẦU]	37
PHỤ LỤC SỐ 3 [NHÂN LỰC CỦA NHÀ THẦU]	38
PHỤ LỤC SỐ 4 [TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC]	39

PHỤ LỤC SỐ 5 [BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG].....	40
PHỤ LỤC SỐ 6 [BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG PHÁT SINH NGOÀI HỢP ĐỒNG].....	41
PHỤ LỤC SỐ 7 [ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN].....	42

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSDX	Hồ sơ đề xuất
Luật Xây dựng số 50/2014/QH13	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.
Luật số 62/2020/QH14	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
Nghị định số 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 06/2021/NĐ-CP	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

PHẦN 1: THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày tháng năm 2024, tại văn phòng Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một thành viên, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư (Bên A)

- Tên giao dịch **TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN TNHH MỘT THÀNH VIÊN**
- Đại diện là : Ông **TRƯƠNG ĐỨC HÙNG**. Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ : 23 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 028-38225887 Fax : 08-38291026.
- Tài khoản : 007.1.00.000523.2 tại Ngân hàng Ngoại thương chi nhánh Tp.HCM
- Mã số thuế : 0300625210.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300625210 cấp ngày 01/9/2010, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 26/10/2021.

Và bên kia là: _____

2. Nhà thầu (Bên B):

- Tên giao dịch: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT XÂY DỰNG QUANG ĐẠT**
- Đại diện : Ông **LÊ ĐỨC ĐẠT** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ : số 143, đường Phạm Như Xương, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại : 0936089858
- Tài khoản : 1049080358
- Tại Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Bắc Đà Nẵng-PGD Hòa Khánh.
- Mã số thuế : 0401389922
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên, mã số doanh nghiệp: 0401389922 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 23 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 18 tháng 8 năm 2018.

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất công trình (gọi tắt là Hợp đồng) thuộc dự án Xây dựng mới Khách sạn Sài Gòn Đà Nẵng tiêu chuẩn 5 sao như sau:

PHẦN 2 – CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 của Quốc Hội đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 62/2020/QH14;
- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2013 của Quốc hội;
- Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ;
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 10/3/2016 hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng;
- Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Quyết định số 83/QĐ-HĐTV ngày 15/8/2024 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH MTV phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng mới Khách sạn Sài Gòn Đà Nẵng tiêu chuẩn 5 sao;
- Quyết định số 590/QĐ-TCT ngày 18/9/2024 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH MTV về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát địa chất công trình dự án Xây dựng mới khách sạn Sài Gòn Đà Nẵng tiêu chuẩn 5 sao; Quyết định số 626/QĐ-TCT ngày 03/10/2024 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH MTV về việc phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ khảo sát địa chất công trình dự án Xây dựng mới khách sạn Sài Gòn Đà Nẵng tiêu chuẩn 5 sao;
- Quyết định số 592/QĐ-TCT ngày 20/9/2024 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH MTV về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát địa hình dự án Xây dựng mới khách sạn Sài Gòn Đà Nẵng tiêu chuẩn 5 sao;

- Quyết định số 648/QĐ-TCT ngày 11/10/2024 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH MTV phê duyệt dự toán các gói thầu tư vấn giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án Xây dựng mới khách sạn Sài Gòn Đà Nẵng tiêu chuẩn 5 sao;
- Quyết định số /QĐ-HĐTV ngày / /2024 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH MTV duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự án Xây dựng mới khách sạn Sài Gòn Đà Nẵng tiêu chuẩn 5 sao;
- Quyết định số 89/QĐ-TCT ngày 26 /12/2024 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH MTV về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất công trình dự án Xây dựng mới khách sạn Sài Gòn Đà Nẵng tiêu chuẩn 5 sao.

PHẦN 3 - ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một Thành viên (gọi tắt là Bên A).
2. Nhà thầu là Công ty TNHH Tư vấn Khảo sát Xây dựng Quang Đạt (gọi tắt là Bên B).
3. Công trình là Xây dựng mới khách sạn Sài Gòn Đà Nẵng tiêu chuẩn 5 sao;
4. Gói thầu là gói thầu Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất công trình;
5. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.
6. Đại diện Nhà thầu là người được Nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được Nhà thầu chỉ định và thay mặt Nhà thầu điều hành công việc.
7. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu để trực tiếp thực hiện công việc.
8. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ hợp đồng tư vấn và thứ tự ưu tiên].
9. HSMT của Chủ đầu tư là toàn bộ tài liệu theo quy định tại Phụ lục số 1 [HSMT, HSYC - Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ yêu cầu của Chủ đầu tư];
10. HSDT (hoặc HSDX) của Nhà thầu là toàn bộ tài liệu theo quy định tại Phụ lục số 2 [HSDT, HSDX - Hồ sơ dự thầu, Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu];
11. Đơn dự thầu là đề xuất của Nhà thầu có ghi giá dự thầu để thực hiện công việc theo đúng các yêu cầu của HSMT.
12. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
13. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
14. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.
15. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: [quy định tại ĐKCT]

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.
2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:
 - a) Quyết định số .../QĐ-TCT ngày .../.../2024 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH MTV về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất công trình dự án Xây dựng mới khách sạn Sài Gòn Đà Nẵng tiêu chuẩn 5 sao.

- b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc Điều khoản tham chiếu đối với hợp đồng tư vấn xây dựng;
 - c) Điều kiện chung của hợp đồng;
 - d) HSMT hoặc HSYC của Chủ đầu tư.
 - đ) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật (nếu có)
 - e) HSDT hoặc HSDX của Nhà thầu;
 - g) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;
 - h) Các phụ lục của hợp đồng;
 - i) Các tài liệu khác có liên quan.
3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này; trong đó a) là tài liệu hợp đồng có thứ tự ưu tiên áp dụng cao nhất và i) là tài liệu hợp đồng có thứ tự ưu tiên áp dụng thấp nhất.

Điều 4. Trao đổi thông tin

- 1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, chuyển phát nhanh đảm bảo, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.
- 2. Trường hợp bên nào thay đổi thông tin giao dịch quy định tại Phần 1 thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi thông tin giao dịch mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm các thiệt hại, chậm trễ do việc thay đổi đó.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

- 1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
- 2. Ngôn ngữ của hợp đồng [quy định tại ĐKCT].

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

- 1. Hợp đồng này [quy định tại ĐKCT] áp dụng việc bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng, theo quy định lần lượt tại Điều 68 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, Điều 16 và Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.
- 2. Nhà thầu phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị là [quy định tại ĐKCT] % giá hợp đồng, bao gồm các giá trị công việc của các nhà thầu phụ.
- 3. Trường hợp Nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Chủ đầu tư với mức bảo đảm tương ứng với phần giá hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm cho bên giao thầu, từng thành viên nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá hợp đồng do mình thực hiện.
- 4. Nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp nhà thầu từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực, không hoàn thành các nội dung hợp đồng và/ hoặc các trường hợp vi phạm khác được quy định trong hợp đồng.
- 5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được hoàn trả cho Nhà thầu khi Nhà thầu đã hoàn thành các công việc theo thỏa thuận của hợp đồng.

6. Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương đương giá trị khoản tiền tạm ứng trước khi Chủ đầu tư thực hiện việc tạm ứng, bao gồm các giá trị công việc của các nhà thầu phụ. Nếu là liên danh các Nhà thầu thì từng thành viên trong liên danh phải nộp bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương đương với giá trị khoản tiền tạm ứng cho từng thành viên.
7. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được Chủ đầu tư thu hồi hết khi đạt một trong các điều kiện sau, tùy theo điều kiện nào đạt trước:
 - (i) giá trị thanh toán hợp đồng lũy kế đạt [quy định tại ĐKCT] % giá hợp đồng; hoặc
 - (ii) sau [quy định tại ĐKCT] ngày kể từ khi tạm ứng hợp đồng.Trường hợp (ii) hai bên có thể gia hạn bảo lãnh tạm ứng hợp đồng trong vòng [quy định tại ĐKCT] ngày trước khi hết hạn bảo lãnh tạm ứng hợp đồng.

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của Hợp đồng tư vấn

Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của Nhà thầu thực hiện được thể hiện cụ thể trong Phụ lục số 1 [HSMT, HSYC - Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ yêu cầu của Chủ đầu tư], Phụ lục số 2 [HSDT, HSDX - Hồ sơ dự thầu, Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu] và các thỏa thuận tại các biên bản thương thảo hợp đồng giữa các bên.

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về [quy định tại ĐKCT], các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho Hợp đồng tư vấn xây dựng và bao gồm đầy đủ các yếu tố kỹ thuật, đủ điều kiện tổ chức lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực theo quy định và theo tính chất dự án, gói thầu. Những sai sót trong sản phẩm của Hợp đồng tư vấn xây dựng phải được Nhà thầu hoàn chỉnh theo đúng các yêu cầu của Chủ đầu tư, cơ quan chức năng.
2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng [quy định tại ĐKCT].

Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên.
2. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, quy định pháp luật về đấu thầu hiện hành.
3. Sản phẩm của Hợp đồng bao gồm các loại hồ sơ được nêu tại Điều 8 của Hợp đồng; quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng.
4. Các biên bản giao nhận hồ sơ.
5. Các quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Chủ đầu tư.

Điều 10. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng
 - a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền: [quy định tại ĐKCT].
 - b) Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 11 – Khoản 1 [Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng].
2. Nội dung của giá hợp đồng
 - a) Nội dung của giá hợp đồng tư vấn là các chi phí cần thiết hoặc bắt buộc để Nhà thầu thực hiện công việc tư vấn theo Hợp đồng, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung:

- Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.
 - Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.
 - Chi phí thông tin liên lạc, đi thực địa, chi phí đi lại khi tham gia các cuộc họp theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
 - Giá trị quyết toán thuế VAT của giá hợp đồng thực hiện theo quy định hiện hành.
 - Chi phí làm ngoài giờ theo luật lao động.
 - Chi phí khác có liên quan.
- b) Giá hợp đồng tư vấn xây dựng không bao gồm:
- Chi phí tổ chức các cuộc họp của Chủ đầu tư.
 - Chi phí thẩm tra, thẩm định, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.
 - Chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận nhưng đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng

- Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng thực hiện theo hướng dẫn tại quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 02/2023/TT-BXD hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng. Việc áp dụng các phương pháp điều chỉnh giá phải phù hợp với tính chất công việc, loại giá hợp đồng, đồng tiền thanh toán và phải được thỏa thuận trong hợp đồng.
- Đối với hợp đồng tư vấn xây dựng thực hiện thanh toán theo thời gian (theo tháng, tuần, ngày, giờ) thì việc điều chỉnh mức tiền lương cho chuyên gia thực hiện theo công thức điều chỉnh cho một yếu tố chi phí nhân công tại mục I Phụ lục I kèm theo Thông tư số 02/2023/TT-BXD hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn

- Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 02/2023/TT-BXD hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.
- Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng tư vấn [quy định tại ĐKCT].

3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.
- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

Chủ đầu tư, Nhà thầu căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

- Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn [quy định tại ĐKCT].

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu

1. Quyền của Nhà thầu:

- a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).
- b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.
- c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.
- d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).
- đ) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu:

- a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng, bao gồm công tác điều chỉnh hồ sơ sản phẩm tư vấn theo yêu cầu hợp lý của Chủ đầu tư trong phạm vi Hợp đồng trước khi sản phẩm được nghiệm thu.
- b) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).
- c) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.
- d) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.
- e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:
 - Nhà thầu phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.
 - Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Nhà thầu phải chịu trách nhiệm.

- g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.
- h) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.
- i) Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.
- k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.
- l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng.
- m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.
- n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.
- p) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:
 - a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.
 - b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.
 - c) Kiểm tra chất lượng công việc của Nhà thầu nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu.
 - d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.
 - đ) Yêu cầu Nhà thầu thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.
2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:
 - a) Cung cấp cho Nhà thầu thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).
 - b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.
 - c) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

- d) Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- đ) Hướng dẫn Nhà thầu về những nội dung liên quan đến dự án và HSMT; tạo điều kiện để Nhà thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.
- e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu.
- g) Tạo điều kiện cho Nhà thầu thực hiện công việc tư vấn xây dựng, thủ tục hải quan (nếu có).
- h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu nếu Chủ đầu tư cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có)

1. Đối với nhà thầu phụ chưa có danh sách trong Hợp đồng, nhà thầu phải trình danh sách, hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ cũng như phạm vi công việc mà nhà thầu phụ sẽ đảm nhận để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận bằng văn bản trước khi ký hợp đồng thầu phụ.
2. Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư về chất lượng, tiến độ cũng như các sai sót của nhà thầu phụ.
3. Nhà thầu cam kết với Chủ đầu tư rằng sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản chi phí cho nhà thầu phụ được quy định trong hợp đồng thầu phụ.

Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu

1. Nhân lực của Nhà thầu và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định cụ thể tại Phụ lục số 3 [Nhân lực của Nhà thầu].
2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định cụ thể trong Phụ lục số 3 [Nhân lực của Nhà thầu]. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.
3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.
4. Nhà thầu có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.
5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu

thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở Phụ lục số 3 [Nhân lực của Nhà thầu].

6. Nhà thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ, ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ.

Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

1. Nhà thầu sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Nhà thầu không được sử dụng sản phẩm tư vấn của Hợp đồng vào mục đích khác ngoài phạm vi Hợp đồng nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép Nhà thầu.
2. Nhà thầu phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Nhà thầu thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.
3. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 17. Bảo hiểm

Nhà thầu mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.(nếu có)

Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.
2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.
3. Thông báo về bất khả kháng:
 - a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.
 - b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.
4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:
 - a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.
 - b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.
 - c) Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

- d) Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.
5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:
- a) Nếu Nhà thầu bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:
- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).
 - Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.
- b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu.
- c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.
6. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):
- a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.
- b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu:
- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.
 - Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu, hoặc những thứ Nhà thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.

Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà thầu bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của Nhà thầu và yêu cầu Nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời Nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu

- a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).
- b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.
- c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư

để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 20. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

- a) Nhà thầu không sửa chữa hoặc không thể khắc phục được sai sót nghiêm trọng do Nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.
- b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 23 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng] quy định tại ĐKCT liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.
- c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.
- d) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.
- đ) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].
- e) Nhà thầu cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.
- f) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 18 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các Nhà thầu khác có thể sử dụng bất cứ tài liệu, hồ sơ sản phẩm tư vấn nào đã có do Nhà thầu đã thực hiện trong Hợp đồng.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là [quy định tại ĐKCT] trong các trường hợp sau đây:

- a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian [quy định tại ĐKCT].
- b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.
- c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].
- d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian [quy định tại ĐKCT].

- đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.
3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.
 4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.
 5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 10 [Giá hợp đồng] và Điều 24 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng:
 - a) Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.
 - b) Trong vòng [quy định tại ĐKCT] ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư [quy định tại ĐKCT] bộ tài liệu hồ sơ quyết toán hợp đồng, bao gồm các thành phần [quy định tại ĐKCT].
 - c) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.
 - d) Sau khi hợp đồng được quyết toán theo quy định, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho nhà thầu.
2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 20 [Chấm dứt hợp đồng].

Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành [quy định tại ĐKCT]:

- Tại mỗi lần nghiệm thu, sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do Nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư căn cứ vào hợp đồng này, các quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng Nhà thầu phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Thời gian thực hiện hợp đồng là [quy định tại ĐKCT].

2. Tiến độ thực hiện chi tiết: Thời gian và phân công việc hoàn thành [quy định tại ĐKCT].
3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì phải thông báo cho bên còn lại biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Trường hợp Chủ đầu tư có thông báo bằng văn bản yêu cầu rút ngắn thời gian thực hiện công việc tư vấn đã nêu trong Hợp đồng thì Nhà thầu, bằng mọi biện pháp, không được thay đổi giảm chất lượng, khối lượng, số lượng chuyên gia thực hiện công việc tư vấn đó đã xác định trong Hợp đồng.
4. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.
5. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu.

Điều 24. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng:

- Thời gian chậm nhất là [quy định tại ĐKCT], Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu là [quy định tại ĐKCT] với số tiền là [quy định tại ĐKCT].

2. Tiến độ thanh toán

- Số lần thanh toán là [quy định tại ĐKCT].
- Giá trị mà Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo các lần thanh toán cụ thể là [quy định tại ĐKCT].
- Lần cuối cùng sau khi Nhà thầu hoàn thành các công việc theo nghĩa vụ trong hợp đồng.
- Trong vòng [quy định tại ĐKCT], kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu.

3. Hồ sơ thanh toán: [quy định tại ĐKCT]

4. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên nhận được khiếu nại phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng [quy định tại ĐKCT]. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên khiếu nại.
 - Trong vòng [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.
 - Trong vòng [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những

căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.
 - Thời gian để tiến hành hòa giải: [quy định tại ĐKCT].
 - Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.
 - Giải quyết tranh chấp: [quy định tại ĐKCT].
3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 26. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thưởng hợp đồng: trường hợp Nhà thầu hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng sớm hơn so với thời hạn quy định trong hợp đồng này, mang lại hiệu quả cho Chủ đầu tư thì cứ khoảng thời gian [quy định tại ĐKCT] Chủ đầu tư sẽ thưởng cho Nhà thầu với mức thưởng tối đa [quy định tại ĐKCT].
2. Phạt vi phạm hợp đồng:
 - Đối với Nhà thầu: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng [quy định tại ĐKCT] thì phạt [quy định tại ĐKCT] nhưng tổng số tiền phạt không quá [quy định tại ĐKCT].
 - Đối với Chủ đầu tư: Nếu thanh toán chậm cho Nhà thầu theo quy định tại Điều 10 [Giá hợp đồng] và Điều 24 [Tạm ứng và thanh toán] thì phải bồi thường cho Nhà thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà Nhà thầu mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư đã thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu.
3. Bồi thường thiệt hại:
 - Bồi thường thiệt hại: [quy định tại ĐKCT].

Điều 27. Điều khoản chung

- Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.
- Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm [quy định tại ĐKCT].
- (Trường hợp thời gian hiệu lực của hợp đồng khác do các bên thỏa thuận)
- Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Chủ đầu tư sẽ giữ, số bản Nhà thầu sẽ giữ [quy định tại ĐKCT].

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

2. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam
Ngôn ngữ của hợp đồng được thể hiện, điều chỉnh bằng tiếng Việt.

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

Hợp đồng này không áp dụng việc bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng.

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Hồ sơ sản phẩm tư vấn lập được qui định, hướng dẫn tại Luật Xây dựng, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, Thông tư số 10/2021/TT-BXD và các văn bản hiện hành có liên quan;
 2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn: 06 (sáu) bộ hồ sơ báo cáo khảo sát địa hình, 06 (sáu) bộ hồ sơ báo cáo khảo sát địa chất công trình; 01 USB ghi đầy đủ các dữ liệu đã thực hiện (bao gồm file cad, Word, Excel và các file số liệu khảo sát)
 - Nội dung hồ sơ báo cáo khảo sát địa hình bao gồm nhưng không giới hạn các tài liệu sau đây:
 - + Thuyết minh báo cáo;
 - + Kết quả bình sai;
 - + Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500;
 - + Sơ họa mốc, lưới khống chế mặt bằng và thủy chuẩn.
 - Nội dung hồ sơ báo cáo khảo sát địa chất công trình bao gồm nhưng không giới hạn các tài liệu sau đây:
 - + Căn cứ thực hiện và mục đích công tác khảo sát xây dựng;
 - + Quy trình và phương pháp khảo sát xây dựng;
 - + Thiết bị dùng trong công tác khảo sát;
 - + Khái quát về vị trí và điều kiện tự nhiên của khu vực khảo sát;
 - + Thiết bị dùng trong công tác khảo sát;
 - + Khối lượng khảo sát;
 - + Kết quả, số liệu khảo sát xây dựng sau khi thí nghiệm và phân tích;
 - + Kết luận và kiến nghị;
 - + Các phụ lục đi kèm.
- Bổ cục trình bày báo cáo địa chất công trình được thể hiện như sau:
- + Thuyết minh chung;
 - + Sơ đồ bố trí hố khoan;
 - + Hình trụ hố khoan;
 - + Mặt cắt địa chất công trình;
 - + Bảng tổng hợp chỉ tiêu cơ lý các lớp đất;
 - + Phụ lục: Kết quả thí nghiệm trong phòng;
 - + Phụ lục: Kết quả thí nghiệm hiện trường;

+ Bảng biểu các bảng tổng hợp chỉ tiêu của đất, kết quả tính nghiệm (file excel).

Điều 10. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng:

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền: 498.000.000 đồng, (bao gồm thuế VAT 10%). Số tiền bằng chữ: *Bốn trăm chín mươi tám triệu đồng.*

Trong đó:

- Giá trị chi phí tư vấn lập báo cáo khảo sát địa hình: 22.900.000 đồng, chiếm 4,6% giá trị hợp đồng
- Giá trị chi phí tư vấn lập báo cáo khảo sát địa chất: 475.100.000 đồng, chiếm 95,4% giá trị hợp đồng

b) Thuế suất VAT được áp dụng theo quy định hiện hành tại thời điểm nghiệm thu xuất hóa đơn.

Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

2. Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng:

- a) Thay đổi các nội dung chủ yếu của Dự án;
- b) Những khối lượng công việc không thực hiện theo nội dung của hợp đồng;
- c) Thay đổi hoặc phát sinh phạm vi công việc tư vấn;

3. Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng:

a) Kéo dài công việc hợp đồng vì lý do hoặc yêu cầu từ Chủ đầu tư hoặc các cơ quan chức năng có liên quan hoặc do hủy thầu không do lỗi của Nhà thầu. Thời gian kéo dài sẽ do các bên thỏa thuận; dựa trên tình hình thực tế của công việc sao cho phù hợp tiến độ của Dự án.

Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu

3. Nhà thầu phải gửi văn bản thông báo về hồ sơ nhân lực, bố trí nhân lực của Nhà thầu phù hợp với HSMT cho Chủ đầu tư xét duyệt trong vòng là 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Chủ đầu tư.

Điều 20. Chấm dứt hợp đồng

1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 15 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến Nhà thầu.

a) Nhà thầu không sửa chữa hoặc không thể khắc phục được sai sót nghiêm trọng do Nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.

b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 23 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng, hoặc 30 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

2. Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 30 ngày.

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 45 ngày mà không có văn bản tạm ngừng như Điều 19 [Tạm ngừng công việc trong Hợp đồng].

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 21 ngày từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

- c) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian 45 ngày.

Điều 21: Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng:

- b) Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu hoàn thành có Chủ đầu tư xác nhận rằng Nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 06 (sáu) bộ tài liệu hồ sơ quyết toán hợp đồng, bao gồm các thành phần như sau:
- Biên bản giao nhận hồ sơ sản phẩm tư vấn cho toàn bộ công việc tư vấn trong hợp đồng;
 - Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo Phụ lục số 5 [Biên bản nghiệm thu khối lượng] cho toàn bộ hợp đồng;
 - Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng theo Phụ lục số 6 [Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng].
 - Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu.
 - Biên bản thanh lý hợp đồng;

Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

- Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 01 lần: sau khi Nhà thầu hoàn thành và Chủ đầu tư phê duyệt toàn bộ hồ sơ sản phẩm tư vấn trong hợp đồng.

Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Thời gian thực hiện hợp đồng là 35 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và Chủ đầu tư giao Nhà thầu đầy đủ các hồ sơ cần thiết để thực hiện công việc tư vấn.
- Thời gian trên bao gồm ngày lễ, tết và ngày nghỉ theo quy định, thời gian Nhà thầu phối hợp với các bên liên quan thực hiện các vấn đề khác có liên quan đến khảo sát địa hình, địa chất công trình;
 - Thời gian trên không bao gồm thời gian chỉnh sửa hồ sơ sản phẩm tư vấn của Nhà thầu theo ý kiến của Chủ đầu tư và bên thẩm định; không bao gồm thời gian thẩm tra, thẩm định, trình duyệt và đánh giá lại của các bên liên quan có thẩm quyền, của Chủ đầu tư, và các trường hợp bất khả kháng.
 - Thời gian Nhà thầu chỉnh sửa hồ sơ sản phẩm tư vấn theo ý kiến của Chủ đầu tư và/ hoặc các bên thẩm định là tối đa 07 ngày tính từ ngày Chủ đầu tư hoặc bên thẩm định có ý kiến, nhưng không quá 03 lần chỉnh sửa.
2. Tiến độ thực hiện chi tiết: quy định tại Phụ lục số 4 [Tiến độ thực hiện công việc].

Điều 24. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng:

- Ngay khi Hợp đồng có hiệu lực, trong thời gian chậm nhất là 10 ngày làm việc, Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu là: 30% giá hợp đồng, tương đương số tiền là 149.400.000 đồng (*bằng chữ: Một trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm nghìn đồng*).

2. Tiến độ thanh toán:

- Số lần thanh toán là: 02 (hai) lần.

- Thanh toán lần 1: sau khi Nhà thầu hoàn thành lập Báo cáo khảo sát địa hình, Báo cáo khảo sát địa chất xây dựng công trình và được Chủ đầu tư phê duyệt, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu 95% giá hợp đồng, và thu hồi toàn bộ tiền tạm ứng.
 - Thanh toán lần cuối: sau khi hồ sơ Báo cáo khảo sát địa chất công trình được Chủ đầu tư trình nộp chung trong hồ sơ thỏa thuận qui hoạch chi tiết, tổng mặt bằng, thiết kế sơ bộ hồ sơ và được cơ quan quản lý Nhà nước tiếp nhận, được hai bên nghiệm thu theo Điều 22 [Nghiệm thu sản phẩm tư vấn] thì Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu 05% giá hợp đồng còn lại.
3. Hồ sơ thanh toán: bao gồm:
- Biên bản giao nhận hồ sơ sản phẩm tư vấn cho toàn bộ hợp đồng;
 - Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo Phụ lục số 5 [Biên bản nghiệm thu khối lượng] cho toàn bộ hợp đồng;
 - Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng theo Phụ lục số 6 [Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng].
 - Hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định hiện hành;
 - Biên bản thanh lý hợp đồng;
 - Đề nghị thanh toán của Nhà thầu bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này.
 - Số lượng hồ sơ thanh toán: 01 (một) bộ bản chính.

Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Thời gian để bên nhận được khiếu nại làm sáng tỏ nội dung khiếu nại là trong vòng 30 ngày kể từ nhận được khiếu nại.
 - Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.
 - Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.
2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.
 - Thời gian để tiến hành hòa giải là tối đa 60 ngày.
 - Khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật là 02 (hai) năm kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải.

- Giải quyết tranh chấp là khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải. Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Tòa án nhân dân cấp thẩm quyền tại TP.HCM theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

Điều 26. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thương hợp đồng:

- Không áp dụng.

2. Phạt vi phạm hợp đồng:

- Thời gian chậm tiến độ thực hiện hợp đồng là 01 ngày.
- Tỷ lệ phạt là 0,3% giá trị phần việc bị chậm trễ cho mỗi ngày chậm.
- Số tiền phạt tối đa Nhà thầu phải chịu là 08% giá hợp đồng.

3. Bồi thường thiệt hại:

- Nhà thầu phải bồi thường thiệt hại gây ra cho Chủ đầu tư 10% giá hợp đồng cho mỗi trường hợp sau:
 - + Chất lượng công việc không bảo đảm với thỏa thuận trong Hợp đồng.
 - + Thời hạn hoàn thành gói thầu bị kéo dài do lỗi của Nhà thầu.
 - + Nhà thầu vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm các quy định về pháp luật về đấu thầu.

Điều 27. Điều khoản chung

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm được ký kết.
- Hợp đồng này bao gồm trang, và 07 Phụ lục, được lập thành 06 (sáu) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 04 bản, Nhà thầu sẽ giữ 02 bản.

CHỦ ĐẦU TƯ
TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Tổng Giám đốc



Trương Đức Hùng

NHÀ THẦU
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT
SÁT XÂY DỰNG QUANG ĐẠT

Giám đốc



Lê Đức Đạt

PHỤ LỤC SỐ 1

[HSMT, HSYC - HỒ SƠ MỜI THẦU, HỒ SƠ YÊU CẦU CỦA CHỦ ĐẦU TƯ].

Chủ đầu tư cung cấp đến Nhà thầu về thông tin dự án, nội dung công việc tư vấn của, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN DỰ ÁN:

1. Tên dự án: Xây dựng mới Khách sạn Sài Gòn Đà Nẵng tiêu chuẩn 5 sao.
2. Chủ đầu tư: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH MTV
3. Đơn vị quản lý, sử dụng sau đầu tư: Chi nhánh Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH MTV Sài Gòn Đà Nẵng.
4. Nhóm dự án: Dự án nhóm B.
5. Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất công trình (gọi tắt là Hợp đồng) thuộc dự án
6. Địa điểm đầu tư: 07 Đống Đa, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
7. Sự cần thiết phải đầu tư, Mục tiêu đầu tư:
 - Sự ra đời liên tiếp của hàng loạt khách sạn mới với trang thiết bị hiện đại, thương hiệu đẳng cấp, cùng các Nhà hàng, Trung tâm tổ chức hội nghị, tiệc cao cấp tại Thành phố Đà Nẵng thời gian qua.
 - Tình hình cạnh tranh gay gắt trên thị trường về các sản phẩm du lịch đạt chất lượng cao, đặc biệt là sự cạnh tranh về chính sách giá, về giá trị tăng thêm sản phẩm dịch vụ đối với lĩnh vực lưu trú đã tạo điều kiện cho khách du lịch dễ dàng tiếp cận với sản phẩm dịch vụ trong những xu thế mới. Qua đó việc đầu tư dự án xây mới khách sạn Sài Gòn – Đà Nẵng tiêu chuẩn 5 sao trong giai đoạn này là hết sức cần thiết.
 - Xây mới khách sạn Sài Gòn – Đà Nẵng với tiêu chuẩn khách sạn 5 sao, đảm bảo đáp ứng các qui chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, qui định pháp luật Việt Nam hiện hành, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức kinh doanh, tăng doanh thu, nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng thu nhập cho người lao động.
8. Nội dung, qui mô đầu tư:

Quy mô đầu tư:

 - Diện tích sử dụng đất tổng thể dự án là 3.481,4 m²;
 - Tổng diện tích sàn: 31.506,7 m²;
 - Hệ số sử dụng đất: 9,05 lần;
 - Tổng diện tích sàn tầng hầm: 3.248,6 m²
 - Chiều cao công trình: 82,8 m;
 - Tầng cao: 23 tầng;
 - Mật độ xây dựng: Khối đế: 63,5%; Khối tháp: 35%
 - Số tầng cao bao gồm: 02 tầng hầm, 22 tầng nổi và 01 tầng mái:
 - Công trình khách sạn 23 tầng với cơ cấu các chức năng của dự án là: khách sạn, nhà hàng, hội nghị, khu game, hồ bơi, tổ chức sự kiện, dịch vụ tiện ích. Nội dung đầu tư gồm.
 - + 02 tầng hầm: Phụ trợ, khu vực kỹ thuật và bãi đậu xe.
 - + Tầng 1: Sảnh đón, tiếp tân, bar, cafe, phụ trợ.
 - + Tầng 2: Hành chính, bếp, nhà hàng.

- + Tầng 3: Bếp, nhà hàng.
- + Tầng 4: Hội nghị, khu phòng họp nhỏ, kỹ thuật, kho, soạn thức ăn.
- + Tầng 5,6: Khu game, kỹ thuật hồ bơi (tầng 6).
- + Tầng 7: Tổ chức sự kiện, hồ bơi, dịch vụ tiện ích gym, spa, bar.
- + Tầng 7M: Hệ thống kỹ thuật, phụ trợ.
- + Tầng 8-11: 22 Phòng ngủ Standard (1-unit/phòng).
- + Tầng 12-17: Mỗi tầng 20 phòng Standard (1-unit/phòng) và 01 phòng Suite (2-unit/phòng).
- + Tầng 18: Executive floor: 03 phòng Suite (2-unit/phòng), 01 phòng Director Suite (3-unit) và 01 phòng Presidential Suite (4-unit) hướng nhìn khu Đa Phước hoặc sông Hàn; VIP lounge, VIP check-in, VIP bar, Cigar lounge và khu phụ trợ, phục vụ;
- + Tầng 19: 02 phòng ngủ Standard (1-unit/phòng) và 10 phòng ngủ Suite (2-unit/phòng).
- + Tầng 20 (như tầng 12-17): 20 phòng ngủ Standard (1-unit/phòng) và 01 phòng Suite (2-unit/phòng).
- + Tầng 21: Nhà hàng, phòng ăn VIP, bếp.
- + Tầng 22: Sky bar (trong nhà, ngoài trời, phòng ăn VIP, bếp).
- + Tầng mái: Hệ thống kỹ thuật, phụ trợ.
- + Tổng số phòng ngủ 252 phòng

9. Sơ bộ tổng mức đầu tư của dự án, sau thuế: **799.163.782.219 đồng**

10. Nguồn vốn: Vốn của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một thành viên và vốn vay.

11. Tiến độ thực hiện dự án: đến quý III năm 2028;

II. NỘI DUNG CÔNG VIỆC.

1. Nội dung, khối lượng công việc tư vấn Khảo sát địa hình:

1.1. Nội dung khảo sát địa hình.

Khảo sát lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 đường đồng mức 0.5 m nhằm mục đích cung cấp bản vẽ, số liệu tọa độ, độ cao, địa hình, địa vật tại thời điểm hiện tại để phục vụ:

- Lập quy hoạch chi tiết dự án.
- Số liệu khảo sát địa hình phải đáp ứng các yêu cầu về lập hồ sơ, bản vẽ quy hoạch theo quy định của Luật xây dựng và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Cần khảo sát bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 đường đồng mức 0.5 m để phục vụ công tác lập quy hoạch dự án.

1.2. Nhiệm vụ khảo sát địa hình:

Căn cứ các mục đích nêu trên, công tác khảo sát lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 cần thực hiện như sau:

- Khai thác, thu thập các loại tài liệu bản đồ đã có của các dự án đã được triển khai từ trước.
- Khảo sát đo vẽ lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 đường đồng mức 0,5 m để phục vụ công tác lập quy hoạch chi tiết dự án.

- Diện tích dự kiến khảo sát lập bản đồ địa hình trên cạn tỷ lệ 1/500 đường đồng mức 0.5 m, địa hình cấp III là khoảng 5.000 m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 3.481,4 m²)
- Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 đường đồng mức 0.5 m được lập trên hệ tọa độ VN 2000, Hệ cao độ Nhà nước (Hòn Dấu - Đồ Sơn - Hải Phòng);
- Hạng mục cấp thoát nước:
 - + Vị trí hồ ga thoát nước mưa, hồ ga thoát nước thải;
 - + Cao độ đỉnh, đáy ga thoát nước mưa, thoát nước thải;
 - + Cao độ đáy cống, đáy mương thoát nước mưa, thoát nước thải;
 - + Đường kính cống thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước;
 - + Hướng dòng chảy hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải.
 - + Trạm xử lý nước thải gần đó (nếu có).
- Hạng mục cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc:
 - + Vị trí hồ ga điện, hào kỹ thuật;
 - + Vị trí trụ điện, trụ chiếu sáng, tủ điện, trạm biến áp;
 - + Vị trí đường dây trung thế, hạ thế, thông tin liên lạc.
 - + Tọa độ, cao độ theo VN2000.
- Nội dung công tác khảo sát địa hình phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy phạm hiện hành của Nhà nước.

1.3. Phạm vi khảo sát:

Phạm vi lập quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 khu đất tại số 7 đường Đống Đa, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng với diện tích khoảng 3.481,4 m². Ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc: giáp đường Đống Đa;
- Phía Nam: giáp khách sạn Saigon Tourane;
- Phía Đông: giáp Tổng lãnh sự quán Lào;
- Phía Tây: giáp khu dân cư hiện hữu và hẻm Tân Lập 2.

1.4. Khối lượng khảo sát địa hình thực hiện:

- Đánh giá tài liệu bản đồ đã có: Theo ranh giới quy hoạch dự án: tổ hợp thương mại dịch vụ, văn phòng, căn hộ khách sạn, tiến hành thu thập các loại bản đồ đã có trong khu vực để phân tích làm căn cứ cho công tác khảo sát lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 đường đồng mức 0.5 m.
- Đánh giá các số liệu tọa độ, cao độ đã có trong khu vực: Kế thừa lại các số liệu tọa độ và cao độ của bước trước (nếu có);

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Cấp địa hình	Khối lượng
I	Công tác khống chế mặt bằng			
1	Đường chuyên cấp 2	điểm	III	02
II	Công tác đo khống chế độ cao			
1	Thủy chuẩn kỹ thuật	km	III	08
III	Đo vẽ bản đồ địa hình trên cạn			

1	Bản đồ tỷ lệ 1/500 đường đường đồng mức 0.5 m	ha	III	0.3481
---	---	----	-----	--------

Ghi chú: Căn cứ theo tình hình thực tế tại hiện trường khu đo, khối lượng công tác kỹ thuật có thể hiệu chỉnh cho phù hợp và phải được bộ phận hiện trường chấp thuận bằng biên bản.

1.5. Thời gian thực hiện khảo sát:

- Thời gian thực hiện khảo sát địa hình: 05 ngày (không kể ảnh hưởng của những ngày mưa bão), bao gồm thời gian thực hiện các công tác sau:
 - + Chuẩn bị nhân lực, thiết bị: 01 ngày;
 - + Chọn điểm chôn mốc: 02 ngày;
 - + Đo đạc lưới khống chế mặt bằng và độ cao: 02 ngày;
- Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500: 03 ngày;
- Biên tập BĐĐH: 02 ngày;
- Tổng hợp số liệu, viết báo cáo kỹ thuật, tổng kết công trình: 01 ngày

1.6. Các vấn đề khác:

Nội dung công việc chi tiết sẽ được căn cứ vào các điều khoản của Hợp đồng tư vấn; Nhiệm vụ và Phương án kỹ thuật khảo sát được Chủ đầu tư phê duyệt. Sản phẩm đo đạc được thẩm tra, thẩm định theo đúng quy phạm hiện hành.

2. Nội dung, khối lượng công việc tư vấn khảo sát địa chất.

2.1. Mục đích khảo sát địa chất công trình:

- Thu thập tài liệu về địa chất công trình nhằm đánh giá đầy đủ và chi tiết điều kiện địa chất của công trình phục vụ cho việc lập dự án đầu tư xây dựng, tính toán thiết kế nền móng công trình;
- Làm sáng tỏ cấu trúc địa chất của nền đất tại vị trí dự kiến xây dựng công trình;
- Xác định quy luật phân bố, chiều dày của các lớp đất đá;
- Xác định các chỉ tiêu cơ lý của các lớp đất đá;
- Xác định tính chất và động thái của nước dưới đất.
- Làm sáng tỏ cấu trúc địa chất của nền đất tại vị trí dự kiến xây dựng công trình;
- Xác định quy luật phân bố, chiều dày của các lớp đất đá;
- Xác định các chỉ tiêu cơ lý của các lớp đất đá;
- Xác định tính chất và động thái của nước dưới đ
- Lấy các mẫu nước dưới đất để xác định các tính chất vật lý, phân tích thành phần hoá học và đánh giá khả năng ăn mòn đối với các kết cấu bê tông và bê tông cốt thép phục vụ thiết kế kỹ thuật.

2.2. Phạm vi khảo sát:

- Công tác khảo sát xây dựng được bố trí theo tiêu chuẩn TCVN 9363:2012 với lưới bố trí, chiều sâu hố khoan phù hợp với điều kiện địa chất khu vực và phù hợp với các tài liệu khảo sát giai đoạn trước;
- Công tác khảo sát địa chất cần thực hiện kết hợp giữa các công việc khoan khảo sát, lấy mẫu, thí nghiệm SPT, thí nghiệm hiện trường và thí nghiệm trong phòng để cung cấp đầy đủ số liệu địa chất trong khu vực dự án để phục vụ cho thiết kế công trình giai đoạn thiết kế kỹ thuật.

- Tiêu chuẩn khảo sát được áp dụng cho công tác khảo sát địa chất và phòng thí nghiệm phải đáp ứng đúng quy định của Luật Xây dựng Việt Nam hiện hành.

2.3. Khối lượng và phương án thực hiện khảo sát:

a) Khoan khảo sát địa chất.

- Khối lượng hố khoan khảo sát thực hiện là 03 hố khoan. Ký hiệu HK1, HK2 dự kiến sâu 60m mỗi hố khoan và HK3 dự kiến sâu 70m. Chiều sâu hố khoan được tính từ mặt đất hiện hữu.
- Đường kính hố khoan tối thiểu là 90mm.
- Các hố khoan HK1, HK2, HK3 phải được khoan vào tầng đất ổn định có giá trị SPT > 50 tối thiểu 10m liên tục và đạt chiều sâu khoan dự kiến.
- Các hố khoan HK1, HK2, HK3 gặp đá thì khoan sâu vào đá tối thiểu 5m, lấy mẫu và phải thực hiện thí nghiệm xác định mức độ phong hóa và nứt nẻ, chỉ số RQD, các tính chất vật lý cần thiết, sức kháng nén dọc trục của lõi đá, cường độ chịu tải qui ước của mẫu. Dừng khoan khi chỉ số RQD > 25%.
- Điều kiện dừng khoan: khi khoan đến chiều sâu dự kiến mà giá trị SPT không đảm bảo điều kiện trên hoặc chiều sâu vào đá tối thiểu thì phải tiếp tục khoan tiếp đến khi đạt yêu cầu hoặc thông báo ngay cho đơn vị thiết kế để có hướng xử lý phù hợp trước khi kết thúc hố khoan.
- Trong quá trình khoan nếu có nhiều khác biệt so với dự kiến ban đầu cần thông báo nhanh đến tư vấn thiết kế để có hướng xử lý phù hợp.

b) Lấy mẫu thí nghiệm trong phòng.

Chiều sâu lấy mẫu nguyên dạng và không nguyên dạng bình quân 2m lấy 01 (một) mẫu dọc theo hố khoan theo nguyên lý sau:

- Mẫu nguyên dạng được lấy đối với lớp đất yếu (đất loại sét, trạng thái chảy);
- Mẫu nguyên dạng được lấy đối với lớp đất trạng thái dẻo chảy đến dẻo mềm;
- Mẫu không nguyên dạng: lấy đối với đất rời lấy mẫu bằng ống nòng đơn hoặc ống mẫu SPT.

c) Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT.

- Thí nghiệm tại tất cả các hố khoan, bình quân 2m thí nghiệm 1 lần.
- Phương pháp tiến hành theo Tiêu chuẩn TCVN 9351:2012 Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm hiện trường - thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT).

d) Thí nghiệm đo điện trở suất của đất.

- Thí nghiệm 1 vị trí, với độ sâu khảo sát dự kiến là 15m; nhằm xác định các thông số điện trở suất của đất nền.
- Khoảng cách giữa các điện cực bố trí như sau: 1m, 2m, 5m, 10m, 15m.

e) Quan trắc mực nước ngầm.

Tiêu chuẩn áp dụng: quy phạm hút nước thí nghiệm trong điều kiện địa chất thủy văn ban hành theo Quyết định 46/2000/QĐ-BCN, ngày 07/08/2000 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp hoặc TCVN 8731:2012 Đất xây dựng công trình thủy lợi phương pháp xác định độ thấm nước của đất bằng cách đổ nước thí nghiệm trong hố đào và trong hố khoan tại hiện trường.

- Đo mực nước ngầm trong các hố khoan trong khoảng thời gian 24 giờ sau khi khoan xong các hố khoan.

- Số lượng: 03 hố khoan HK1, HK2, HK3.
- Quan trắc mực nước bằng ống piezometer (Electronic piezometer): lắp đặt 01 giếng quan trắc mực nước có chiều sâu giếng là 10m (SP1). Công tác quan trắc được thực hiện trong thời gian 30 ngày, tần suất quan trắc 2 lần/trong ngày (buổi sáng và buổi chiều).
- f) Thí nghiệm xác định thành phần hóa học của nước:
 - Mẫu thí nghiệm cho hố khoan HK3.
- g) Thí nghiệm trong phòng
 - Mẫu đất nguyên dạng:
 - Thí nghiệm các chỉ tiêu đối với từng loại mẫu đất như sau:
 - + Các chỉ tiêu cơ lý thông thường;
 - + Thành phần hạt (P);
 - + Độ ẩm tự nhiên (W_{tn});
 - + Khối lượng thể tích tự nhiên (γ_w);
 - + Khối lượng riêng (γ_s);
 - + Độ ẩm giới hạn chảy (WL);
 - + Độ ẩm giới hạn dẻo (W_p);
 - + Góc ma sát trong (ϕ);
 - + Lực dính (c);
 - + Tính chất nén lún (nén nhanh) (a).
 - Thí nghiệm nén cố kết:
 - + Thực hiện ở các hố khoan: HK1, HK3
 - + Thí nghiệm nén cố kết được thực hiện đối với lớp đất dính với tần suất 1 (một) mẫu/ lớp đất.
 - + Tất cả các hố khoan thực hiện thí nghiệm sau: Chỉ số nén (C_c); Chỉ số nở (C_s); Hệ số cố kết đứng (C_v); Hệ số nén lún (a_v); Hệ số thấm (K_v); Áp lực tiền cố kết (P_c).
 - Thí nghiệm nén 3 trục:
 - + Các hố khoan thực hiện thí nghiệm: HK1, HK3
 - + Thí nghiệm nén 3 trục không cố kết, không thoát nước (UU) được thực hiện đối với lớp đất dính với tần suất 1 mẫu/ lớp đất.
 - + Thí nghiệm nén 3 trục cố kết, không thoát nước (CU) được thực hiện đối với lớp đất dính với tần suất 1 mẫu/ lớp đất.
 - Thí nghiệm các chỉ tiêu đối với từng loại mẫu đá như sau:
 - + Độ ẩm khô gió;
 - + Độ ẩm bão hòa;
 - + Khối lượng riêng;
 - + Khối lượng thể tích khô gió;
 - + Khối lượng thể tích bão hòa;
 - + Khối lượng thể tích khô tương đối;
 - + Độ rỗng;
 - + Cường độ kháng nén khô gió;
 - + Cường độ kháng nén bão hòa;
 - + Cường độ kháng kéo khô gió;

- + Cường độ kháng kéo bão hòa;
- + Chỉ số RQD.
- Mẫu đất không nguyên dạng
- Đối với đất dính:
 - + Thành phần hạt (P);
 - + Độ ẩm tự nhiên (W_{tn});
 - + Khối lượng riêng (γ_s);
 - + Độ ẩm giới hạn chảy (W_L);
 - + Độ ẩm giới hạn dẻo (W_p).
- Đối với đất rời:
 - + Thành phần hạt (P);
 - + Độ ẩm tự nhiên (W_{tn});
 - + Khối lượng riêng (γ_s);
 - + Góc nghỉ khô (α_d);
 - + Góc nghỉ ướt (α_s).
- h) Thiết bị sử dụng:
 - Thiết bị khoan sử dụng máy khoan có công suất đảm bảo chiều sâu khoan tối thiểu là 150m với đường kính khoan tối thiểu 90mm.
 - Thiết bị cắt phẳng sử dụng máy cắt phẳng tự động gia tải và đo ghi dữ liệu.
 - Đối với các thiết bị còn lại như thiết bị đo địa chấn trong hố khoan phải có các thông số kỹ thuật đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật theo các tiêu chuẩn hiện hành.
 - Tất cả các thiết bị yêu cầu trên phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng. Có giấy chứng nhận hiệu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực nhằm đảm ứng được các yêu cầu kỹ thuật và độ chính xác cho công tác khảo sát xây dựng.
- i) Khối lượng khảo sát địa chất công trình thực hiện:

TT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng
1	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 100m, cấp đất, đá I-VII (2 hố x 60m, 1 hố x 70m)	mét	220
2	Lấy mẫu nguyên dạng và không nguyên dạng (2m/mẫu).	mét	110
3	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT) (2m/lần).	lần	110
4	Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất.	mẫu	110
5	Thí nghiệm 3 trục theo sơ đồ không cố kết không thoát nước (UU), 1 lớp đất dính/ 1 mẫu. Dự kiến 4 lớp/ 1 hố khoan – chỉ áp dụng cho HK1, HK3.	mẫu	08
6	Thí nghiệm 3 trục theo sơ đồ cố kết không thoát nước (CU), 1 lớp đất dính/ 1 mẫu. Dự kiến 4 lớp/ 1 hố khoan – chỉ áp dụng cho HK1, HK3.	mẫu	08
7	Thí nghiệm nén cố kết mẫu đất 1 lớp đất dính/ 1 mẫu. Dự kiến 2 lớp/ 1 hố khoan. Chỉ áp dụng hố khoan HK1, HK3	mẫu	08
8	Quan trắc mực nước ngầm tại vị hố khoan sau 24h. (HK1, HK2, HK3)	vị trí	03

TT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng
9	Quan trắc mực nước bằng ống Electronic Piezometer	vị trí	01
10	Thí nghiệm đo điện trở suất của đất tại 1 vị trí – sâu 15m.	vị trí	01
11	Thí nghiệm các chỉ tiêu hóa lý của mẫu nước ăn mòn bê tông. (HK3)	mẫu	01

Ghi chú: khối lượng bằng khảo sát ở bảng trên là tạm tính, bên khảo sát có thể đề xuất số lượng thí nghiệm đảm bảo phù hợp với mục đích khảo sát và đủ số liệu để phục vụ thiết kế và thi công.

j) Thời gian thực hiện khảo sát địa chất công trình: 35 ngày

Bảng tọa độ hố khoan (VN-2000)

Tên cọc	Tọa độ X	Tọa độ Y	Chiều sâu hố khoan dự kiến (m)	Ghi chú
HK1	1778714.628	550151.627	60	Trong trường hợp vị trí hố khoan được chỉ định vướng các công trình hiện hữu, nhà thầu có thể điều chỉnh vị trí hố khoan trong bán kính 3m tính từ vị trí được chỉ định, sao cho phù hợp với tình hình thực tế tại công trường, vượt quá phạm vi trên vui lòng báo lại để TVTK kịp thời xử lý.
HK2	1778691.296	550183.163	60	
HK3	1778729.725	550187.737	70	

k) Nội dung khác:

Công tác lập báo cáo khảo sát xây dựng được thực hiện theo đúng Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, phù hợp với nhiệm vụ khảo sát và mục đích của công tác khảo sát. Nội dung công tác khảo sát phải thể hiện rõ các vấn đề sau:

- Căn cứ thực hiện và mục đích công tác khảo sát xây dựng;
- Quy trình và phương pháp khảo sát xây dựng;
- Thiết bị dùng trong công tác khảo sát;
- Khái quát về vị trí và điều kiện tự nhiên của khu vực khảo sát;
- Thiết bị dùng trong công tác khảo sát;
- Khối lượng khảo sát;
- Kết quả, số liệu khảo sát xây dựng sau khi thí nghiệm và phân tích;
- Kết luận và kiến nghị;
- Các phụ lục đi kèm.

3. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn:

3.1. Tiêu chuẩn khảo sát áp dụng:

a. Khảo sát địa hình:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 11:2008/BTNMT về xây dựng lưới độ cao;
- Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam số TCVN 9398:2012 công tác trắc địa trong xây dựng đồ án - Yêu cầu chung;
- Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCVN 9401: 2012 Tiêu chuẩn đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa đồ án;
- Ký hiệu bản đồ địa hình tỷ lệ: 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000 ban hành kèm theo quyết định của Tổng cục Địa chính (số 1125/ĐBĐ ngày 19/11/1994, nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường).
- Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường ban hành ngày 22/12/2015 quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000;
- Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường ban hành ngày 15/11/2018 quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc bản đồ;

b. Khảo sát địa chất ngoài hiện trường:

- Khảo sát Xây dựng – Nguyên tắc cơ bản: TCVN 4419:1987
- Công tác nền móng – Thi công và nghiệm thu: TCVN 9361:2012
- Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình: TCVN 9362:2012
- Khảo sát cho xây dựng – Khảo sát địa kỹ thuật cho nhà cao tầng: TCVN 9363:2012
- Qui trình khoan thăm dò địa chất công trình: TCVN 9437:2012
- Lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển: TCVN 2683:2012
- Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT): TCVN 9351:2012
- Thí nghiệm đo điện trở suất (ERT): ASTM D6431:2010

c. Thí nghiệm địa chất trong phòng thí nghiệm:

- Đất xây dựng – Phân loại: TCVN 5747:1993
- Xác định khối lượng riêng: TCVN 4195:2012
- Xác định khối lượng thể tích: TCVN 4202:2012
- Xác định độ ẩm và độ hút ẩm: TCVN 4196:2012
- Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy: TCVN 4197:2012
- Xác định thành phần hạt: TCVN 4198:2012
- Xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm: TCVN 4200:2012
- Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng: TCVN 4199:2012
- Thí nghiệm nén cố kết (Cv): ASTM D2435
- Thí nghiệm 3 trục không cố kết, không thoát nước (UU): ASTM D2850
- Thí nghiệm 3 trục cố kết, không thoát nước (CU): ASTM D4767
- Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu lý hóa của mẫu nước toàn phần: TCVN 12041: 2017
- Đất xây dựng - Phương pháp chỉnh lý thống kê: TCVN 9153:2012

3.2. Số lượng sản phẩm tư vấn:

- 06 (sáu) bộ hồ sơ báo cáo khảo sát địa hình, 06 (sáu) bộ hồ sơ báo cáo khảo sát địa chất công trình; 01 USB ghi đầy đủ các dữ liệu đã thực hiện (bao gồm file cad, Word, Excel và các file số liệu khảo sát);
 - Nội dung hồ sơ báo cáo khảo sát địa hình gồm các tài liệu cơ bản sau đây: Thuyết minh báo cáo, Kết quả bình sai, Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500, Sơ họa mốc, lưới khống chế mặt bằng và thủy chuẩn.
 - Nội dung hồ sơ báo cáo khảo sát địa chất công trình gồm các tài liệu cơ bản sau đây:
 - + Căn cứ thực hiện và mục đích công tác khảo sát xây dựng;
 - + Quy trình và phương pháp khảo sát xây dựng;
 - + Thiết bị dùng trong công tác khảo sát;
 - + Khái quát về vị trí và điều kiện tự nhiên của khu vực khảo sát;
 - + Thiết bị dùng trong công tác khảo sát;
 - + Khối lượng khảo sát;
 - + Kết quả, số liệu khảo sát xây dựng sau khi thí nghiệm và phân tích;
 - + Kết luận và kiến nghị;
 - + Các phụ lục đi kèm.
 - + Bố cục trình bày báo cáo địa chất công trình được thể hiện như sau:
 - + Thuyết minh chung;
 - + Sơ đồ bố trí hố khoan;
 - + Hình trụ hố khoan;
 - + Mặt cắt địa chất công trình;
 - + Bảng tổng hợp chỉ tiêu cơ lý các lớp đất;
 - + Phụ lục: Kết quả thí nghiệm trong phòng;
 - + Phụ lục: Kết quả thí nghiệm hiện trường;
 - + Bảng biểu các bảng tổng hợp chỉ tiêu của đất, kết quả tính nghiệm (file excel).
4. Các yêu cầu khác:
- Nhà thầu có thể đề xuất, bổ sung để trình Chủ đầu tư xem xét phê duyệt những nội dung mà trong nhiệm vụ chưa được đề cập nhằm đảm bảo đáp ứng qui định pháp luật và yêu cầu kỹ thuật cần thiết.
 - Nội dung công việc chi tiết sẽ được căn cứ vào các điều khoản của Hợp đồng tư vấn; Nhiệm vụ và Phương án kỹ thuật khảo sát được Chủ đầu tư phê duyệt. Sản phẩm đo đạc được thẩm tra, thẩm định theo đúng quy phạm hiện hành.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN



Trương Đức Hùng

PHỤ LỤC SỐ 3 [NHÂN LỰC CỦA NHÀ THẦU].

STT	Họ và tên	Lĩnh vực chuyên môn	Nhiệm vụ	Số chứng chỉ hành nghề
1	Lê Đức Đạt	Khảo sát địa hình, địa chất công trình	Chủ nhiệm khảo sát	BXD - 00021250 do BXD cấp ngày 10/10/2022
2	Phan Văn Nam	Khảo sát địa chất	Khảo sát viên	QTR-00094469 do SXD Quảng Trị cấp ngày 02/7/2020
3	Nguyễn Đăng Mạnh	Khảo sát địa chất	Khảo sát viên	DNA-00083374 do SXD Đà Nẵng cấp ngày 15/01/2020
4	Tổng Hải Nam	Khảo sát địa hình	Khảo sát viên	DNA-00012112 do SXD Đà Nẵng cấp ngày 24/07/2023
5	Trần Văn Cường	Khảo sát địa hình	Khảo sát viên	HNT-00134490 do Hiệp Hội các nhà thầu xây dựng Việt Nam cấp ngày 11/03/2022
6	Phạm Văn Luân	Khảo sát địa hình	Khảo sát viên	DNA-00031702 do SXD Đà Nẵng cấp ngày 14/06/2022

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT
XÂY DỰNG QUANG ĐẠT**



Lê Đức Đạt

PHỤ LỤC SỐ 4 [TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC].

TIẾN ĐỘ KHẢO SÁT		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35				
STT	Khảo sát địa chất công trình	Ngày thực hiện																																						
1	Công tác chuẩn bị	1																																						
2	Công tác khoan và lắp đặt hồ khoan quan trắc nước ngầm SPI	1																																						
3	Quan trắc mực nước bằng ống Electronic Piezometer	30																																						
4	Công tác khoan khảo sát ở hiện trường 3 hồ khoan: HK1, HK2 và HK3	11																																						
5	Công tác thí nghiệm trong phòng	12																																						
6	Công tác Tổng hợp số liệu, lập báo cáo kết quả khảo sát	15																																						
Khảo sát địa hình																																								
1	Công tác chuẩn bị	1																																						
2	Chọn điểm chôn mốc	2																																						
3	Đo đạc lưới khống chế mặt bằng và độ cao	2																																						
4	Công tác đo vẽ bản đồ địa hình tỉ lệ 1/500	3																																						
5	Biên tập Bản đồ địa hình	2																																						
6	Công tác Tổng hợp số liệu, lập báo cáo kết quả khảo sát	1																																						

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT XÂY DỰNG QUANG ĐẠT



GIÁM ĐỐC

Lê Đức Đạt

PHỤ LỤC SỐ 5
[BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG].

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH

Gói thầu: Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất công trình

Công trình: Xây dựng mới khách sạn Sài Gòn Đà Nẵng tiêu chuẩn 5 sao

Địa điểm: số 7 đường Đồng Đa, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

1. **Đối tượng nghiệm thu:** Báo cáo khảo sát địa hình, địa chất công trình thuộc dự án Xây dựng mới khách sạn Sài Gòn Đà Nẵng tiêu chuẩn 5 sao.
2. **Thành phần tham gia nghiệm thu:**
 - a. Chủ đầu tư (Gọi tắt là Bên A): Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một Thành Viên.
Đại diện Ông: Chức vụ:
Đại diện: Chức vụ:
 - b. Nhà thầu (Gọi tắt là Bên B): Công ty TNHH Tư vấn Khảo sát xây dựng Quang Đạt
Đại diện: Chức vụ:
Đại diện: Chức vụ:
3. **Thời gian nghiệm thu:**

Bắt đầu: giờ ngày tháng năm
Kết thúc: giờ ngày tháng năm
Tại văn phòng Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH Một Thành Viên
4. **Căn cứ nghiệm thu:**
 - Hợp đồng tư vấn số..... ngày.....tháng.... năm 202...;
 - Quyết định số ngày.....tháng.... năm 202... của Tổng Công Ty Du Lịch Sài Gòn TNHH Một Thành Viên về việc phê duyệt Báo cáo khảo sát địa hình, địa chất công trình của gói thầu nêu trên;
5. **Nội dung nghiệm thu**
 - a. Về chất lượng hồ sơ Báo cáo khảo sát địa hình, địa chất công trình:
Báo cáo khảo sát địa hình, địa chất công trình được lập phù hợp với các quy định hiện hành.
 - b. Về khối lượng công việc:
Đảm bảo theo nội dung và khối lượng công việc của Hợp đồng đã ký kết.
 - c. Về hình thức và số lượng:
 - Hình thức hồ sơ: Đạt yêu cầu.
 - Số lượng hồ sơ: bộ.
 - d. Về thời gian thực hiện: Đảm bảo theo hợp đồng ký kết.
Các vấn đề khác: Không có.
6. **Kết luận:**
 - Chủ đầu tư chấp thuận nghiệm thu Báo cáo khảo sát địa hình, địa chất công trình thuộc gói thầu Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất công trình thuộc dự án Xây dựng mới khách sạn Sài Gòn Đà Nẵng tiêu chuẩn 5 sao.

Biên bản được lập thành 06 (sáu) bản có giá trị pháp lý như nhau, Chủ đầu tư giữ 05 (năm) bản, Nhà thầu giữ 01 (một) bản.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT
XÂY DỰNG QUANG ĐẠT

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN TNHH
MỘT THÀNH VIÊN

PHỤ LỤC SỐ 7 [ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN].

Tên dự án:

Tên gói thầu:

Căn cứ hợp đồng số:

Chủ đầu tư:

Thanh toán lần thứ: ...

Căn cứ xác định: ...

Biên bản nghiệm thu số ... ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị: đồng, ngoại tệ

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng				Đơn giá thanh toán theo hợp đồng	Thành tiền				Ghi chú	
			Khối lượng theo hợp đồng	Thực hiện				Theo hợp đồng	Thực hiện				
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này			Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
	Tổng số:												

1. Giá trị hợp đồng: ...
2. Giá trị tạm ứng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước: ...
3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước: ...
4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này: ...
5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng: ...
6. Giá trị đề nghị giải ngân kỳ này: ... số tiền bằng chữ: ... (là số tiền đề nghị giải ngân kỳ này), trong đó:
 - Tạm ứng: ...,
 - Thanh toán khối lượng hoàn thành: ...
7. Lũy kế giá trị giải ngân: ..., trong đó:
 - Tạm ứng: ...
 - Thanh toán khối lượng hoàn thành: ...



**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT
XÂY DỰNG QUANG ĐẠT**

Tp. HCM, ngày ... tháng ... năm 20.....
**CHỦ ĐẦU TƯ
TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN
TNHH MTV**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 02 năm 2025

BIÊN BẢN SỐ 04
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TÁC KHẢO SÁT XÂY DỰNG

Công trình: Xây dựng mới khách sạn Sài Gòn Đà Nẵng tiêu chuẩn 5 Sao.

Gói thầu: Tư vấn Khảo sát địa hình-địa chất công trình.

Địa điểm: Số 07 đường Đống Đa, p. Thạch Thang, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

1. **Đối tượng nghiệm thu:** Nghiệm thu hoàn thành công tác Khảo sát địa hình-địa chất công trình.

2. **Thành phần trực tiếp nghiệm thu:**

a. **Đại diện chủ đầu tư: Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một thành viên**

+ Ông: Trương Đức Hùng

Chức vụ: Tổng Giám đốc

+ Ông: *Trần Minh Phong*

Chức vụ: *Phó Giám đốc điều hành - P. Quản lý dự án.*

+ Ông: *Phạm Công Vinh*

Chức vụ: *Giám đốc chi nhánh*

b. **Đại diện TVGS: Viện Khoa học Công nghệ xây dựng (IBST)**

+ Ông: Nguyễn Thanh Bình

Chức vụ: Phó Viện trưởng

+ Ông: Nguyễn Tiến Bình

Chức vụ: Giám đốc Trung tâm TKCNXD miền Trung

+ Ông: Ngô Hoàng Tri Nhật

Chức vụ: Giám sát trưởng

c. **Đại diện nhà thầu khảo sát: Công ty TNHH Tư vấn Khảo sát Xây dựng Quang Đạt**

+ Ông: Lê Đức Đạt

Chức vụ: Giám đốc

+ Ông: Hồ Văn Thanh Bình

Chức vụ: Kỹ thuật hiện trường

3. **Thời gian nghiệm thu:**

Bắt đầu: 8h00 Ngày 14 tháng 02 năm 2025

Kết thúc: 10h00 Ngày 14 tháng 02 năm 2025

Tại văn phòng Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một thành viên

4. **Căn cứ nghiệm thu:**

- Hợp đồng số: SGDN-TV6/HĐTV/SGT-QDC ngày 30 tháng 12 năm 2024

- Nhiệm vụ và Phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng.

- Nhật ký khảo sát địa hình - địa chất công trình.

- Biên bản nghiệm thu nghiệm thu công tác khảo sát ở hiện trường.

- Các quy phạm, tiêu chuẩn hiện hành.

- Đề cương khảo sát

- Báo cáo khảo sát địa hình công trình

- Báo cáo khảo sát địa chất công trình

5. **Đánh giá giai đoạn thi công xây dựng**

5.1. Tiến độ thi công

Ngày bắt đầu: 08/01/2025

Ngày kết thúc: 14/02/2025

5.2. Khối lượng thi công (Xem bảng khối lượng kèm theo)

Theo Nhiệm vụ và Phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng: Tuân thủ Nhiệm vụ và Phương án kỹ thuật khảo sát địa hình - địa chất công trình, hợp đồng và đề cương khảo sát được phê duyệt.

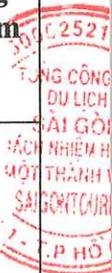
Theo thực tế thi công: Đạt yêu cầu

a. Công tác khảo sát địa hình như bảng dưới đây:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng theo hợp đồng/dự toán	Khối lượng thực hiện	Khối lượng Nghiệm thu
1	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng - Đường chuyên cấp 2, địa hình cấp III	mốc	02	02	02
2	Đo khống chế độ cao, thủy chuẩn hạng IV địa hình cấp III	km	8.0	7.6	7.6
3	Đo vẽ chi tiết bản đồ trên cạn tỷ lệ 1/500 đường đồng mức 0,5m, địa hình cấp III	ha	0.3481	0.4969	0.4969

b. Công tác khảo sát địa chất như bảng dưới đây:

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng theo hợp đồng/dự toán	Khối lượng thực hiện	Khối lượng Nghiệm thu
1	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 100m, cấp đất, đá I-VII (2 hố x 70m, 1 hố x 80m). Căn cứ thực tế khi tiến hành khảo sát, bên khảo sát đề xuất độ sâu hố khoan lên thành 2 hố x 60m, 1 hố x 70m hoặc hơn nhưng không quá 10% tùy theo yêu cầu và mục đích khảo sát, đủ số liệu để phục vụ thiết kế và thi công và không phát sinh chi phí hợp đồng.	mét	220	217,4	217,4
2	Lấy mẫu nguyên dạng và không nguyên dạng (2m/mẫu). Số lượng mẫu tăng theo thực tế chiều sâu hố khoan tăng thêm trên thực địa (nếu có).	mét	110	105	105
3	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT) (2m/lần). Số lượng mẫu tăng theo thực tế chiều sâu hố khoan tăng thêm trên thực địa (nếu có)..	lần	110	108	108
4	Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất.	mẫu	110	96	96
5	Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của mẫu đá.	mẫu	-	07	07
6	Thí nghiệm 3 trục theo sơ đồ không cố kết không thoát nước (UU), 1 lớp đất dính/ 1 mẫu. Dự kiến 4 lớp/ 1 hố khoan – chỉ áp dụng cho HK1, HK3.	mẫu	08	06	06



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 13 tháng 5 năm 2025

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH
SỐ: SGDN-TV6/BBNT/SGT-QDC

Hợp đồng số: SGDN-TV6/HĐTV/SGT-QDC ngày 30 tháng 12 năm 2024

Gói thầu: Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất công trình

Công trình: Xây dựng mới khách sạn Sài Gòn Đà Nẵng tiêu chuẩn 5 sao

Địa điểm: số 07 Đống Đa, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

1. **Đối tượng nghiệm thu:** Công tác Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất công trình

2. **Thành phần tham gia nghiệm thu:**

a. Chủ đầu tư (Bên A): Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một thành viên.

Đại diện: Ông **TRƯƠNG ĐỨC HÙNG** Chức vụ: Tổng Giám đốc

b. Nhà thầu (Bên B): Công ty TNHH Tư vấn Khảo sát Xây dựng Quang Đạt

Đại diện: Ông **LÊ ĐỨC ĐẠT** Chức vụ: Giám đốc

3. **Thời gian nghiệm thu:**

Bắt đầu: 09 giờ 30 phút ngày 13 tháng 5 năm 2025

Kết thúc: 10 giờ 00 ngày 13 tháng 5 năm 2025

Tại văn phòng Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một thành viên.

4. **Đánh giá nghiệm thu:**

a. Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TCT ngày 26/12/2024 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu Tư vấn khảo sát địa chất địa hình công trình thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã phê duyệt tại Quyết định số 894/QĐ-TCT ngày 25/12/2024 của Tổng Giám đốc thuộc dự án Xây dựng mới khách sạn Sài Gòn Đà Nẵng tiêu chuẩn 5 sao;
- Căn cứ Hợp đồng số SGDN-TV6/HĐTV/SGT-QDC ngày 30 tháng 12 năm 2024;
- Căn cứ quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, quy định pháp luật về đấu thầu hiện hành;
- Căn cứ Biên bản số 01 ngày 08/01/2025 về bàn giao mặt bằng tại địa chỉ số 07 Đống Đa, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
- Căn cứ Biên bản giao nhận ngày 17/02/2025 về giao nhận hồ sơ khảo sát công trình Xây dựng mới khách sạn Sài Gòn Đà Nẵng tiêu chuẩn 5 sao (số lượng: 06 bộ);
- Căn cứ hồ sơ Báo cáo khảo sát địa hình và hồ sơ Báo cáo khảo sát địa chất công trình Xây dựng mới khách sạn Sài Gòn Đà Nẵng tiêu chuẩn 5 sao do Công ty TNHH Tư vấn Khảo sát Xây dựng Quang Đạt thực hiện và được Chủ đầu tư ký duyệt;

b. Khối lượng thực hiện:



- Thực hiện đúng với nội dung công việc theo Hợp đồng số SGDN-TV6/HĐTV/SGT-QDC ngày 30 tháng 12 năm 2024 giữa Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một thành viên và Công ty TNHH Tư vấn Khảo sát Xây dựng Quang Đạt.
 - c. Chất lượng công việc thực hiện:
 - Nhà thầu thực hiện đúng chất lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn nghiệm thu theo Hợp đồng số SGDN-TV6/HĐTV/SGT-QDC ngày 30 tháng 12 năm 2024.
 - d. Về hình thức, số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn nghiệm thu:
 - Nhà thầu thực hiện đúng hình thức, số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn nghiệm thu theo Hợp đồng số SGDN-TV6/HĐTV/SGT-QDC ngày 30 tháng 12 năm 2024.
 - e. Thời gian thực hiện:
 - Nhà thầu thực hiện đúng thời gian thực hiện theo Hợp đồng số SGDN-TV6/HĐTV/SGT-QDC ngày 30 tháng 12 năm 2024.
 - f. Số lượng hồ sơ: 06 bộ + file mềm
 - g. Các vấn đề khác (nếu có): Không.
- 5. Kết luận:**
- Chấp nhận nghiệm thu nội dung công tác Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất công trình Xây dựng mới khách sạn Sài Gòn Đà Nẵng tiêu chuẩn 5 sao do Công ty TNHH Tư vấn Khảo sát Xây dựng Quang Đạt thực hiện.
 - Ý kiến khác (nếu có): Không.

Biên bản nghiệm thu được lập thành 06 (sáu) bản chính có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư giữ 04 (bốn) bản, Nhà thầu giữ 02 (hai) bản./.

NHÀ THẦU
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
KHẢO SÁT XÂY DỰNG QUANG ĐẠT
GIÁM ĐỐC



LÊ ĐỨC ĐẠT

CHỦ ĐẦU TƯ
TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯƠNG ĐỨC HÙNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 12 năm 2023

HỢP ĐỒNG
Tư vấn khảo sát địa chất công trình

Số: 54.12.2023/HĐTV-KSXD

Dự án: Nhà ở công vụ Tổng Cục II khu vực Miền Trung
(thành phố Đà Nẵng), Ký hiệu NCV741
Địa điểm: Phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

GIỮA

LỮ ĐOÀN 74 / TỔNG CỤC II
(BÊN A)

VÀ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT XÂY DỰNG QUANG ĐẠT
(BÊN B)

Năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 12 năm 2023

HỢP ĐỒNG

Tư vấn Khảo sát địa chất công trình

Số: 54.12.2023/HĐTV-KSXD

Công trình: Nhà ở công vụ Tổng Cục II khu vực Miền Trung (thành phố Đà Nẵng), Ký hiệu NCV741;

Địa điểm: Phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

giữa

LỮ ĐOÀN 74 / TỔNG CỤC II

Và

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHẢO SÁT XÂY DỰNG QUANG ĐẠT

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Điều 2. Loại hợp đồng

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

Điều 4. Trao đổi thông tin

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Điều 6. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng công trình

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 8. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 9. Giá hợp đồng

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

Điều 13. Nhà thầu phụ (nếu có)

Điều 14. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Điều 15. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Điều 16. Bảo hiểm

Điều 17. Rủi ro và bất khả kháng

Điều 18. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

Điều 19. Chấm dứt hợp đồng

Điều 20. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

Điều 21. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Điều 22. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 23. Tạm ứng và thanh toán

Điều 24. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

Điều 25. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại

Điều 26. Điều khoản chung

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại hợp đồng

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

(đối với trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng)

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 5. Giá hợp đồng

Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 7. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 11. Tạm ứng và thanh toán

Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

Điều 13. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại

Điều 14. Điều khoản chung

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSĐT	Hồ sơ dự thầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
Luật Xây dựng số 50/2014/QH13	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.
Luật số 62/2020/QH14	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
Nghị định số 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 06/2021/NĐ-CP	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 tháng 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày 05 tháng 12 năm 2023, tại Lữ đoàn 74/TCII, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư (Bên A): Lữ đoàn 74/Tổng cục II

- Đại diện : Ông Nội Thế Nam Chức vụ: Lữ đoàn trưởng
- Địa chỉ : Phường Hòa hiệp Nam, quận Liên Chiểu, tp. Đà Nẵng.
- Tài khoản : 3711.1.9041441.00000
- Tại : Kho bạc Nhà nước TP. Đà Nẵng
- Điện thoại : 02363.773.033.

Và bên kia là:

2. Nhà thầu tư vấn (gọi tắt là Bên B): Công ty TNHH tư vấn khảo sát xây dựng Quang Đạt.

- Đại diện : Ông Lê Đức Đạt Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ : 143 Phạm Như Xương, Phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.
- Mã số thuế: 0401 38 99 22
- Tài khoản : 200 220 120 0890 tại ngân hàng NN&PTNT - Liên Chiểu - Đà Nẵng.
- Điện thoại : 0936089858

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0401389922 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 23/12/2010, thay đổi lần 3 ngày 18/08/2018.

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng Tư vấn Khảo sát địa chất công trình Dự án: Nhà ở công vụ Tổng Cục II khu vực Miền Trung (thành phố Đà Nẵng), Ký hiệu NCV741; Địa điểm: Phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên chiểu, thành phố Đà Nẵng như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/ 2014;
- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về việc Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính về quản lý chi phí đầu tư xây dựng
- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Quyết định số 2033/QĐ-TCII ngày 29/11/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục II về việc Phê duyệt Nhiệm vụ khảo sát xây dựng và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đợt 1 Dự án: Nhà ở công vụ Tổng Cục II khu vực Miền Trung (thành phố Đà Nẵng), Ký hiệu NCV741.

- Căn cứ Quyết định số 1775/QĐ-LĐ74 ngày 05/12/2023 của Lữ đoàn trưởng về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc kế hoạch LCNT đợt 1 Dự án: Nhà ở công vụ Tổng Cục II khu vực Miền Trung (thành phố Đà Nẵng), Ký hiệu NCV741;

- Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng số 54a/2023/TTHĐ-KSXD ngày 01/12/2023 giữa Lữ đoàn 74/TCII và Công ty TNHH Tư vấn KSXD Quang Đạt.

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là Lữ đoàn 74/Tổng cục II.
2. Nhà thầu tư vấn là Công ty TNHH tư vấn khảo sát xây dựng Quang Đạt.
3. Dự án là Nhà ở công vụ Tổng Cục II khu vực Miền Trung (thành phố Đà Nẵng), Ký hiệu NCV741.
4. Công trình là Nhà ở công vụ Tổng Cục II khu vực Miền Trung (thành phố Đà Nẵng), Ký hiệu NCV741.
5. Gói thầu là Tư vấn Khảo sát địa chất xây dựng công trình.
6. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.
7. Đại diện Nhà thầu tư vấn là người được Nhà thầu tư vấn nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu tư vấn chỉ định và thay mặt Nhà thầu tư vấn điều hành công việc.
8. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu tư vấn để trực tiếp thực hiện công việc.
9. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại

Điều 3 [Hồ sơ hợp đồng tư vấn và thứ tự ưu tiên].

10. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tư vấn tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

11. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

12. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

13. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: [quy định tại ĐKCT]

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

a) Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;

b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc Điều khoản tham chiếu đối với hợp đồng tư vấn xây dựng;

c) Điều kiện chung của hợp đồng;

đ) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;

g) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;

h) Các phụ lục của hợp đồng;

i) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông

báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
2. Ngôn ngữ của hợp đồng [quy định tại ĐKCT].

Điều 6. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng Khảo sát địa chất xây dựng công trình

Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của Nhà thầu tư vấn thực hiện được thể hiện cụ thể trong các thỏa thuận tại các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các bên bao gồm các công việc chủ yếu sau:

- Nội dung công việc:

- Bố trí 03 hố khoan, độ sâu hố khoan là 50m/hố khoan (vị trí cụ thể các hố khoan thể hiện trên mặt bằng bản vẽ kèm theo). Tổng khối lượng 150,0m. Trong đó dự kiến các công việc cụ thể như sau:

- Tổng chiều sâu khoan dự kiến: 135 m đất đá cấp I-III
- Tổng chiều sâu khoan dự kiến: 15 m đất đá cấp IV-VI
- Thí nghiệm SPT dự kiến: 68 lần đất đá cấp I-III
- Thí nghiệm SPT dự kiến: 06 lần đất đá cấp IV-VI
- Tổng số mẫu nguyên dạng dự kiến: 40 mẫu
- Tổng số mẫu không nguyên dạng dự kiến: 30 mẫu
- Tổng số mẫu đá dự kiến: 03 mẫu

+ Lập báo cáo kết quả khảo sát địa chất công trình

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được Nhà thầu tư vấn hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng [quy định tại ĐKCT].

Điều 8. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên.
2. Phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng công trình được duyệt;
3. Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng.
4. Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng

cho hợp đồng tư vấn xây dựng.

Điều 9. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền: [quy định tại ĐKCT].

b) Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 10 [Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng].

2. Nội dung của giá hợp đồng

a) Nội dung của giá hợp đồng lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng bao gồm:

- Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi thực địa.

- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Chi phí giám sát tác giả đối với tư vấn thiết kế xây dựng công trình.

- Chi phí khác có liên quan.

c) Giá hợp đồng tư vấn xây dựng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư.

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.

- Chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng: không.

2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng tư vấn [quy định tại ĐKCT].

3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2

Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

+ Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn [quy định tại ĐKCT].

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

1. Quyền của Nhà thầu tư vấn:

a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Đối với hợp đồng tư vấn thiết kế: Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng cùng Chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám sát tác giả, trả lời các nội dung có liên quan đến hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

c) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

d) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu

không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu tư vấn trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm.

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng đối với tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi; ngày hoàn thành và bàn giao công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.

m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

q) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội

dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:

- a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.
- b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.
- c) Kiểm tra chất lượng công việc của Nhà thầu tư vấn tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu tư vấn.
- d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.
- đ) Yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

- a) Cung cấp cho Nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).
- b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.
- c) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.
- d) Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- đ) Tạo điều kiện để Nhà thầu tư vấn được tiếp cận với công trình, thực địa.
- e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu tư vấn.
- g) Tạo điều kiện cho Nhà thầu tư vấn thực hiện công việc tư vấn xây dựng, thủ tục hải quan (nếu có).
- h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu tư vấn nếu Chủ đầu tư cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 13. Nhà thầu phụ (nếu có)

1. Đối với nhà thầu phụ chưa có danh sách trong Hợp đồng, nhà thầu phải trình danh sách, hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ cũng như phạm vi công việc mà nhà thầu phụ sẽ đảm nhận để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận bằng văn bản trước khi ký hợp đồng thầu phụ.
2. Nhà thầu tư vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư về chất lượng, tiến độ cũng như các sai sót của nhà thầu phụ.
3. Nhà thầu tư vấn cam kết với Chủ đầu tư rằng sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản chi phí cho nhà thầu phụ được quy định trong hợp đồng thầu

phụ.

Điều 14. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

1. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định cụ thể tại Phụ lục số ... [Nhân lực của Nhà thầu].

2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong Phụ lục số... [Nhân lực của Nhà thầu]. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng... ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu tư vấn thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu tư vấn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở Phụ lục số ... [Nhân lực của Nhà thầu].

6. Nhà thầu tư vấn tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu tư vấn không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 15. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Nhà thầu tư vấn sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép Nhà thầu tư vấn.

Nhà thầu tư vấn phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Nhà thầu tư vấn thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí

tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 16. Bảo hiểm

Nhà thầu mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định. (không yêu cầu).

Điều 17. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Nhà thầu tư vấn phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu tư vấn đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Nhà thầu tư vấn bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu tư vấn sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn

thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu tư vấn.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

6. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu tư vấn, hoặc những thứ Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu tư vấn sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.

Điều 18. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu tư vấn

a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu tư vấn phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu tư vấn phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến

về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 19. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu tư vấn. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng [quy định tại ĐKCT] mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.

b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều ... [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc [quy định tại ĐKCT] liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.

d) Nhà thầu tư vấn bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

đ) Nhà thầu tư vấn từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 24 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

e) Nhà thầu tư vấn cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.

g) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 17 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu tư vấn khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các Nhà thầu tư vấn này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là [quy định tại ĐKCT] trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian [quy định tại ĐKCT].

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều ... [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh

chấp] sau khoảng thời gian [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 24 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian [quy định tại ĐKCT].

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 [Giá hợp đồng] và Điều 23 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

Điều 20. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng

a) Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

b) Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu tư vấn đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ trình cho Chủ đầu tư ... bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

c) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu tư vấn chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu tư vấn sẽ chuẩn bị và trình cho

Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

d) Sau khi hợp đồng được quyết toán theo quy định, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 19 [Chấm dứt hợp đồng].

Điều 21. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành [quy định tại ĐKCT]:

Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do Nhà thầu tư vấn cung cấp, Chủ đầu tư căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng Nhà thầu tư vấn phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng.

Điều 22. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng được quy định cụ thể với tổng thời gian thực hiện là [quy định tại ĐKCT].

2. Tiến độ chi tiết:

Thời gian và phân công việc hoàn thành [quy định tại ĐKCT].

3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

4. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu tư vấn.

Điều 23. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: Không

2. Tiến độ thanh toán

Số lần thanh toán là [quy định tại ĐKCT].

Giá trị mà Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo các lần thanh toán cụ thể là ___ [quy định tại ĐKCT].

Lần cuối cùng sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành các công việc theo nghĩa vụ trong hợp đồng.

Trong vòng [quy định tại ĐKCT], kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn, Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà

thầu tư vấn.

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

a) Đối với hợp đồng trọn gói:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành

(Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng).

- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có).

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu tư vấn bao gồm: Giá trị hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này theo Phụ lục số 03a theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

4. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 24. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng [quy định tại ĐKCT]. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải: [quy định tại ĐKCT].

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt

buộc với các bên.

Giải quyết tranh chấp: [quy định tại ĐKCT].

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 25. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thương hợp đồng: Không.

2. Phạt vi phạm hợp đồng

Đối với Nhà thầu tư vấn: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng [quy định tại ĐKCT] thì phạt [quy định tại ĐKCT] nhưng tổng số tiền phạt không quá [quy định tại ĐKCT].

Đối với Chủ đầu tư: Nếu thanh toán chậm cho Nhà thầu tư vấn theo quy định tại Điều 9 [Giá hợp đồng] và Điều 23 [Tạm ứng và thanh toán] thì phải bồi thường cho Nhà thầu tư vấn theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà Nhà thầu tư vấn mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư đã thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn.

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: [quy định tại ĐKCT].

Điều 26. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm [quy định tại ĐKCT].

Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Chủ đầu tư sẽ giữ, số bản Nhà thầu tư vấn sẽ giữ [quy định tại ĐKCT].

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: *Trọn gói.*

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

2. Ngôn ngữ của hợp đồng: *Tiếng Việt.*

Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp

đồng (đối với trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng):
Không.

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng là 07 bộ.

Điều 5. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng:

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền: **357.185.000** đồng.

(Bằng chữ: Ba trăm năm mươi bảy triệu, một trăm tám mươi lăm ngàn đồng./.)

Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

2. Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng, phạm vi và trình tự, thủ tục điều chỉnh khối lượng

a) Đối với hợp đồng trọn gói: Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thay đổi phạm vi công việc (tăng, giảm) trong Hợp đồng thì đối với khối lượng công việc này các bên thỏa thuận Điều chỉnh tương ứng.

b) Đối với khối lượng phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết mà chưa có đơn giá trong hợp đồng thì được xác định trên cơ sở thỏa thuận hợp đồng và quy định pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Các bên phải ký kết phụ lục hợp đồng làm cơ sở cho việc thanh toán, quyết toán hợp đồng.

3. Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng

a) Trường hợp thời hạn hoàn thành công việc tư vấn chậm so với tiến độ công việc của Hợp đồng do lỗi của nhà thầu thì nhà thầu phải có giải pháp khắc phục để bảo đảm tiến độ hợp đồng. Nếu tiến độ thực hiện hợp đồng bị kéo dài so với tiến độ hợp đồng đã ký thì nhà thầu phải kiến nghị chủ đầu tư gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp phát sinh chi phí thì nhà thầu phải khắc phục bằng chi phí của mình. Nếu gây thiệt hại cho chủ đầu tư thì nhà thầu phải bồi thường.

b) Trường hợp thời hạn hoàn thành hợp đồng tư vấn chậm so với tiến độ của Hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư thì chủ đầu tư phải gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp gây thiệt hại cho nhà thầu thì phải bồi thường

Điều 7. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

3. Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng là 03 ngày.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 30 ngày.

Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng

15 ngày.

Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 22 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc 15 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 03 ngày.

Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 15 ngày.

Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 24 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 07 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 07 ngày.

Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 01 lần.

Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do nhà thầu cung cấp, chủ đầu tư căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng nhà thầu phải hoàn chỉnh theo đúng các Điều Khoản thỏa thuận trong Hợp đồng.

Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

- Tiến độ thực hiện hợp đồng là 15 ngày, kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực hoặc từ ngày phê duyệt Phương án kỹ thuật khảo sát, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ (thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt, giám sát tác giả và các trường hợp bất khả kháng).

Điều 11. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: Không

2. Tiến độ thanh toán: Số lần thanh toán là 01 lần.

Giá trị mà Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo các lần thanh toán cụ thể:

- Lần 01: Sau khi nhà thầu hoàn thành phần toàn bộ công việc theo hợp đồng, chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu 100% giá trị hợp đồng.

* Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành

- Phụ lục 03a theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có)

- Đề nghị thanh toán của nhà thầu bao gồm: Giá trị hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu

có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này theo Phụ lục số 03a.

Khoảng thời gian Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn khi nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn là 03 ngày.

Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Thời gian để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại là 03 ngày.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải là 30 ngày.

Khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật là 30 ngày.

Giải quyết tranh chấp là 30 ngày.

Điều 13. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thưởng hợp đồng: không áp dụng.

2. Phạt vi phạm hợp đồng

Thời gian chậm tiến độ thực hiện hợp đồng là 01 ngày.

Tỷ lệ phạt là: 0,05% giá hợp đồng

Số tiền phạt tối đa bên nhận phải chịu là 12% giá trị hợp đồng.

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: *Áp dụng. Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu quy định bồi thường thiệt hại theo*

- *Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;*

Điều 14. Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm ngày 05 tháng 12 năm 2023

Hợp đồng này bao gồm 23 trang được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như sau. Chủ đầu tư giữ 04 bản, nhà thầu tư vấn giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN THẦU



GIÁM ĐỐC

Lê Đức Đạt

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO THẦU



LỮ ĐOÀN TRƯỞNG

Nội Thế Nam

PHỤ LỤC GIÁ

(Kèm theo Hợp đồng số 54.12.2023/HĐTV-KSXĐ ngày 05/12/2023 về việc tư vấn khảo sát địa chất Nhà ở công vụ Tổng Cục II khu vực Miền Trung (thành phố Đà Nẵng), Ký hiệu NCV741)

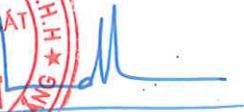
TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn Giá	Thành Tiền
1	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m. Cấp đất đá I -III (hố khoan rửa bằng dung dịch sét: NC, M x hệ số 1,05)	1m khoan	135,0	1.192.609	161.002.209
2	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 60m. Cấp đất đá IV - VI (hố khoan rửa bằng dung dịch sét: NC, M x hệ số 1,05)	1m khoan	15,0	1.718.343	25.775.142
3	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp I-III	1 lần thí nghiệm	68,0	447.890	30.456.493
4	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, Cấp đất đá IV-VI	1 lần thí nghiệm	6,0	1.718.343	10.310.057
	<i>Thí nghiệm trong phòng mẫu đất nguyên dạng 36 mẫu</i>	<i>mẫu</i>			
5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	40,0	523.089	20.923.554
6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	40,0	112.968	4.518.738
7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	40,0	197.863	7.914.522
8	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	40,0	298.746	11.949.859
9	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	40,0	62.830	2.513.211
10	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	40,0	618.553	24.742.123
11	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	40,0	62.125	2.485.006
	<i>Thí nghiệm mẫu đất không nguyên dạng 30 mẫu</i>				
12	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	30,0	523.089	15.692.666
13	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	30,0	112.968	3.389.053
14	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	30,0	298.746	8.962.395

15	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	1 chỉ tiêu	30,0	145.260	4.357.810
16	Thí nghiệm cát, khối lượng riêng hoặc khối lượng thể tích (xác định emax)	1 chỉ tiêu	30,0	231.829	6.954.882
17	Thí nghiệm cát, khối lượng riêng hoặc khối lượng thể tích (xác định emin)	1 chỉ tiêu	30,0	231.829	6.954.882
	<i>Thí nghiệm mẫu đá 03 mẫu</i>				
18	Thí nghiệm đá dăm (sỏi) - cường độ nén của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	3,0	987.810	2.963.429
19	Thí nghiệm đá dăm (sỏi) - hệ số hoá mềm của đá nguyên khai (cho 1 lần khô hoặc ướt)	1 chỉ tiêu	3,0	1.772.977	5.318.931
	TỔNG CỘNG				357.184.963
	LÀM TRÒN				357.185.000

(Bảng chữ: Ba trăm năm mươi bảy triệu, một trăm tám mươi lăm ngàn đồng.)

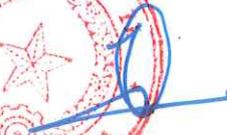
ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN THẦU

GIÁM ĐỐC


Lê Đức Đạt

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO THẦU

LỮ ĐOÀN TRƯỞNG


Nội Thế Nam